

MỤC LỤC

		Trang
	CÁC TỪ VIẾT TẮT	
PHẦN I.	GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ TRƯỜNG	4
1	THÔNG TIN CHUNG CỦA TRƯỜNG	4
2	THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA TRƯỜNG	5
3	CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA TRƯỜNG	6
4	QUY MÔ ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ CẮT GỌT KIM LOẠI	10
5	CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN, TÀI CHÍNH	11
PHẦN II.	KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA TRƯỜNG	13
1	ĐẶT VẤN ĐỀ	13
2	TỔNG QUAN CHUNG	14
2.1	Căn cứ tự kiểm định	14
2.2	Mục đích tự kiểm định	14
2.3	Yêu cầu tự kiểm định	14
2.4	Phương pháp tự kiểm định	14
2.5	Kết quả việc thực hiện kế hoạch tự kiểm định	15
3	TỰ ĐÁNH GIÁ	15
3.1	Tổng hợp kết quả tự kiểm định	15
3.2	Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	27
3.2.1	Tiêu chí 1. Hoạt động đào tạo	27

		Trang
	<i>Tiêu chuẩn 1.1</i>	29
	<i>Tiêu chuẩn 1.2</i>	31
	<i>Tiêu chuẩn 1.3</i>	33
	<i>Tiêu chuẩn 1.4</i>	37
	<i>Tiêu chuẩn 1.5</i>	41
3.2.2	Tiêu chí 2. Giáo viên dạy nghề, cán bộ quản lý	45
	<i>Tiêu chuẩn 2.1</i>	46
	<i>Tiêu chuẩn 2.2</i>	48
	<i>Tiêu chuẩn 2.3</i>	49
	<i>Tiêu chuẩn 2.4</i>	51
	<i>Tiêu chuẩn 2.5</i>	53
	<i>Tiêu chuẩn 2.6</i>	58
	<i>Tiêu chuẩn 2.7</i>	61
3.2.3	Tiêu chí 3. Chương trình, giáo trình	63
	<i>Tiêu chuẩn 3.1</i>	64
	<i>Tiêu chuẩn 3.2</i>	66
	<i>Tiêu chuẩn 3.3</i>	68
	<i>Tiêu chuẩn 3.4</i>	70
	<i>Tiêu chuẩn 3.5</i>	72
3.2.4	Tiêu chí 4. Cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học, thư viện	73
	<i>Tiêu chuẩn 4.1</i>	75

		Trang
	<i>Tiêu chuẩn 4.2</i>	78
	<i>Tiêu chuẩn 4.3</i>	80
	<i>Tiêu chuẩn 4.4</i>	82
	<i>Tiêu chuẩn 4.5</i>	84
3.2.5	Tiêu chí 5. Quản lý tài chính	86
	<i>Tiêu chuẩn 5.1</i>	87
	<i>Tiêu chuẩn 5.2</i>	89
	<i>Tiêu chuẩn 5.3</i>	91
3.2.6	Tiêu chí 6. Các dịch vụ cho người học nghề	93
	<i>Tiêu chuẩn 6.1</i>	94
	<i>Tiêu chuẩn 6.2</i>	95
	<i>Tiêu chuẩn 6.3</i>	98
PHẦN III.	KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	100

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Quyết định kiện toàn Hội đồng kiểm định chất lượng dạy nghề của trường

Phụ lục 2. Kế hoạch tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề cắt gọt kim loại, trình độ cao đẳng nghề

Phụ lục 3. Bảng mã minh chứng

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
ĐỒNG NAI**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BCKĐ-TCĐN-CGKL

Biên Hòa, ngày 16 tháng 11 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2012**

PHẦN I. GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ TRƯỜNG

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG:

1.1. Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỒNG NAI

1.2. Tên Tiếng Anh: DONGNAI VOCATIONAL COLLEGE

1.3. Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

1.4. Địa chỉ trường:

*Trụ sở chính: số 88 Nguyễn Văn Hoa, Khu phố 1, phường Thống Nhất, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*

Cơ sở 1: Tại phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

1.5. Số điện thoại: 0613.822.254

1.6. Số Fax: 0613.822.263

1.7. Email: caodangdona@gmail.com

1.8. Website: www.cdndn.edu.vn

1.9. Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: Trường Sơ - Trung kỹ thuật Biên Hòa: Quyết định số 02/CN ngày 08/11/1975.

- Năm thành lập Trường Cao đẳng nghề: Trường Cao đẳng nghề Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 921/QĐ-BLĐTBXH ngày 03/07/2007.

1.10. Loại hình trường: ☒ Công lập; ☐ Tư thực

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA TRƯỜNG:

Trường Cao đẳng nghề Đồng Nai được thành lập tháng 11/1975 trên cơ sở tiếp quản của Ban KTKH Trung ương cục Miền Nam giao Trường Huấn nghề Tân Mai cho Khu Đông nam bộ với tên ban đầu là trường Sơ trung cấp kỹ thuật Biên Hòa, giai đoạn này chủ yếu đào tạo công nhân kỹ thuật và cán bộ kỹ thuật trung cấp.

Tháng 03 năm 1976 đổi tên thành trường Sơ trung cấp kỹ thuật Tân Mai với nhiệm vụ đào tạo cán bộ kỹ thuật trung cấp cơ khí, máy nổ và công nhân cơ khí, máy nổ.

Tháng 10 năm 1980, do yêu cầu mới trường được UBND tỉnh đổi tên thành trường Công nhân kỹ thuật cơ điện Đồng Nai thực hiện đào tạo công nhân kỹ thuật có tay nghề thành thạo từ bậc 2/7 và bậc 3/7 gồm các nghề cơ khí, điện, ô tô... .

Tháng 10 năm 1995, trước yêu cầu phát triển nhanh về kinh tế xã hội của tỉnh, nhiệm vụ của trường cần được mở rộng UBND tỉnh quyết định đổi tên thành trường Công nhân kỹ thuật Đồng Nai, các ngành nghề đào tạo được mở rộng và đa dạng hơn.

Tháng 11 năm 2007, trước yêu cầu của xã hội về nguồn lao động có kỹ thuật cao nhằm đáp ứng cho sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa, trường đã được nâng cấp thành trường cao đẳng nghề Đồng Nai đào tạo lao động có kỹ thuật ở ba cấp trình độ sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề với 9 khoa và 14 nghề như sau:

1. Khoa Điện - Điện lạnh: đào tạo nghề Điện công nghiệp và Kỹ thuật lạnh và điều hòa không khí.
2. Khoa Điện tử: đào tạo nghề Điện tử công nghiệp, Điện tử dân dụng và Cơ điện tử.
3. Khoa Công nghệ thông tin: đào tạo nghề Quản trị mạng và Lập trình máy tính.
4. Khoa Công nghệ hóa: đào tạo nghề Chế biến thực phẩm và Kiểm tra và phân tích hóa chất.
5. Khoa Công nghệ may: đào tạo nghề May và Thiết kế thời trang.
6. Khoa Cơ khí chế tạo: đào tạo các nghề cơ khí như Cắt gọt kim loại, Nguội sửa chữa máy công cụ, Hàn.
7. Khoa Công nghệ Ô tô: đào tạo nghề Công nghệ ô tô.

8. Khoa Cơ bản – Kỹ thuật cơ sở: giảng dạy các môn chung, môn cơ sở và các môn văn hóa.

9. Khoa kinh tế: Đào tạo nghề Kế toán doanh nghiệp (thành lập năm 2009)

Để thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu đặt ra nhà trường đã được các cấp có thẩm quyền của tỉnh và Trung ương cho phép đầu tư cải tạo nâng cấp trường vào hai giai đoạn :

Giai đoạn I: Từ năm 1986 đến năm 1990 giai đoạn này được tỉnh đầu tư cơ sở vật chất để nhận thiết bị viện trợ của chính phủ Liên Xô cho các nghề cơ khí, ô tô, các phòng học thí nghiệm, ngoại ngữ..., phía tỉnh Đồng Nai đầu tư kinh phí xây dựng và cải tạo 5.100 m² nhà xưởng, 1.500m² KTX, 2.750m² phòng học lý thuyết. Năm 1990 do Nhà nước Liên Xô không còn tồn tại một phần của dự án chưa thực hiện được

Giai đoạn II: Từ năm 2000 được tỉnh Đồng Nai phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển trường đến 2010 và được nhà nước đầu tư thành trường trọng điểm Quốc gia, thực hiện dự án “ Cải tạo và nâng cao khả năng giáo dục kỹ thuật và dạy nghề quá trình đầu tư đến 31/12/2008 đã hoàn thành, bao gồm:

- Về cơ sở vật chất : Đầu tư 25 tỷ đồng xây dựng mới 15.700 m² các xưởng thực hành, giảng đường, cải tạo KTX, nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ khác

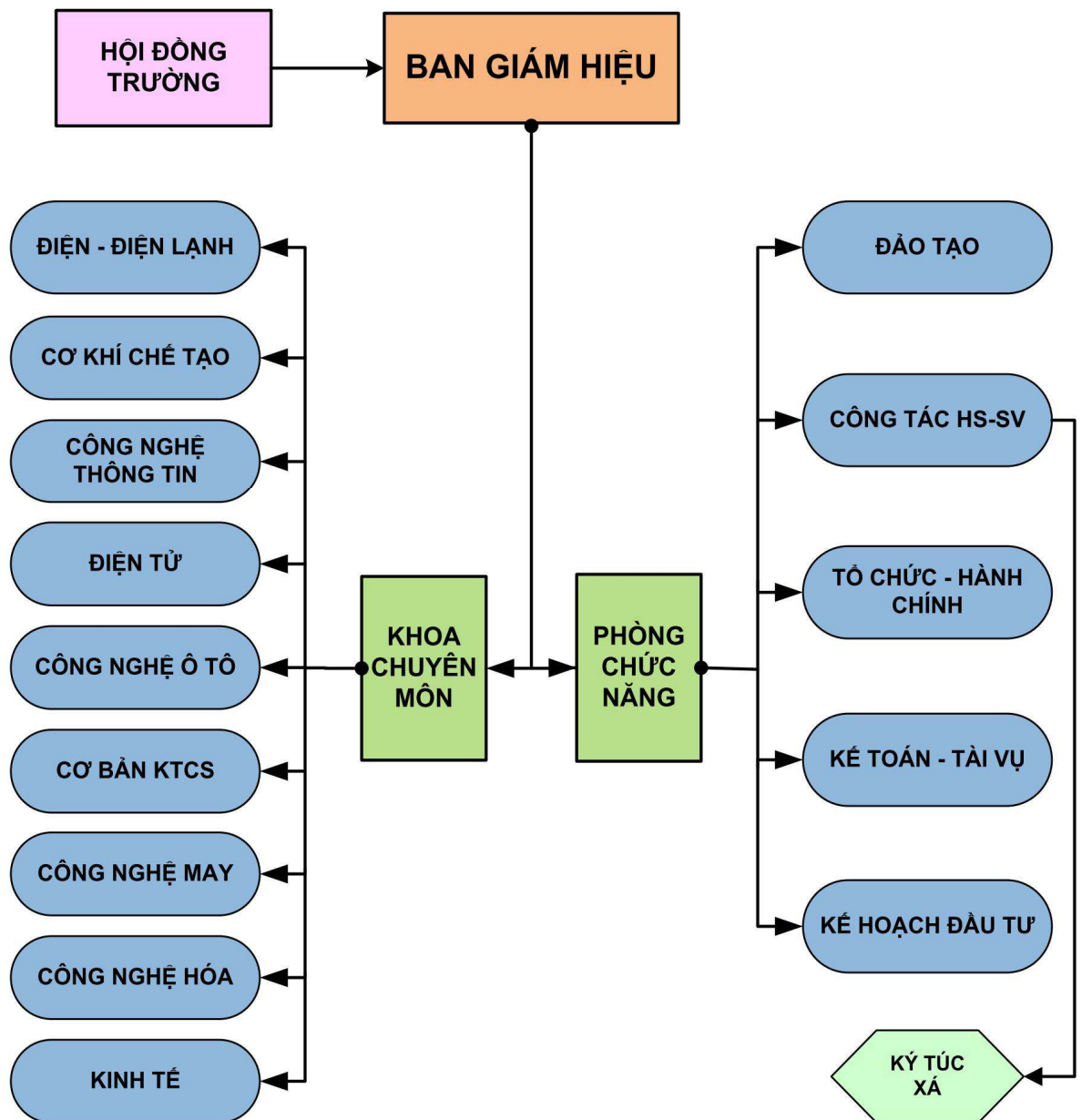
- Về thiết bị: Đầu tư 1,850 triệu Euro cho 4 nghề trọng điểm (Cắt gọt kim loại, cơ khí sửa chữa, Điện công nghiệp, Kỹ thuật lạnh và điều hòa không khí); 2,9 tỷ đồng cho nghề hoá, 01 tỷ đồng cho tin học, 2,5 tỷ đồng cho điện tử

- Về nhân sự: Đào tạo, bồi dưỡng cho hàng trăm lượt cán bộ giáo viên cả trong và ngoài nước.

3. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA TRƯỜNG:

3.1. Cơ cấu tổ chức:

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
ĐỒNG NAI**



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường có liên quan tới việc thực hiện chương trình dạy nghề, nghề cắt gọt kim loại, trình độ cao đẳng:

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
1. Ban Giám Hiệu	Vũ Anh Tuấn	1956	Kỹ sư chế tạo máy, Thạc sỹ quản trị kinh doanh	Hiệu trưởng
	Phạm Hồng Phương	1957	Kỹ sư điện	Phó Hiệu trưởng
	Đàm Danh Hùng	1958	Kỹ sư chế tạo máy	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn, Công đoàn				
	Đàm Danh Hùng	1958	Kỹ sư chế tạo máy	Bí thư Đảng bộ
	Phạm Quang Trung	1977	Kỹ sư Điện – Nhiệt lạnh, Đang học cao học ngành Quản lý khoa học công nghệ	Bí thư Đoàn trường
	Nguyễn Văn Phương	1957	Kỹ sư CK-ĐLực	Chủ tịch Công đoàn
3. Các trưởng phòng chức năng				
	Nguyễn Văn Dân	1953	Cử nhân chính trị	Trưởng phòng Tổ chức- Hành chính
	Vũ Điệp Châu	1973	Cử nhân kế toán	Phụ trách phòng Kế toán- Tài vụ
	Trịnh Văn Cẩn	1953	Kỹ sư điện tử	Trưởng phòng Kế hoạch- Đầu tư
	Nguyễn Văn Chín	1959	Kỹ sư chế tạo máy, đang học thạc sỹ	Trưởng phòng Đào tạo
	Nguyễn Văn Phương	1957	Kỹ sư CK-ĐLực	Trưởng phòng Công tác – Học Sinh Sinh

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
				Viên
4. Các trưởng khoa				
	Nguyễn Ngọc Điệp	1957	Kỹ sư Kỹ thuật công nghiệp	Trưởng khoa Cơ bản – Kỹ Thuật Cơ Sở
	Mai Thành Phúc	1966	Kỹ sư Cơ khí, đang học thạc sỹ	Phụ trách khoa Cơ khí chế tạo
	Phạm Minh Hoàng	1970	Thạc sỹ điện	Trưởng khoa Điện – Điện lạnh
	Huỳnh Lê Tuấn Dũng	1972	Kỹ sư CNTT, đang học thạc sỹ	Trưởng khoa Công Nghệ Thông Tin
	Bùi Xuân Hoàng	1962	Cử nhân Kinh tế	Phụ trách khoa Kinh tế
	Nguyễn Thị Hoa	1960	Kỹ sư Công nghệ May	Trưởng khoa công nghệ May
	Nguyễn Việt Long	1955	Thạc sỹ hóa	Trưởng khoa Công nghệ hóa
	Trần Thế Liên	1959	Thạc sỹ Ô tô, Máy kéo	Trưởng khoa Công nghệ Ô tô
	Lê Thanh Bình	1976	Kỹ sư điện tử, đang bảo vệ luận văn thạc sĩ	Trưởng khoa Điện tử

3.3. Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy môn học, mô đun đào tạo nghề của chương trình dạy nghề cắt gọt kim loại, trình độ cao đẳng:

Nam: 12	Nữ: 0
Cơ hữu: 12	Thỉnh giảng: 0

Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ			
Thạc sĩ	5		5
Đại học	7		7
Cao đẳng			
Trung cấp			
Công nhân bậc 5/7 trở lên			
Tổng số	12		12

4. QUY MÔ ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ CẮT GỌT KIM LOẠI, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG:

4.1. Quy mô tuyển sinh Chương trình dạy nghề Cắt gọt kim loại:

Năm tuyển sinh	Tuyển sinh theo kế hoạch (Đơn vị: học sinh)			
	Cao đẳng nghề	Trung cấp nghề	Liên thông	Sơ cấp nghề
2010-2011	30	150	50	60
2011-2012	30	120	50	100
2012-2013	30	120	50	30

4.2. Số lượng người học nghề:

Năm học	Cao đẳng nghề	Trung cấp nghề	Liên thông	Sơ cấp nghề	Tổng
2009-2010	28	86			114
2010-2011	27	65	51	644	787
2011-2012	40	60	99	280	479
Tổng	95	211	150	924	1.380

4.3. Tổng số học sinh tốt nghiệp:

Năm học	Cao đẳng nghề	Trung cấp nghề	Liên thông	Tổng
2009-2010	37	35	47	119
2010-2011	41	47	44	132
2011-2012	15	18	79	122
Tổng	93	100	140	363

5. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN, TÀI CHÍNH:

5.1. Diện tích đất

- Tổng diện tích: + Cơ sở chính 3,7 ha (37.000 m²)

+ Cơ sở 1: 5,4 ha (54.000 m²)

Trong đó: + Diện tích xây dựng: 3,2 ha (32.383 m²)

+ Diện tích cây xanh, không lưu: 4.617 m²

5.2. Diện tích hạng mục công trình:

TT	Hạng mục, công trình	Diện tích			
		Tổng (m ²)	Đã xây dựng (m ²)	Đang xây dựng	
				Diện tích (m ²)	Thời gian hoàn thành
1	Khu hiệu bộ	1.560m ²	1.560m ²		
2	Phòng học lý thuyết	624 m ²	480 m ²		
3	Phòng học thực hành	4.861 m ²	1.650 m ²		
4	Khu phục vụ	140m ²	140m ²		
4.1	Ký túc xá	1.039m ²	1.039m ²		
4.2	Nhà ăn	140m ²	140m ²		
4.3	Trạm y tế	21m ²	21m ²		
4.5	Khu thể thao	4.120m ²	4.120m ²		
5	Khác (liệt kê các hạng mục công trình khác nếu có)				
	Tổng		11.740 m²		

5.3. Tổng số đầu sách trong thư viện của trường:

Tổng đầu sách trong thư viện: 6.021 đầu sách (9827 bản), trong đó:

Nghề cắt gọt kim loại có: + 32 đầu sách là giáo trình tham khảo (với 1.425 bản)

+ 31 đầu sách là giáo trình nhà trường biên soạn

+ 56 đầu sách tham khảo của các NXB khác nhau

5.4. Tổng thu học phí của người học nghề Cắt gọt kim loại trong 3 năm trở lại đây:

- Năm học 2009-2010 : 644.900.000 (đồng)

- Năm học 2010-2011: 875.200.000 (đồng)

- Năm học 2011- 2012 : 609.250.000 (đồng)

PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA TRƯỜNG

1/ ĐẶT VẤN ĐỀ:

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự kiểm định chất lượng dạy nghề:

Trường Cao đẳng nghề Đồng Nai nằm ở khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu và Bình Dương. Nơi đang phát triển nhanh các cụm khu công nghiệp, nhu cầu cần nguồn nhân lực có tay nghề rất lớn.

Nhà trường luôn chú trọng, tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp và đầu tư trang thiết bị hiện đại, nhằm nâng cấp trường đủ năng lực đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao cung cấp cho thị trường lao động, vì vậy nhà trường cần được công nhận trường đạt hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình dạy nghề đối với trường Cao đẳng nghề.

1.2. Vai trò của hoạt động tự kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo:

Mục tiêu đào tạo cho người học có năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, tạo điều kiện cho người học có khả năng tìm việc đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

Chất lượng đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại được thể hiện qua:

- Chương trình đào tạo: có nội dung và khối lượng phù hợp, gồm các yêu cầu sau:

- + Kỹ năng, kỹ xảo thực hành được đào tạo.
- + Năng lực nhận thức và năng lực thực hiện được đào tạo.
- + Phẩm chất, đạo đức được đào tạo.

- Cơ sở vật chất được trang bị đáp ứng chương trình đào tạo của nghề.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên giảng dạy đáp ứng yêu cầu của mục tiêu đào tạo đề ra.

Hiện Trường Cao đẳng nghề Đồng Nai đã và đang từng bước hoàn thiện các vấn đề trên và phấn đấu trường được công nhận đạt hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề đối với nghề Cắt gọt kim loại của trường.

2. TỔNG QUAN CHUNG:

2.1. Căn cứ tự kiểm định:

Hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo tại quyết định số 1714/QĐ-LĐTBXH và thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH do Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành.

Hồ sơ, tài liệu, các quy trình, thủ tục ISO và các điều kiện hoạt động thực tế, định hướng phát triển của nhà trường từ nay đến năm 2020.

2.2. Mục đích tự kiểm định tại trường:

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung dạy nghề, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của chương trình đào tạo và các điều kiện, phương thức học tập của học sinh, giảng dạy của giáo viên so với bộ tiêu chí.

Xác định mức độ đạt được của nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của hệ tiêu chí, tiêu chuẩn (bao gồm các tiêu chuẩn và chỉ số) kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề của trường.

Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện, kịp thời điều chỉnh chương trình để đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu cho doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Là bước khởi đầu rất quan trọng cho việc kiểm định chất lượng chương trình dạy nghề bắt buộc của Vụ kiểm định chất lượng dạy nghề thuộc Tổng cục Dạy nghề trong thời gian tới.

2.3. Yêu cầu của tự kiểm định:

- Thể hiện sự bình đẳng, khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự kiểm định
- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong trường.
- Đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch.

2.4. Phương pháp tự kiểm định:

Nghiên cứu Hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề do Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành, và các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo.

Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của nhà trường, của nghề cắt gọt kim loại và những chứng cứ để chứng minh.

Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến với các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.

2.5. Kết quả việc thực hiện kế hoạch tự kiểm định:

Bắt đầu với kế hoạch tự kiểm định, trong đó kế hoạch phải được thực hiện theo trình tự sau:

Tập trung đánh giá tổng thể hoạt động của Nhà trường, của nghề theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đã ban hành.

- + Xác định thành phần tham gia quá trình kiểm định.
- + Tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức về tự kiểm định.
- + Thống kê các văn bản, quy định pháp qui liên quan đến trường Cao đẳng nghề và nghề cắt gọt kim loại.
- + Xây dựng qui trình, biểu mẫu đánh giá trên cơ sở các tiêu chí kiểm định đã có.
- + Thực hiện đầy đủ các minh chứng đối chiếu với các hoạt động đào tạo thực tế.
- + Phân công các bộ phận chuyên trách viết báo cáo cho từng tiêu chí từ 1 đến 6.
- + Tổng hợp định dạng, điều chỉnh báo cáo tự kiểm định chương trình đào tạo.
- + Lập kế hoạch và thực hiện tự kiểm định.
- + Nhận xét, đánh giá, điều chỉnh và hoàn thiện báo cáo kết quả tự kiểm định

3. TỰ ĐÁNH GIÁ:

3.1. Tổng hợp kết quả tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại:

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		
	Tổng điểm	94	90
1	Tiêu chí 1: Hoạt động đào tạo		20 Điểm

	<i>Tiêu chuẩn 1.1: Công tác tuyển sinh đúng quy định.</i>		3 Điểm
	a) Chỉ số 1: Hàng năm, trường có văn bản quy định công tác tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.		1
	b) Chỉ số 2: Tổ chức thực hiện tuyển sinh theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, của trường; đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.		1
	c) Chỉ số 3: Hàng năm, số lượng tuyển sinh đạt từ 80% trở lên so với kế hoạch tuyển sinh của trường.		1
	<i>Tiêu chuẩn 1.2: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học nghề.</i>		2 Điểm
	a) Chỉ số 1: Trường có phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học nghề.		1
	b) Chỉ số 2: Hàng năm thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề, doanh nghiệp và người học nghề về sự phù hợp, hiệu quả của các phương thức tổ chức đào tạo đang triển khai và điều chỉnh phương thức tổ chức đào tạo khi cần thiết.		1
	<i>Tiêu chuẩn 1.3: Thực hiện kế hoạch đào tạo, giám sát chặt chẽ, bảo đảm đúng tiến độ.</i>		4 Điểm
	a) Chỉ số 1: Trường có kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo cho từng khóa học theo từng học kỳ, năm học theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.		1
	b) Chỉ số 2: Trường tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo theo đúng yêu cầu nội dung và đảm bảo tiến độ.		1
	c) Chỉ số 3: Trường có văn bản quy định về giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo (trong đó có quy định cụ thể việc lấy ý kiến đánh giá của phòng, khoa liên quan và ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề,		1

	người học nghề về việc thực hiện kế hoạch đào tạo).		
	d) Chỉ số 4: Trường thực hiện giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo theo quy định và có báo cáo kết quả giám sát, đánh giá.		1
	<i>Tiêu chuẩn 1.4: Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học.</i>		5 Điểm
	a) Chỉ số 1: Trường áp dụng các phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa người học, khuyến khích phát triển tư duy sáng tạo, năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học nghề.		1
	b) Chỉ số 2: Trường có các kết quả đề tài nghiên cứu khoa học hoặc sáng kiến cải tiến được ứng dụng có hiệu quả trong quản lý, trong hoạt động dạy và học của trường và được áp dụng ở khoa.		1
	c) Chỉ số 3: Trường có hợp tác hoặc huy động các doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo.		1
	d) Chỉ số 4: Trường có liên kết đào tạo hoặc triển khai hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài, các tổ chức quốc tế để trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn và phương pháp dạy học.		1
	đ) Chỉ số 5: Hàng năm, trường tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề, người học nghề và doanh nghiệp nhằm tổng kết, đánh giá và hoàn thiện, lựa chọn các biện pháp trên nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học để phổ biến áp dụng.		1
	<i>Tiêu chuẩn 1.5. Thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả rèn luyện của người học nghề theo quy định.</i>		6 Điểm
	a) Chỉ số 1: Trường có quy định về thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp, quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của người học nghề, theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;		1
	b) Chỉ số 2: Trường tổ chức thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp; tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của người học nghề		1

	theo quy định.		
	c) Chỉ số 3: Trường có ngân hàng đề thi tốt nghiệp và kiểm tra kết thúc mô đun, môn học.		1
	d) Chỉ số 4: Thực hiện việc ghi chép, lưu giữ kết quả học tập của người học nghề, báo cáo cơ quan có thẩm quyền kết quả thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo quy định hiện hành.		1
	đ) Chỉ số 5: Trường có phần mềm quản lý đào tạo; tin học hóa việc lưu trữ kết quả học tập của người học nghề.		1
	e) Chỉ số 6: Có ít nhất 85% người học nghề có kết quả học tập từ trung bình trở lên, trong đó ít nhất 15% số người học nghề được xếp loại học tập từ loại khá trở lên.		1
2	2. Tiêu chí 2 - Giáo viên dạy nghề, cán bộ quản lý		25 Điểm
	<i>Tiêu chuẩn 2.1: Trường có đủ văn bản quy định về tuyển dụng, đánh giá và chính sách đối với giáo viên dạy nghề.</i>		3 Điểm
	a) Chỉ số 1: Trường có quy định về tuyển dụng giáo viên dạy nghề theo quy định của Nhà nước.		1
	b) Chỉ số 2: Trường có quy định về việc định kỳ đánh giá, xếp loại giáo viên dạy nghề.		1
	c) Chỉ số 3: Trường có chính sách và biện pháp khuyến khích giáo viên dạy nghề học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học, nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giảng dạy.		1
	<i>Tiêu chuẩn 2.2: Tuyển dụng đội ngũ giáo viên dạy nghề theo quy định.</i>		2 Điểm
	a) Chỉ số 1: Trường có kế hoạch tuyển dụng giáo viên dạy nghề đáp ứng nhu cầu giảng dạy chương trình dạy nghề khi tăng quy		1

	mô đào tạo hoặc bổ sung khi thiếu giáo viên dạy nghề.		
	b) Chỉ số 2: Số giờ dạy thêm của giáo viên dạy nghề (bao gồm giáo viên dạy nghề cơ hữu, kiêm nhiệm và thỉnh giảng) không vượt quá số giờ dạy thêm được phép theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.		1
	<i>Tiêu chuẩn 2.3: Có đủ giáo viên dạy nghề.</i>		2 Điểm
	a) Chỉ số 1: Có đủ số lượng giáo viên dạy nghề để đảm bảo quy mô và tiến độ đào tạo theo quy định.		1
	b) Chỉ số 2: Số giờ dạy thêm của giáo viên dạy nghề (bao gồm giáo viên dạy nghề cơ hữu, kiêm nhiệm và thỉnh giảng) không vượt quá số giờ dạy thêm được phép theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.		1
	<i>Tiêu chuẩn 2.4: Giáo viên dạy nghề đạt chuẩn theo quy định.</i>		1 Điểm
	a) Chỉ số 1: 100% giáo viên dạy nghề đạt chuẩn kiến thức chuyên môn theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.		0
	b) Chỉ số 2: 100% giáo viên dạy nghề đạt chuẩn trình độ nghiệp vụ sư phạm dạy nghề theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.		1
	c) Chỉ số 3: 100% giáo viên dạy nghề đạt chuẩn kỹ năng nghề theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.		0
	<i>Tiêu chuẩn 2.5: Giáo viên dạy nghề thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng dạy.</i>		8 Điểm
	a) Chỉ số 1: Công tác đánh giá, xếp loại việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên dạy nghề được thực hiện định kỳ theo đúng quy định; đảm bảo chính xác, trung thực và khách quan.		1
	b) Chỉ số 2: 100% giáo viên dạy nghề thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chuẩn bị giảng dạy.		1

c) Chỉ số 3: 100% giáo viên dạy nghề thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng dạy theo đúng kế hoạch.		1
d) Chỉ số 4: 100% giáo viên dạy nghề thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học.		1
đ) Chỉ số 5: 100% giáo viên dạy nghề thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quản lý hồ sơ dạy học.		1
e) Chỉ số 6: 100% giáo viên dạy nghề thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy.		1
g) Chỉ số 7: 100% giáo viên tham dự hội giảng cấp trường.		1
h) Chỉ số 8: 100% giáo viên có sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc làm đồ dùng, thiết bị dạy học nhằm nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy.		1
<i>Tiêu chuẩn 2.6: Đội ngũ giáo viên dạy nghề được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ.</i>		5 Điểm
a) Chỉ số 1: Hàng năm, trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ giáo viên dạy nghề.		1
b) Chỉ số 2: Trường tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề theo kế hoạch và cử giáo viên dạy nghề tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng khi được triệu tập.		1
c) Chỉ số 3: Hàng năm, trường có tổng kết, đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ giáo viên dạy nghề.		1
d) Chỉ số 4: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức cho đội ngũ giáo viên dạy nghề đi thực tế sản xuất, tiếp cận với công nghệ mới để bổ sung kinh nghiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu giảng dạy.		1
đ) Chỉ số 5: Hàng năm, mỗi giáo viên dạy nghề có đăng ký kế hoạch tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.		1

	<i>Tiêu chuẩn 2.7: Cán bộ quản lý đảm bảo cho công tác giảng dạy chương trình dạy nghề.</i>		3 Điểm
	a) Chỉ số 1: Đội ngũ cán bộ quản lý khoa, tổ, bộ môn Phụ trách việc thực hiện chương trình dạy nghề có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng các tiêu chuẩn quy định.		1
	b) Chỉ số 2: Đội ngũ cán bộ quản lý khoa, tổ, bộ môn Phụ trách việc thực hiện chương trình dạy nghề hoàn thành nhiệm vụ được giao.		1
	c) Chỉ số 3: Hàng năm, đội ngũ cán bộ quản lý khoa, tổ, bộ môn Phụ trách việc thực hiện chương trình dạy nghề được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.		1
3	3. Tiêu chí 3 - Chương trình, giáo trình		15 Điểm
	<i>Tiêu chuẩn 3.1: Chương trình dạy nghề được tổ chức xây dựng, biên soạn, nghiệm thu, phê duyệt theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</i>		2 Điểm
	a) Chỉ số 1: Trường có quy định tổ chức xây dựng, biên soạn, nghiệm thu, phê duyệt chương trình dạy nghề theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.		1
	b) Chỉ số 2: Trường tổ chức xây dựng, biên soạn, nghiệm thu, phê duyệt chương trình dạy nghề đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, của trường.		1
	<i>Tiêu chuẩn 3.2: Chương trình dạy nghề được xây dựng có sự tham gia của cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề và chuyên gia từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.</i>		3 Điểm
	a) Chỉ số 1: Có ít nhất 50% cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề tham gia vào việc xây dựng chương trình dạy nghề.		1
	b) Chỉ số 2: Có các chuyên gia từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tham gia xây dựng chương trình dạy nghề.		1

	c) Chỉ số 3: Khi xây dựng chương trình dạy nghề có tham khảo các chương trình tương ứng của nước ngoài hoặc cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến chương trình dạy nghề.		1
	<i>Tiêu chuẩn 3.3: Chương trình dạy nghề được rà soát, điều chỉnh, bổ sung.</i>		5 Điểm
	a) Chỉ số 1: Trường có văn bản quy định về việc tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình dạy nghề để phù hợp với kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.		1
	b) Chỉ số 2: Hàng năm trường tổ chức lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của người sử dụng lao động về sự phù hợp của chương trình dạy nghề với yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động.		1
	c) Chỉ số 3: Hàng năm trường tổ chức lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của người tốt nghiệp đã đi làm về sự phù hợp của chương trình dạy nghề với yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động.		1
	d) Chỉ số 4: Hàng năm trường tổ chức cập nhật kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến chương trình dạy nghề.		1
	đ) Chỉ số 5: Trường tổ chức rà soát và điều chỉnh, bổ sung chương trình dạy nghề theo quy định.		1
	<i>Tiêu chuẩn 3.4: Giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình dạy nghề được xây dựng và ban hành theo quy định.</i>		3 Điểm
	a) Chỉ số 1: Trường có văn bản quy định về việc tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn nghiệm thu, phê duyệt giáo trình theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.		1
	b) Chỉ số 2: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, nghiệm thu, phê duyệt theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, của trường.		1

	c) Chỉ số 3: Các mô-đun, môn học của chương trình dạy nghề có đủ giáo trình được phê duyệt.		1
	<i>Tiêu chuẩn 3.5: Giáo trình được rà soát, điều chỉnh, bổ sung.</i>		2 Điểm
	a) Chỉ số 1: Trường có văn bản quy định về việc định kỳ tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung giáo trình khi chương trình dạy nghề sửa đổi, bổ sung hoặc khi có công nghệ mới (trong đó có nội dung hàng năm trường có kế hoạch và tổ chức thu thập ý kiến nhận xét, đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề về mức độ giáo trình đáp ứng các yêu cầu cụ thể hoá về nội dung cần đạt trong chương trình dạy nghề, về mức độ đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học của giáo trình);		1
	b) Chỉ số 2: Trường tổ chức rà soát, điều chỉnh và bổ sung giáo trình theo quy định.		1
4	4. Tiêu chí 4 - Cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học, thư viện		16 Điểm
	<i>Tiêu chuẩn 4.1: Phòng học, xưởng thực hành đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình dạy nghề.</i>		4 Điểm
	a) Chỉ số 1: Trường có số lượng các phòng học, xưởng thực hành đáp ứng quy mô đào tạo của chương trình dạy nghề.		1
	b) Chỉ số 2: Các phòng học, xưởng thực hành bảo đảm quy chuẩn xây dựng.		1
	c) Chỉ số 3: Trường có văn bản quy định về quy chế sử dụng, quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa các phòng học, xưởng thực hành.		1
	d) Chỉ số 4: Các phòng học, xưởng thực hành được sử dụng đúng mục đích, đúng công năng, được bảo dưỡng theo quy định, đảm bảo hoạt động bình thường.		1
	<i>Tiêu chuẩn 4.2: Thiết bị dạy nghề đáp ứng quy mô đào tạo.</i>		3 Điểm

	a) Chỉ số 1: Trường có đủ chủng loại, số lượng thiết bị dạy nghề theo quy định về danh mục thiết bị dạy nghề của nghề đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành; trường hợp chưa có quy định về danh mục thiết bị dạy nghề, phải có đủ chủng loại, số lượng thiết bị dạy nghề theo quy định trong chương trình dạy nghề và phù hợp với quy mô đào tạo.		1
	b) Chỉ số 2: 100% thiết bị dạy nghề đảm bảo hoạt động bình thường.		1
	c) Chỉ số 3: Các thiết bị dạy nghề được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hoạt động dạy và học.		1
	<i>Tiêu chuẩn 4.3: Quản lý, sử dụng, bảo dưỡng thiết bị dạy nghề.</i>		2 Điểm
	a) Chỉ số 1: Trường có văn bản quy định về quản lý, sử dụng và bảo dưỡng thiết bị dạy nghề.		1
	b) Chỉ số 2: Các thiết bị dạy nghề có hồ sơ quản lý rõ ràng, được quản lý, sử dụng đúng công năng, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ theo quy định của trường và nhà sản xuất.		1
	c) Chỉ số 3: Các thiết bị dạy nghề bảo đảm các yêu cầu về sự phạm, an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong quá trình sử dụng, bảo dưỡng.		0
	<i>Tiêu chuẩn 4.4: Nguyên, nhiên, vật liệu đáp ứng công tác giảng dạy và học tập.</i>		5 Điểm
	a) Chỉ số 1: Có quy định về việc quản lý, cấp phát, sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu Phục vụ công tác giảng dạy và học tập;		1
	b) Chỉ số 2: Có dự trù, kế hoạch sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu cho từng học kỳ, năm học.		1
	c) Chỉ số 3: Nguyên, nhiên, vật liệu được cung cấp kịp thời, đáp		1

	ứng đầy đủ theo kế hoạch đào tạo.		
	d) Chỉ số 4: Có phòng, kho đảm bảo điều kiện bảo vệ, bảo quản tốt để bảo quản nguyên, nhiên, vật liệu.		1
	đ) Chỉ số 5: Tổ chức việc quản lý, cấp phát, sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu theo quy định.		1
	<i>Tiêu chuẩn 4.5: Thư viện đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập.</i>		2 Điểm
	a) Chỉ số 1: Trường có thư viện; thư viện có đủ giáo trình, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 10 bản hoặc có đủ số lượng và hình thức Phục vụ phù hợp với nhu cầu tra cứu của giáo viên và người học nghề;		1
	b) Chỉ số 2: Thư viện có ít nhất 50 tài liệu tham khảo cho chương trình dạy nghề, số lượng tối thiểu của mỗi loại là 10 cuốn.		1
5	5. Tiêu chí 5 - Quản lý tài chính		6 Điểm
	<i>Tiêu chuẩn 5.1: Công tác lập kế hoạch tài chính theo đúng quy định.</i>		2 Điểm
	a) Chỉ số 1: Trường có văn bản quy định về việc lập kế hoạch tài chính đối với thực hiện các chương trình dạy nghề và có văn bản quy định về các định mức chi liên quan đến thực hiện chương trình dạy nghề.		1
	b) Chỉ số 2: Hàng năm có kế hoạch tài chính được lập theo quy định để thực hiện chương trình dạy nghề, đảm bảo định mức quy định đối với chương trình dạy nghề và phù hợp tình hình giá cả, điều kiện hoạt động thực tế.		1
	<i>Tiêu chuẩn 5.2: Nguồn thu theo quy định và đáp ứng thực hiện chương trình dạy nghề.</i>		2 Điểm

	a) Chỉ số 1: Các nguồn thu hợp pháp và được thực hiện theo quy định.		1
	b) Chỉ số 2: Nguồn thu đáp ứng đủ yêu cầu kinh phí để thực hiện chương trình dạy nghề.		1
	<i>Tiêu chuẩn 5.3: Thực hiện chi theo kế hoạch và rà soát, điều chỉnh khi cần thiết.</i>		2 Điểm
	a) Chỉ số 1: Thực hiện chi theo đúng kế hoạch tài chính đã được phê duyệt, hồ sơ, chứng từ được lưu trữ theo quy định.		1
	b) Chỉ số 2: Thực hiện công khai tài chính đối với hoạt động thực hiện chương trình dạy nghề theo quy định;		1
	c) Chỉ số 3: Hàng năm, thực hiện rà soát định mức chi liên quan đến hoạt động thực hiện chương trình dạy nghề và điều chỉnh khi cần thiết.		0
6	6. Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học nghề		9 Điểm
	<i>Tiêu chuẩn 6.1: Đảm bảo người học nghề có được thông tin cần thiết về chương trình dạy nghề ngay từ khi nhập học.</i>		2 Điểm
	a) Chỉ số 1: Trường có quy định về việc cung cấp thông tin cần thiết về chương trình dạy nghề.		1
	b) Chỉ số 2: Người học nghề được cung cấp các thông tin cần thiết theo quy định.		1
	<i>Tiêu chuẩn 6.2: Các dịch vụ cho người học nghề.</i>		4 Điểm
	a) Chỉ số 1: Người học nghề được cung cấp dịch vụ hỗ trợ trong quá trình đào tạo (ăn, ở, giải trí, tư vấn tâm lý, cung cấp tài liệu, in ấn tài liệu).		1
	b) Chỉ số 2: Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội theo quy định.		1
	c) Chỉ số 3: Trường có nhà ăn hoặc dịch vụ ăn uống được cấp		1

	giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm và chưa xảy ra bất cứ một vụ ngộ độc thực phẩm nào.		
	d) Chỉ số 4: Người học nghề được tạo điều kiện rèn luyện nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất, được cung cấp các dịch vụ y tế theo quy định.		1
	<i>Tiêu chuẩn 6.3: Tổ chức thông tin thị trường lao động và giới thiệu việc làm cho người học nghề.</i>		3 Điểm
	a) Chỉ số 1: Thường xuyên cung cấp cho người học nghề các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm;		1
	b) Chỉ số 2: Tổ chức trợ giúp giới thiệu việc làm cho người học nghề sau khi tốt nghiệp;		1
	c) Chỉ số 3: Hàng năm rà soát, đánh giá hiệu quả của hoạt động thông tin thị trường lao động và giới thiệu việc làm cho người học nghề.		1

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

3.2.1. TIÊU CHÍ 1: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Công tác phát triển nguồn nhân lực luôn được nhà trường đặc biệt chú trọng và có chế độ khuyến khích hỗ trợ tài chính cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý học tập nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý trong và ngoài nước. Ngoài ra việc nắm bắt và thấu hiểu các chủ trương, đường lối của Đảng, Chính sách của Nhà nước. Bên cạnh đó công tác kiểm tra giám sát được thực hiện đều đặn, do đó công tác kiểm tra giám sát hoạt động ngày càng rõ nét, có chất lượng nhằm đem lại những cải tiến tích cực, góp phần quan trọng vào Quy trình quản lý chất lượng đào tạo của Nhà trường.

*** Những điểm mạnh:**

Quá trình tuyển sinh của Nhà trường được sự tham gia của tập thể cán bộ, giáo viên, công tác tuyển sinh thuận lợi cho học sinh đăng ký dự tuyển. Các phương thức tổ chức đào tạo của trường đều gắn kết với doanh nghiệp sản xuất.

Kế hoạch đào tạo, tiến độ giảng dạy được xây dựng trong năm học, đội ngũ giáo viên tích cực tham gia thực hiện phương pháp tích cực hoá người học, biên soạn bài giảng điện tử... Công tác giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch đào tạo đã được thực hiện thường xuyên và có sự tham gia của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh trong quá trình đào tạo. Bên cạnh đó lãnh đạo Nhà trường đã rất nỗ lực trong việc chỉ đạo và triển khai các Quy định hướng dẫn của Bộ, Ngành trong việc biên soạn chương trình đào tạo liên thông.

****Những tồn tại và kế hoạch:***

- Những tồn tại:

Các hình thức tổ chức hướng nghiệp cho học sinh học nghề ngay từ Trường Trung học phổ thông chưa được đa dạng, phong phú, việc chọn địa bàn chỉ tập trung ở trong Tỉnh, mà chưa lan rộng sang các địa bàn lân cận. Do điều kiện thực tế về cơ sở vật chất của đơn vị, nên các phương thức tổ chức đào tạo của các cấp trình độ còn cứng về khung thời gian. Công tác biên soạn bài giảng được tất cả các giáo viên tham gia, tuy nhiên các tiêu chí đánh giá, biên soạn giáo án giảng dạy tích cực hoá người học chưa cụ thể hóa, nên việc biên soạn bài giảng điện tử cũng chưa thật sự đem lại hiệu quả cao và đồng bộ ở các Khoa, Bộ môn.

- Kế hoạch:

Từ nay đến năm 2015, lãnh đạo nhà trường sẽ thực hiện các giải pháp và kế hoạch sau:

Bộ phận tuyển sinh xây dựng kế hoạch cụ thể và hình thức hướng nghiệp đa dạng trên từng địa bàn thành phố, huyện và các tỉnh lân cận.

Tạo mọi kiện thuận lợi cho giáo viên, cán bộ quản lý tiếp cận với các doanh nghiệp sản xuất, các trường đào tạo nghề chất lượng cao trong và ngoài nước, để việc cập nhật và áp dụng công nghệ mới vào nội dung giảng dạy góp phần thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình dạy nghề ngày càng hiệu quả, có chất lượng ngang tầm khu vực.

Điều chỉnh các chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học hoặc nghiên cứu các công nghệ sản xuất mới áp dụng trong công tác đào tạo của nhà trường. Có chính sách hỗ trợ cụ thể về cơ sở vật chất

để cho đội ngũ giáo viên trẻ học sau đại học và ngoại ngữ trình độ Quốc tế để tham gia các chương trình đào tạo, huấn luyện nâng cao trong và ngoài nước.

<i>Tiêu chuẩn 1.1: Công tác tuyển sinh đúng quy định</i>

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Hàng năm, trường có văn bản quy định công tác tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trường Cao đẳng nghề Đồng Nai thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng theo Quy chế tuyển sinh học nghề của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (**ĐT.1.1.1.01- Quy chế tuyển sinh học nghề ban hành theo quyết số 08/2007/QĐ-BLĐTBXH, ngày 26/03/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**) và xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (**ĐT.1.1.1.02- Quyết định về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh năm 2009, 2010, 2011**). Để quá trình xét tuyển đúng quy định, nhà trường ban hành quy định xét tuyển cho từng năm học (**ĐT.1.1.1.03 - Qui định xét tuyển năm học 2010- 2011, 2011-2012, 2012-2013**), trong đó quy định rõ điều kiện xét tuyển, đối tượng ưu tiên và điểm xét tuyển của các hệ đào tạo.

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Tổ chức thực hiện tuyển sinh theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, của trường; đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan

Để bảo đảm các khâu trong quá trình tuyển sinh đúng quy định nhà trường ban hành quy trình tuyển sinh với nội dung và thời gian cụ thể: từ khâu thông báo tuyển sinh, ban hành quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh.... đến khâu cuối cùng là tổng kết, báo cáo công tác tuyển sinh (**ĐT.1.1.2.01 - Qui trình tuyển sinh năm 2010, 2011, 2012**); đồng thời thông báo tuyển sinh bằng nhiều hình thức: tờ rơi, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng (**ĐT.1.1.2.02 - Thông báo tuyển sinh năm học 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013**) và tổ chức thu nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển thí sinh trực tiếp. Theo chỉ tiêu tuyển sinh được giao hàng năm và điều kiện thực tế, trường thống nhất kế hoạch tuyển sinh của các khoa nghề và các hệ đào tạo từng năm học (**ĐT.1.1.2.03 - Kế hoạch tuyển sinh năm học 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013**). Với số lượng tuyển sinh nghề cắt gọt kim loại như sau:

Năm tuyển sinh	Tuyển sinh theo kế hoạch nghề Cắt gọt kim loại (Đơn vị: học sinh)			
	Cao đẳng nghề	Trung cấp nghề	Liên thông	Sơ cấp nghề
2010-2011	30	150	50	60
2011-2012	30	120	50	100
2012-2013	30	100	50	30

Để cụ thể hóa trách nhiệm của từng thành viên trong hội đồng tuyển sinh và đảm bảo tính minh bạch, công bằng, khách quan, bằng quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh (**ĐT.1.1.2.04** – *Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm học 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013*) do hiệu trưởng phê duyệt.

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

c) Chỉ số 3: Hàng năm, số lượng tuyển sinh đạt từ 80% trở lên so với kế hoạch tuyển sinh của trường

Theo báo cáo công tác tuyển sinh (**ĐT.1.1.3.01** - *Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2011, 2012, 2013*), và biên bản họp hội đồng tuyển sinh (**ĐT.1.1.3.02** - *Biên bản họp hội đồng tuyển sinh năm học 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013*) cho thấy điểm chuẩn xét tuyển hàng năm và tổng thể số lượng tuyển sinh đạt từ 80% trở lên so với kế hoạch tuyển sinh của trường, riêng nghề Cắt gọt kim loại trung bình hàng năm cụ thể như sau:

Năm tuyển sinh	Tuyển sinh theo kế hoạch (Đơn vị: học sinh)				Trúng tuyển (Đơn vị: học sinh)				Tỉ lệ trúng tuyển trung bình trong 3 năm (%)
	Cao đẳng nghề	Trung cấp nghề	Liên thông	Sơ cấp nghề	Cao đẳng nghề	Trung cấp nghề	Liên thông	Sơ cấp nghề	

2010-2011	30	150	50	60	24	65	47	644	80%
2011-2012	30	120	50	100	40	60	100	280	
2012-2013	30	100	50	30	34	54	54	186	

Các học sinh, sinh viên trúng tuyển vào trường đều được thông báo trúng tuyển bằng đường bưu điện và trên trang website của trường (<http://www.cdndn.edu.vn>), được hiệu trưởng ra quyết định công nhận trúng tuyển (**ĐT.1.1.3.03** – *Quyết định công nhận HSSV trúng tuyển năm học 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013*)

Tự đánh giá chỉ số 3: 1 điểm

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh:* Quá trình tuyển sinh được sự tham gia của tập thể cán bộ, giáo viên của nhà trường đúng quy định, công bằng khách quan và được phổ biến công khai nhằm giúp các bậc phụ huynh và học sinh tham khảo trước khi đăng ký hồ sơ. Bộ tuyển sinh tận tình, tư vấn giúp học sinh chọn đúng ngành học phù hợp với năng lực học tập và sở thích.

- *Những tồn tại:* Trong những năm trở lại đây công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn về số lượng tuyển, nếu làm tốt công tác hướng nghiệp, hình thức tổ chức hướng nghiệp cho học sinh học nghề ở các Trường trung học cơ sở và các Trường trung học phổ thông đóng trên địa bàn tỉnh, số lượng tuyển sinh đạt sẽ cao hơn.

3. Kế hoạch:

Trong năm học 2012-2013, Ban Giám hiệu nhà trường chỉ đạo bộ phận tuyển sinh kết hợp các đơn vị đoàn thể tổ chức hướng nghiệp sâu, rộng với hình thức đa dạng, phong phú trong các huyện, các xã, các Trường trung học cơ sở và các Trường phổ thông trung học trong tỉnh.

4. Tự đánh tiêu chuẩn 1.1 đạt: 3 điểm

Tiêu chuẩn 1.2: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học nghề

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Trường có phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học nghề

Ngoài hình thức đào tạo chính quy tập trung: hệ Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề, trường Cao đẳng nghề Đồng Nai đã thực hiện chủ trương đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo nghề với nhiều hình thức như sau: đào tạo hệ cao đẳng liên thông (*ĐT.1.1.3.03 – Quyết định công nhận HSSV trúng tuyển năm học 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013, minh chứng dùng lại*); bồi dưỡng và thi nâng bậc thợ (*ĐT.1.2.1.01 - Thông báo tổ chức bồi dưỡng và thi nâng bậc năm 2010, 2011, 2012*). Đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp và các đơn vị liên kết đào tạo (*ĐT.1.2.1.02 – Hợp đồng liên kết đào tạo, hợp đồng thực tập*). Kế hoạch đưa học sinh-sinh viên đi thực tập xí nghiệp (*ĐT.1.2.1.03 – Kế hoạch số 16/KH-TCĐN, ngày 08/02/2012 về việc thực tập xí nghiệp*), trong đó nghề Cắt gọt kim loại tham gia tích cực vào các hình thức trên (*ĐT.1.2.1.04 – Kế hoạch giáo viên, kế hoạch bài tập lớp cao đẳng liên thông năm học 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013*).

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Hàng năm thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề, doanh nghiệp và người học nghề về sự phù hợp, hiệu quả của các phương thức tổ chức đào tạo đang triển khai và điều chỉnh phương thức tổ chức đào tạo khi cần thiết

Hàng năm để đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của các phương thức tổ chức đào tạo đang triển khai, nghề cắt gọt kim loại tiến hành thu thập ý kiến đánh giá của học sinh-sinh viên năm cuối (*ĐT.1.2.2.01 – Phiếu khảo sát phương thức đào tạo dành cho học sinh năm cuối năm 2010, 2011, 2012*) và đội ngũ giáo viên-cán bộ quản lý (*ĐT.1.2.2.02 – Phiếu khảo sát phương thức đào tạo dành cho giáo viên và cán bộ quản lý năm 2010, 2011, 2012*) và doanh nghiệp sản xuất (*ĐT.1.2.2.03 – Phiếu khảo sát các loại hình thức đào tạo dành cho doanh nghiệp năm 2010, 2011, 2012*). Căn cứ ý kiến thu thập được từ phiếu khảo sát cho thấy các yêu cầu từ mục tiêu đào tạo, các phương thức đào tạo của nghề cắt gọt kim loại đang triển khai là phù hợp, hiệu quả (*ĐT.1.2.2.04 – Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát phương thức đào tạo 2010, 2011, 2012*).

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh:* Các phương thức tổ chức đào tạo của trường đều gắn kết với doanh nghiệp sản xuất, các thông tin phản hồi từ học sinh, doanh nghiệp sản xuất được cập nhật và khắc phục cải tiến kịp thời giúp nhà trường cung ứng các dịch vụ đào tạo phù hợp với thực tế và có chất lượng.

- *Những tồn tại:* Do điều kiện thực tế về cơ sở vật chất của trường một số ngành nghề chưa phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, mặc dù có nhiều phương thức tổ chức đào tạo tuy nhiên chưa đáp ứng được yêu cầu cao của doanh nghiệp.

3. Kế hoạch:

Từ năm học 2012 - 2013, nhà trường sẽ thực hiện điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo theo hướng nội dung giảng dạy tích hợp để phù hợp với phương thức tổ chức đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho người học, nhằm đáp ứng cao nhất nhu cầu của người học.

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 1.2 đạt: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học nghề

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Trường có kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo cho từng khóa học theo từng học kỳ, năm học theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo, nghề Cắt gọt kim loại có đầy đủ Kế hoạch đào tạo của hệ Cao đẳng nghề và Trung cấp nghề đã được Ban giám hiệu phê duyệt (**CK.1.3.1.01** – Kế hoạch, chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại năm 2009, 2011, 2012). Theo kế hoạch và chương trình đào tạo năm 2011, tổng số giờ hệ cao đẳng nghề là 3765 giờ, bao gồm 45 môn học mô đun - trong đó: Môn học chung: 6 môn, các môn lý thuyết cơ sở: 8 môn và 31 mô đun chuyên môn nghề, được dàn trải trong 3 năm. Thời gian nghỉ tết 3 tuần, nghỉ hè 7 tuần, phân phối chương trình toàn khóa 156 tuần, các môn thi tốt nghiệp được quy định cụ thể về hình thức và thời gian thi.

Căn cứ vào Kế hoạch - chương trình đào tạo, nghề Cắt gọt thực hiện triệt để, đúng tiến độ giảng dạy, theo đúng các môn học, mô đun cụ thể cho từng học kỳ, của từng năm học (**CK.1.3.1.02** – *Tiến độ đào tạo năm học 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013*).

Để điều chỉnh chương trình đào tạo nghề cắt gọt kim loại thực hiện theo thông báo của trường, đúng trình tự quy định (**CK.1.3.03**-*Thông báo số 170B/TB-TCĐN, ngày 14/7/2011 về việc điều chỉnh chương trình đào tạo nghề theo hướng nội dung giảng dạy tích hợp, thông báo số 92B/TB-TCĐN, ngày 12/4/2012 về việc điều chỉnh kế hoạch chương trình đào tạo nghề năm 2012*).

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Trường tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo theo đúng yêu cầu nội dung và đảm bảo tiến độ

Để tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo đúng nội dung và đảm bảo tiến độ giảng dạy hàng năm có chất lượng và hiệu quả, nghề Cắt gọt kim loại phân công cụ thể giáo viên theo kế hoạch từng học kỳ (**CK.1.3.2.01** - *Kế hoạch đào tạo theo học kỳ năm học 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013*) và tổ chức họp dự thảo kế hoạch giáo viên dự kiến phân công giờ dạy các lớp thực hành trong học kỳ, tiếp đó nghề Cắt gọt kim loại báo cáo và thông qua với Ban giám hiệu, phòng Đào tạo và các phòng ban có liên quan có biên bản ghi chép cuộc họp (**CK.1.3.2.02** - *Biên bản họp phân công giáo viên nghề Cắt gọt kim loại năm học 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013*) trình Ban giám hiệu phê duyệt Kế hoạch giáo viên cho từng học kỳ, từng năm học. (**CK.1.3.2.03** - *Kế hoạch giáo viên nghề Cắt gọt kim loại năm học 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013*)

Từ kế hoạch giáo viên đã được Ban giám hiệu phê duyệt, quản lý các xưởng thực hành thuộc nghề Cắt gọt kim loại lập thời khóa biểu cụ thể cho từng lớp, từng mô đun, môn học, chia ca, chia nhóm, thời gian thực hành (**CK.1.3.2.04** - *Thời khóa biểu các xưởng thực hành năm học 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013*). Giáo viên được phân công theo kế hoạch giáo viên lên lịch trình giảng dạy theo lớp, theo mô đun, môn học của mỗi học kỳ phù hợp thời khóa biểu (**CK.1.3.2.05**- *Lịch trình giảng dạy của giáo viên năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012*), sau mỗi buổi lên lớp giáo viên bộ môn ghi nội dung bài giảng, số giờ lên lớp vào sổ lên lớp đặt tại phòng đào tạo (**CK.1.3.2.06**- *Sổ lên lớp năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012*), đồng thời cập nhật những diễn biến chính trong giờ học, điểm kiểm tra định kỳ, kết thúc mô đun vào

sổ tay giáo viên (**CK.1.3.2.07** - Sổ tay giáo viên năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012), sổ tay giáo viên sau mỗi học kỳ được lưu giữ tại văn phòng khoa cơ khí.

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

c) Chỉ số 3: Trường có văn bản quy định về giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo (trong đó có quy định cụ thể việc lấy ý kiến đánh giá của phòng, khoa liên quan và ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề, người học nghề về việc thực hiện kế hoạch đào tạo).

Để bảo đảm việc thực hiện kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo đúng quy trình và nghiêm túc, hàng năm trường ra văn bản quy định về giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo, (**CK.1.3.3.01** - Thông báo số 134/TB-TCĐN-PĐT, ngày 20/5/2010 về việc kiểm tra công tác giảng dạy của khoa nghề học kỳ II/2009-2010; Thông báo số 09/TB-TCĐN-PĐT, ngày 10/1/2011 về việc kiểm tra công tác giảng dạy học kỳ II/2010-2011; Thông báo số 128/TB-TCĐN về việc kiểm tra công tác đào tạo học kỳ II/2011-2012, minh chứng dùng lại) và thông báo công tác kiểm tra công vụ (**CK.1.3.3.02** – Thông báo số 22/TB-TCĐN, ngày 13/02/2012 về việc kiểm tra công tác công vụ và công tác đào tạo năm học 2011-2012, minh chứng dùng lại), theo thông báo số 22/TB-TCĐN quy định các hình thức kiểm tra thường xuyên, định kỳ và quy định việc lấy ý kiến đánh giá về chương trình. Khoa Cơ khí chế tạo sau khi nhận được thông báo trên đã lập kế hoạch thực hiện kiểm tra công tác giảng dạy với nội dung, thời gian, bám sát theo thông báo của trường, cụ thể cho các nghề thuộc khoa, trong đó có nghề Cắt gọt kim loại (**CK.1.3.3.04** - Kế hoạch thực hiện kiểm tra công tác đào tạo của khoa Cơ khí chế tạo năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012), để các tổ chuyên môn và giáo viên cùng thực hiện. Trong đó có quy định cụ thể việc lấy ý kiến đánh giá của phòng, khoa liên quan và ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề, người học nghề về việc thực hiện kế hoạch đào tạo (**CK.1.3.3.05** – Phiếu khảo sát đánh giá kế hoạch đào tạo dành cho giáo viên và cán bộ quản lý; **CK.1.3.3.06** - Phiếu khảo sát đánh giá kế hoạch đào tạo dành cho Học sinh-sinh viên năm cuối hệ cao đẳng; **CK.1.3.3.07** - Phiếu khảo sát đánh giá kế hoạch đào tạo dành cho Học sinh-sinh viên năm cuối hệ trung cấp; **CK.1.3.3.08** - Phiếu khảo sát điều chỉnh chương trình đào tạo dành cho sinh viên đã tốt nghiệp, **CK.1.3.3.09** - Phiếu khảo sát điều chỉnh chương trình đào tạo dành cho doanh nghiệp)

Tự đánh giá chỉ số 3: 1 điểm

d) Chỉ số 4: Trường thực hiện giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo theo quy định và có báo cáo kết quả giám sát, đánh giá.

Thực hiện việc giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo theo quy định, được sự chỉ đạo của Ban giám hiệu nhà trường, phòng đào tạo và khoa Cơ khí chế tạo, nghề Cắt gọt kim loại lên kế hoạch dự giờ giáo viên (**CK.1.3.4.01** – *Kế hoạch dự giờ giáo viên nghề Cắt gọt kim loại năm 2009, 2010, 2011, 2012*). Thường xuyên tổ chức dự giờ giáo viên: năm 2009 dự giờ 2 giáo viên, năm 2010 dự giờ 2 giáo viên, năm 2011 dự giờ 3 giáo viên và năm 2012 sẽ dự giờ 5 giáo viên, có đánh giá nhận xét sau buổi dự giờ. Đồng thời tiến hành kiểm tra công tác giảng dạy, hồ sơ giáo viên theo kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo và có biên bản báo cáo lên phòng Đào tạo (**CK.1.3.4.02**- *Biên bản kiểm tra công tác giảng dạy năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012*). Cuối năm học, khoa Cơ khí chế tạo tổng hợp, báo cáo kết quả giám sát, đánh giá, kiểm tra công tác đào tạo lên phòng Đào tạo, Ban giám hiệu nhà trường (**CK.1.3.4.03**- *Báo cáo tổng kết công tác đào tạo nghề năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012*), trong báo cáo nêu rõ những thuận lợi khó khăn, kết quả đào tạo, kết quả rèn luyện của học sinh, phương hướng và mục tiêu nhiệm vụ của năm học sau, đề xuất kiến nghị lên nhà trường.

Tự đánh giá chỉ số 4: 1 điểm

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh:* Dựa vào kế hoạch đào tạo của nghề, Hiệu trưởng phê duyệt tiến độ giảng dạy trong từng học kỳ của năm học, nghề Cắt gọt kim loại phân công nhiệm vụ cho từng giáo viên, căn cứ vào nhiệm vụ giáo viên lên lịch giảng dạy theo thời khoá biểu của nhà trường. Do vậy, công tác giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch đào tạo đã được thực hiện thường xuyên và có sự tham gia của phòng đào tạo, cán bộ quản lý khoa, giáo vụ khoa và giáo viên có kinh nghiệm nhiều năm trong giảng dạy để đánh giá quá trình đào tạo của nhà trường.

- *Những tồn tại:* Trong công tác hoạt động đào tạo được thực hiện theo kế hoạch, thủ tục hoá bằng các qui trình, được nhà trường kiểm tra hoạt động đào tạo trong mỗi học kỳ. Tuy nhiên, việc xử lý thông tin từ phòng đào tạo đưa đến các khoa nghề chuyên môn chưa đồng bộ, nên thời gian đóng góp ý kiến và đề xuất giải pháp khắc phục công tác đào tạo từ phía Khoa chuyên môn còn chậm, làm ảnh hưởng tiến độ giảng dạy trong năm, cũng như chất lượng trong quá trình đào tạo.

3. Kế hoạch:

Từ năm học 2012-2013, căn cứ vào qui chế tổ chức hoạt động của các khoa ngành, các phòng khoa chuyên môn sẽ phân công công việc cụ thể cho các tổ bộ môn, trưởng xưởng cùng phối hợp với giáo vụ khoa, đẩy nhanh qui trình xử lý thông tin trong quá trình đào tạo, kịp đề xuất ý kiến và giải pháp khắc phục với nhà trường để nâng cao chất lượng đào tạo.

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 1.3 đạt: 4 điểm

Tiêu chuẩn 1.4: Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Trường áp dụng các phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa người học, khuyến khích phát triển tư duy sáng tạo, năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học nghề.

Việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa người học, khuyến khích phát triển tư duy sáng tạo, năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của học sinh, sinh viên được nghề Cắt gọt kim loại coi là một trong những hoạt động có tính quyết định đến yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo. Giáo viên của nghề được tham dự khóa tập huấn nghiệp vụ sư phạm nghề về biên soạn giáo án tích hợp, phương pháp giảng dạy nội dung tích hợp (**ĐT.1.4.1.01- Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tích hợp, Hợp đồng số 176/HĐ-TCĐN, ngày 01/07/2010**), gồm 81 giáo viên cán bộ quản lý của trường tham dự, trong đó nghề cắt gọt kim loại có 5 giáo viên tham gia (**ĐT.1.4.1.02 - Danh sách giáo viên học lớp sư phạm nghề năm 2010**). Bên cạnh đó nghề Cắt gọt kim loại cũng khuyến khích giáo viên soạn giáo án tích hợp cho những tiết dự giờ theo lịch kiểm tra công tác đào tạo (**ĐT.1.4.1.03 - Giáo án thực hành và giáo án tích hợp**). Đối với học sinh sinh viên thuộc nghề cắt gọt sau mỗi đợt đi thực tập doanh nghiệp làm báo cáo kết quả thực tập, ngoài ra trong chương trình đào tạo còn có mô đun môn học yêu cầu thực hiện làm các bài tập lớn, đồ án môn học nhằm khuyến khích tính tự học sáng tạo cho học sinh sinh viên (**ĐT.1.4.1.04-Báo cáo thực tập, bài tập lớn và đồ án môn học của học sinh-sinh viên**).

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Trường có các kết quả đề tài nghiên cứu khoa học hoặc sáng kiến cải tiến được ứng dụng có hiệu quả trong quản lý, trong hoạt động dạy và học của trường và được áp dụng ở khoa.

Trường khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, học sinh-sinh viên tham gia thực hiện chế tạo thiết bị dạy nghề tự làm cấp cơ sở, các đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường để phục vụ trong công tác đào tạo (**CK.1.4.2.01** - Thông báo 241/2009/TCĐN-PĐT, ngày 11/9/2009 về việc triển khai hội thi thiết bị dạy nghề tự làm cấp tỉnh năm 2010; Quyết định số 321B/QĐ-TCĐN, ngày 10/11/2010, về việc ban hành Quy chế thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường và nâng cao trình độ ngoại ngữ tiếng Anh; Kế hoạch nghiên cứu khoa học cấp trường, ngày 02/1/2012; **CK.1.4.2.02** - Quy chế về hoạt động nghiên cứu khoa học và sáng kiến kinh nghiệm tại trường Cao đẳng nghề Đồng Nai, ban hành kèm theo quyết định số 41/QĐ-TCĐN ngày 14/3/2012; **CK.1.4.2.03** - Hướng dẫn thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường tại trường Cao đẳng nghề Đồng Nai, ban hành kèm theo quyết định số 40/QĐ-TCĐN ngày 14/3/2012). Nghề Cắt gọt kim loại cũng đã định hướng việc nghiên cứu chế tạo thiết bị theo hướng được đưa vào sử dụng thực tiễn và sáng kiến cải tiến được ứng dụng trong đào tạo nghề. Cụ thể bằng việc cải tiến và đưa vào sử dụng máy mài tròn năm 2010, cải tiến hệ thống điện máy tiện Liên xô năm 2011 (**CK.1.4.2.04**-Biên bản nghiệm thu cải tiến thiết bị phục vụ đào tạo của khoa CKCT năm 2010, 2011) và trong năm 2012 nghề cắt gọt tiếp tục thực hiện kế hoạch nghiên cứu cải tiến hệ thống điện máy tiện Liên xô lên phương án sửa chữa cho các máy khác trong xưởng (**CK.1.4.2.05** – Kế hoạch số 220B/TCĐN, ngày 05/9/2012 về việc cải tiến hệ thống điện điều khiển máy tiện Liên xô), sau đó tiến hành hội thảo, phản biện và nghiệm thu đề án trên (**CK.1.4.2.06** – Biên bản họp phân công về việc cải tiến hệ thống điện điều khiển máy tiện Liên xô năm 2012).

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

c) Chỉ số 3: Trường có hợp tác hoặc huy động các doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo

Việc huy động và hợp tác với các doanh nghiệp vào quá trình đào tạo được nhà trường duy trì khăng khít, thể hiện bằng các biên bản ghi nhớ (**CK.1.4.3.01**- Biên bản ghi nhớ, về việc hợp tác đào tạo, tiếp nhận thực tập và tuyển dụng năm 2010). Trong quá trình đào tạo, ở các học kỳ II của mỗi năm học, nghề Cắt gọt kim loại kết hợp

cùng phòng Đào tạo và trung tâm giới thiệu việc làm và quan hệ doanh nghiệp đã lập kế hoạch cho sinh viên hệ cao đẳng nghề đang học năm thứ hai tham quan cơ sở sản xuất, thực tập sản xuất đúng chuyên ngành đào tạo tại các doanh nghiệp đóng trong địa bàn tỉnh và các tỉnh thành lân cận như Bình Dương, Tp Hồ Chí Minh (**CK.1.4.3.02- Danh sách sinh viên thực tập doanh nghiệp năm 2010, 2011, 2012**). Thông qua phiếu thực tập (**CK.1.4.3.03- Phiếu thực tập năm 2010, 2011, 2012**), doanh nghiệp kết hợp với giáo viên theo dõi thực tập đánh giá, công nhận (**CK.1.4.3.04- Bảng điểm thực tập doanh nghiệp năm 2010, 2011, 2012**) đồng thời giáo viên được phân công theo dõi thực tập tiếp cận, thu nhận những công nghệ tiên tiến được áp dụng trong sản xuất thực tế, tiến hành lấy ý kiến doanh nghiệp góp ý chương trình đào tạo nghề (**CK.1.4.3.05- Ý kiến đóng góp chương trình đào tạo của các doanh nghiệp năm 2010, 2011, 2012**). Sau mỗi đợt thực tập giáo viên theo dõi thực tập đều phải làm báo cáo công tác thực tập doanh nghiệp (**CK.1.4.3.06- Báo cáo công tác thực tập doanh nghiệp năm 2010, 2011, 2012**).

Tự đánh giá chỉ số 3: 1 điểm

d) Chỉ số 4: Trường có liên kết đào tạo hoặc triển khai hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài, các tổ chức quốc tế để trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn và phương pháp dạy học.

Công tác liên kết đào tạo, triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài và các tổ chức quốc tế đối với nghề Cắt gọt còn gặp nhiều khó khăn, triển khai còn chậm so với yêu cầu. Hiện tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã chấp thuận cho Ban quản lý các khu công nghiệp chủ trì, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo Cao đẳng BTEC-Edexcel - vương quốc Anh tại trường Cao đẳng nghề Đồng Nai, trong đó có đào tạo nghề Kỹ thuật cơ khí (**CK.1.4.4.01-Văn bản số 136/UBND-VX, ngày 05/1/2012, về việc chấp thuận kế hoạch liên kết đào tạo với chương trình Cao đẳng BTEC-Edexcel**). Căn cứ vào nội dung chương trình do tổ chức Edexcel (**CK.1.4.4.02- Nội dung chương trình cao đẳng nghề Edexcel**) Trường đã lập danh sách sinh viên do sinh viên đăng ký, nghề kỹ thuật cơ khí có 35 sinh viên (**CK.1.4.4.3-Danh sách sinh viên học chương trình cao đẳng nghề Edexcel**). Hiện tại trong tháng 11/2012 trường thực hiện đề án trình Bộ Lao động thương binh xã hội và Tổng cục dạy nghề tiến hành cấp giấy chứng nhận cho trường liên kết và tổ chức đào tạo Cao nghề Edexcel (**CK.1.4.4.04-Giấy Chứng nhận hoạt động dạy nghề quốc tế giữa tổ chức Edexcel-UK và trường Cao đẳng nghề Đồng Nai**).

Tự đánh giá chỉ số 4: 1 điểm

đ) Chỉ số 5: Hàng năm, trường tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề, người học nghề và doanh nghiệp nhằm tổng kết, đánh giá và hoàn thiện, lựa chọn các biện pháp trên nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học để phổ biến áp dụng.

Nhằm tiếp nhận những ý kiến phản hồi từ phía cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề, người học nghề và doanh nghiệp, nghề Cắt gọt kim loại phối hợp cùng Phòng đào tạo lập kế hoạch thu thập ý kiến học sinh-sinh viên tốt nghiệp, học sinh-sinh viên năm cuối, giáo viên giảng dạy, cán bộ quản lý và doanh nghiệp bằng việc khảo sát và thăm dò ý kiến. Định kỳ hàng năm, thực hiện việc thăm dò ý kiến doanh nghiệp và học sinh-sinh viên sau đào tạo. (CK.1.3.3.05 – *Phiếu khảo sát đánh giá kế hoạch đào tạo dành cho giáo viên và cán bộ quản lý, minh chứng dùng lại*; CK.1.3.3.06 - *Phiếu khảo sát đánh giá kế hoạch đào tạo dành cho Học sinh-sinh viên năm cuối hệ cao đẳng, minh chứng dùng lại*; CK.1.3.3.07 - *Phiếu khảo sát đánh giá kế hoạch đào tạo dành cho Học sinh-sinh viên năm cuối hệ trung cấp, minh chứng dùng lại*; CK.1.3.3.08 - *Phiếu khảo sát điều chỉnh chương trình đào tạo dành cho sinh viên đã tốt nghiệp, minh chứng dùng lại*). Tổng hợp cho thấy tính thích ứng và phù hợp của chương trình đào tạo (**CK.1.4.5.01** – *Bảng tổng hợp ý kiến của người lao động*; **CK.1.4.5.02** - *Bảng tổng hợp ý kiến của học sinh sinh viên năm cuối*; **CK.1.4.5.03** - *Bảng tổng hợp ý kiến của giáo viên, cán bộ quản lý*; **CK.1.4.5.04** - *Bảng tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp*). Bên cạnh đó công tác thu thập phiếu khảo sát phương pháp và phương tiện dạy học là cần thiết nhằm nâng cao chất lượng dạy nghề (**CK.1.4.5.05** – *Phiếu khảo sát về phương pháp, phương tiện dạy học dành cho học sinh năm 2010, 2011, 2012*; **CK.1.4.5.06** – *Tổng hợp ý kiến về phương pháp, phương tiện dạy học năm 2010, 2011, 2012*). Việc thu thập thông tin từ học sinh-sinh viên, giáo viên giảng dạy, cán bộ quản lý và doanh nghiệp sản xuất để nghề Cắt gọt kim loại đưa ra những giải pháp thực hiện việc cải tiến nhằm đánh giá hiệu quả và tính thích ứng của chương trình đào tạo, làm cơ sở cho việc cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của nghề.

Tự đánh giá chỉ số 5: 1 điểm

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh:* Nghề Cắt gọt kim loại luôn nâng cao chất lượng đào tạo bằng cách áp dụng các phương pháp dạy học tích cực hóa người học, hợp tác và huy động doanh

nghiệp vào quá trình đào tạo, đồng thời lấy ý kiến của các đối tượng đào tạo về chương trình đào tạo, phương pháp và phương tiện dạy học. Giáo viên của nghề tham gia tích cực vào công tác nghiên cứu khoa học nhằm cải tiến, ứng dụng hiệu quả trong hoạt động dạy và học.

- *Những tồn tại:* Công tác nghiên cứu khoa học còn chậm theo yêu cầu của nghề và của trường. Liên kết đào tạo, tra đổi kinh nghiệm với các tổ chức, các trường đang ở mức độ triển khai.

3. Kế hoạch:

Từ năm học 2012-2013, trường sẽ lập kế hoạch, thời gian và mức khen thưởng cho các giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học. Tiếp tục xây dựng, phát triển, hợp tác liên kết đào tạo với các tổ chức nước ngoài.

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 1.4 đạt mức: 5 điểm

Tiêu chuẩn 1.5: Thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả rèn luyện của người học nghề theo quy định

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Trường có quy định về thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp, quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của người học nghề, theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Căn cứ vào qui chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp (**CK.1.5.1.01** - Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTĐBXH, ngày 24/05/2007 về việc ban hành qui chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề hệ chính qui), nhà trường thông báo cụ thể cho các khoa nghề (**CK.1.5.1.02** - Thông báo, ngày 11/11/2007 về việc thực hiện quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTĐBXH) phổ biến cho học sinh-sinh viên về các qui chế kiểm tra trong quá trình đào tạo, học sinh phải học đủ 80% thời gian các môn học lý thuyết qui định trong kế hoạch đào tạo, đủ 100% thời gian các môn học thực hành qui định trong kế hoạch đào tạo, có đủ các bài kiểm tra định kỳ và có điểm trung bình cộng các điểm kiểm tra định kỳ đạt $\geq 5,0$ điểm trở lên, sau khi kết thúc môn học 02 tuần, giáo viên thông báo điểm cho học sinh-sinh viên và cho kiểm tra lần 02, trình trưởng khoa ký duyệt. Điểm kiểm tra các môn lý thuyết 15 tiết 01 lần kiểm tra định kỳ, thực hành 40 giờ 01 lần kiểm tra định kỳ. Bên cạnh đó, hiệu trưởng nhà trường ký duyệt quy chế

thi kiểm tra và công nhận tốt nghiệp bao gồm 4 chương và 26 điều (**CK.1.5.1.03** – Quy chế số 184B/2008/QĐCĐNĐN-ĐT, ngày 29/5/2008 về thi kiểm tra và công nhận tốt nghiệp, ban hành kèm theo quyết định số 101B/2008/QĐCĐNĐN-ĐT).

Để đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh-sinh viên, căn cứ vào quyết định số 54/2008/QĐ-BLĐT BXH hàng năm trường đều có hướng dẫn thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện (**CK.1.5.1.04** – Hướng dẫn thực hiện quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên năm 2009, 2010, 2011, ban hành kèm theo quyết định 54/2008/QĐ-BLĐT BXH), cụ thể phân loại kết quả rèn luyện hàng tháng được phân làm 7 loại, quy trình đánh giá kết quả rèn luyện theo tháng, học kỳ và năm học.

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Trường tổ chức thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp; tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của người học nghề theo quy định

Cuối học kỳ 2 mỗi năm học nhà trường ra thông báo thi tốt nghiệp của các khóa đang theo học năm cuối (**CK.1.5.2.01** – Thông báo thi tốt nghiệp của học sinh các khóa năm 2010, 2011, 2012); kế hoạch coi thi và chấm thi tốt nghiệp (**CK.1.5.2.02** – kế hoạch coi thi và chấm thi tốt nghiệp các khóa năm 2010, 2011, 2012); quyết định thành lập hội đồng thi tốt nghiệp (**CK.1.5.2.03** – Quyết định của Hiệu trưởng về thành lập hội đồng thi tốt nghiệp năm 2010, 2011, 2012) quy định cụ thể điều kiện dự thi, môn thi, thời gian thi, kế hoạch phân công công tác thi cho từng thành viên và các khoa nghề, thành lập ban ra đề thi, coi thi, chấm thi... Sau mỗi đợt thi tốt nghiệp, nhà trường ra quyết định công nhận tốt nghiệp do hiệu trưởng phê duyệt (**CK.1.5.4.04** – Quyết định công nhận kết quả thi tốt nghiệp các năm 2010, 2011, 2012). Với nghề cắt gọt kim loại, Căn cứ vào biên bản họp xét đủ điều kiện thi tốt nghiệp (**CK.1.5.2.05** – Biên bản họp xét đủ điều kiện thi tốt nghiệp năm 2010, 2011, 2012), theo đó danh sách học sinh-sinh viên dự thi tốt nghiệp được ban giám hiệu phê duyệt, nghề cắt gọt lập kế hoạch tổ chức phân thi thực hành nghề cho từng học sinh-sinh viên, cụ thể các môn thi, ngày thi, xưởng thi theo đúng kế hoạch chung của trường (**CK.1.5.2.06** – Danh sách sinh viên dự thi tốt nghiệp năm 2010, 2011, 2012), phân thi lý thuyết nghề và chính trị thi theo kế hoạch chung của trường.

Bên cạnh đó, việc tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh-sinh viên được tiến hành theo hàng tháng, học kỳ và năm học đúng theo hướng dẫn và quy định (**CK.1.5.2.07** – Bảng tổng hợp đánh giá kết quả rèn luyện năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-

2012). Công tác tổng kết kết quả thi tốt nghiệp và rèn luyện của học sinh-sinh viên được cụ thể hóa bằng các bảng báo cáo (**CK.1.5.4.08** – *Báo cáo kết quả đào tạo và tổ chức thi tốt nghiệp năm 2010, 2011, 2012*)

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

c) Chỉ số 3: Trường có ngân hàng đề thi tốt nghiệp và kiểm tra kết thúc mô đun, môn học

Các lớp đang theo học nghề cắt gọt kim loại thực hiện việc thi kiểm tra định kỳ, kết thúc môn học mô đun theo ngân hàng đề thi có sẵn do giáo viên bộ môn soạn và thi tốt nghiệp nghề hàng năm đối với hệ cao đẳng nghề theo ngân hàng đề thi của Tổng cục dạy nghề ban hành (**CK.1.5.3.01** – *Ngân hàng đề thi kiểm tra, kết thúc mô đun và tốt nghiệp nghề năm 2010, 2011, 2012*). Thi tốt nghiệp nghề hàng năm đối với hệ cao đẳng nghề, căn cứ vào công văn của Tổng cục dạy nghề về việc tổ chức thi tốt nghiệp (**CK.1.5.3.02** – *Công văn chỉ đạo của Tổng cục dạy nghề về việc tổ chức thi tốt nghiệp khóa 1, 2, 3*) đề thi được bốc thăm có sự chứng kiến của phòng dạy nghề thuộc Sở lao động, phòng đào tạo và ban giám hiệu (**CK.1.5.3.03** – *Biên bản bốc thăm đề thi năm 2010, 2011, 2012*). Nghề cắt gọt kim loại căn cứ vào đề thi đã bốc thăm và tổ chức thi đúng theo quy định, đúng kế hoạch. Tất cả ngân hàng dữ liệu đề thi kết thúc mô đun, đề thi tốt nghiệp được lưu giữ tại máy tính văn phòng khoa cơ khí

Tự đánh giá chỉ số 3: 1 điểm

d) Chỉ số 4: Thực hiện việc ghi chép, lưu giữ kết quả học tập của người học nghề, báo cáo cơ quan có thẩm quyền kết quả thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

Cụ thể việc ghi chép, lưu giữ kết quả học tập của học sinh-sinh viên là bảng tổng kết kết quả học tập (**CK1.5.4.01**- *Bảng tổng kết kết quả học tập 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012*), kèm theo đó là bảng ghi kết quả học tập và tốt nghiệp của mỗi học sinh-sinh viên (**CK1.5.4.02**- *Bảng ghi kết quả học tập và tốt nghiệp*). Hàng năm sau kỳ thi tốt nghiệp trường đều có báo cáo thanh tra thi tốt nghiệp (**CK1.5.4.03**- *Báo cáo về việc thi tốt nghiệp cao đẳng nghề, trung cấp nghề*), để thuận tiện cho học sinh-sinh viên tìm việc làm sau khi tốt nghiệp nhà trường cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (**CK.1.5.4.04** – *Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời*).

Tự đánh giá chỉ số 4: 1 điểm

đ) Chỉ số 5: Trường có phần mềm quản lý đào tạo; tin học hóa việc lưu trữ kết quả học tập của người học nghề

Công tác quản lý đào tạo của trường được cụ thể hóa bằng phần mềm quản lý đào tạo do phòng đào tạo là đơn vị trực tiếp quản lý, nhằm mục đích tin học hóa việc lưu trữ kết quả học tập, kết quả thi của học sinh-sinh viên một cách khoa học và công khai minh bạch. (CK.1.5.5.01-Phần mềm EMES, Thông tin trên Website trường: www.cdndn.edu.vn; *phần tra cứu thời khóa biểu, tra cứu điểm*), giáo viên và học sinh-sinh viên đều tra cứu để thuận tiện cho việc dạy và học.

Tự đánh giá chỉ số 5: 1 điểm

e) Chỉ số 6: Có ít nhất 85% người học nghề có kết quả học tập từ trung bình trở lên, trong đó ít nhất 15% số người học nghề được xếp loại học tập từ loại khá trở lên

Căn cứ vào thống kê kết quả học tập của học sinh-sinh viên hàng năm (CK.1.5.4.08 – Báo cáo kết quả đào tạo và tổ chức thi tốt nghiệp năm 2010, 2011, 2012, minh chứng dùng lại), (CK1.5.4.01- Bảng tổng kết kết quả học tập 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012, minh chứng dùng lại) và (CK1.5.4.02- Bảng ghi kết quả học tập và tốt nghiệp, minh chứng dùng lại), tỉ lệ học sinh-sinh viên nghề cắt gọt kim loại đều đạt ít nhất 85% người học nghề có kết quả học tập từ trung bình trở lên và có ít nhất 15% số người học nghề được xếp loại học tập từ loại khá trở lên. Ngoài ra người học và giáo viên còn có thể tra cứu trực tiếp trên website của trường (CK.1.5.5.01- Phần mềm EMES, Thông tin trên Website trường: www.cdndn.edu.vn; *phần tra cứu thời khóa biểu, tra cứu điểm, minh chứng dùng lại*)

Tự đánh giá chỉ số 6: 1 điểm

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh:* Công tác tổ chức thi kiểm tra, kết thúc mô đun và tốt nghiệp hàng năm thực hiện đúng quy định. Có ngân hàng dữ liệu đề thi, lưu giữ kết quả học tập của học sinh-sinh viên bằng phần mềm quản lý điểm, quản lý đào tạo. Thông qua hội đồng thi tốt nghiệp, nhà trường công nhận tốt nghiệp và cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp kịp thời, tạo điều kiện xin việc làm cho người học.

- *Những tồn tại:* Ngân hàng dữ liệu đề thi kiểm tra và kết thúc mô đun chưa đa dạng, chưa có chiều sâu.

3. Kế hoạch: Từ năm 2012-2013 nghề cắt gọt tổ chức thực hiện việc biên soạn ngân hàng đề thi tốt hơn, nhằm đánh giá có chiều sâu hơn về nhận thức của học sinh-sinh viên.

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 1.5 đạt: 6 điểm

3.2.2. TIÊU CHÍ 2: GIÁO VIÊN DẠY NGHỀ, CÁN BỘ QUẢN LÝ

Trong 38 năm hình thành và phát triển, trường đã đào tạo và bồi dưỡng được cán bộ quản lý có trình độ quản lý, đội ngũ giáo viên trực tiếp giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đặc biệt, trong những năm qua nhà trường đã bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ quản lý cho đội giáo viên và cán bộ quản lý. Bên cạnh đó, trường cũng chú trọng đào tạo cán bộ quản lý trẻ cấp Phòng, Khoa và tổ bộ môn. Việc đề bạt cán bộ được tuyển chọn và thực hiện đúng Qui định nhà nước. Đây chính là nguồn lực đóng góp rất lớn vào việc nâng cao chất lượng đào tạo giúp Nhà trường ngày càng phát triển về mọi mặt.

****Những điểm mạnh:***

Lãnh đạo Nhà trường rất quan tâm và nỗ lực trong việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên đầu ngành có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của học sinh.

Ban giám hiệu, cán bộ quản lý phòng khoa, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên, có phẩm chất đạo đức, luôn thể hiện trách nhiệm và tính tự giác cao trong công tác hoạt động đào tạo của trường. Đồng thời đủ năng lực chuyên môn để nghiên cứu và mở thêm chuyên ngành mới đáp ứng với nhu cầu đa dạng của thị trường, dịch vụ xã hội.

****Những tồn tại và kế hoạch:***

- *Những tồn tại:* Để đáp ứng tốc độ phát triển của nhà trường, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trẻ cần phải đầu tư nhiều thời gian để học tập chuyên sâu như: sau đại học, ngoại ngữ, chuyên ngành.

Việc nghiên cứu khoa học, áp dụng những thành tựu khoa học - công nghệ vào việc cải tiến phương pháp giảng dạy và giáo dục học sinh chưa được nhân rộng trong tất cả giáo viên.

- *Kế hoạch*: Từ nay đến 2015, nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch và các Chính sách sau:

Hỗ trợ để các giáo viên trẻ học sau đại học chuyên ngành và anh văn thông thạo, nhằm mục tiêu phát triển trường và đào tạo các chương trình khu vực và quốc tế.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và trao đổi phương pháp giảng dạy trong từng bộ phận.

Tập trung rà soát, quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý trẻ kế cận cấp phòng khoa có trình độ thạc sỹ, ngoại ngữ thông thạo và các kỹ năng về quản lý.

Tiêu chuẩn 2.1: Trường có đủ văn bản quy định về tuyển dụng, đánh giá và chính sách đối với giáo viên dạy nghề

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Trường có quy định về tuyển dụng giáo viên dạy nghề theo quy định của Nhà nước

Căn cứ vào nghị định của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (**TC.2.1.1.01** - *Nghị định số 29/2012/NĐ-CP, ngày 12/4/2012 V/v việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức*) và thực hiện theo quy định tuyển dụng nhân sự của cơ quan chủ quản (**TC.2.1.1.02** - *Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 05 /4/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định quản lý và phân cấp thẩm quyền quản lý công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Đồng Nai*). Hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch dựa trên cơ sở nhu cầu thực tế, tuyển dụng bổ sung giáo viên, nhân viên cho các phòng khoa theo nhu cầu đào tạo (**TC.2.1.1.03** - *kế hoạch số 102/Kh-TCĐN ký ngày 17/4/2012 V/v Tuyển dụng viên chức năm 2012*).

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Trường có quy định về việc định kỳ đánh giá, xếp loại giáo viên dạy nghề

Thực hiện việc đánh giá định kỳ đánh giá, xếp loại giáo viên trường ra quy chế thi đua (**TC.2.1.2.01** – Quy chế 326/QC-TCĐN) quy chế này dựa trên quy chế chi tiêu nội bộ của trường. Hàng năm đều có biên bản họp xét thi đua cho cán bộ giáo viên toàn trường (**TC.2.1.2.02** – Biên bản họp xét thi đua khen thưởng cả năm niên học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012). Đến năm 2012 trường đưa các điều khoản của thông tư 30-Bộ lao động (**TC.2.1.2.03** – Thông tư 30/2010/TT-BLĐTBXH, ngày 29/9/2012) kèm theo hướng dẫn đánh giá xếp loại giáo viên (**TC.2.1.2.04** – Hướng dẫn đánh giá xếp loại giáo viên, giảng viên dạy nghề) vào trong quy chế của trường để tổ chức thực hiện (**TC.2.1.2.05** – Kế hoạch số 40/KH-TCĐN, ngày 9/3/2012 về hướng dẫn đánh giá xếp loại giáo viên). Cụ thể hóa các quy định đánh giá xếp loại giáo viên là danh sách thi đua khen thưởng hàng năm do hiệu trưởng phê duyệt (**TC.2.1.2.06** – Danh sách thưởng thi đua của cán bộ, giáo viên)

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

c) Chỉ số 3: Trường có chính sách và biện pháp khuyến khích giáo viên dạy nghề học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học, nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giảng dạy.

Nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi trong việc học tập, nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhà trường có chính sách hỗ trợ học phí học chuyên ngành sau đại học cho cán bộ công nhân viên, giáo viên (**TC.2.1.3.01** – Quyết định số 34/QĐ-TCĐN, ngày 18/02/2012 V/v ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường và quy chế chi tiêu nội bộ kèm theo). Sau khi giáo viên đã hoàn thành chương trình cao học nhà trường còn thưởng thêm tiền mặt để động viên khích lệ tinh thần cho giáo viên (**TC.2.1.3.02**- Quyết định V/v Thưởng CB, GV đã hoàn thành chương trình cao học năm học 2011-2012).

Tự đánh giá chỉ số 3: 1 điểm

2. Đánh giá:

- **Điểm mạnh:** Trường có đầy đủ các văn bản về quy định tuyển dụng, đánh giá xếp loại và chính sách hỗ trợ cho giáo viên học tập nâng cao trình độ, tạo điều kiện cho giáo viên tự học tập nghiên cứu.

- **Những tồn tại:** Không có

3. Kế hoạch:

Tiếp tục xây dựng các kế hoạch bồi dưỡng và nâng cao trình độ giáo viên nhằm đảm bảo yêu cầu đổi mới trong giai đoạn hiện nay.

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 2.1 đạt: 3 điểm

<i>Tiêu chuẩn 2.2: Tuyển dụng đội ngũ giáo viên dạy nghề theo quy định</i>

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Trường có kế hoạch tuyển dụng giáo viên dạy nghề đáp ứng nhu cầu giảng dạy chương trình dạy nghề khi tăng quy mô đào tạo hoặc bổ sung khi thiếu giáo viên dạy nghề.

Theo bảng thống kê số lượng học sinh-sinh viên (***TC.2.2.1.01-Thống kê số lượng học sinh nghề cắt gọt kim loại***), và bảng tổng hợp giờ giảng dạy của giáo viên trong 3 năm (***TC.2.2.1.02-Bảng tổng hợp giờ giảng dạy giáo viên 3 năm 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012***), cho thấy quy mô đào tạo hàng năm thay đổi. Quy mô đào tạo thay đổi dẫn tới số lượng giáo viên cũng thay đổi. Căn cứ theo kế hoạch tuyển dụng bổ sung giáo viên, nhân viên cho các phòng khoa theo nhu cầu đào tạo (***TC.2.1.1.03 - kế hoạch số 102/Kh-TCĐN ký ngày 17/4/2012 V/v Tuyển dụng viên chức năm 2012, minh chứng dùng lại***). Năm học 2009-2010 nghề cắt gọt kim loại có 11 giáo viên. Năm 2010-2011 nghề bổ sung thêm 02 giáo viên nâng con số giáo viên thành 13. Năm 2011-2012 không tuyển giáo viên nào, đến nay nghề có 11 giáo viên nhưng vẫn đảm bảo được số giờ dạy cho năm học và đảm bảo được số giờ chuẩn của giáo viên.

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Công tác tuyển dụng giáo viên dạy nghề được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và của trường, đảm bảo công khai, minh bạch và công bằng.

Căn cứ vào kế hoạch được phê duyệt, Sở nội vụ tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định về việc phê duyệt kế hoạch và thành lập hội đồng tuyển dụng viên chức (***TC.2.2.2.01- Quyết định số 456/QĐ-SNV, ngày 24/4/2012 V/v phê duyệt kế hoạch và thành lập hội đồng tuyển dụng viên chức trường Cao đẳng Nghề Đồng Nai***), Nhà trường căn cứ vào quyết định ra thông báo tuyển dụng giáo viên, nhân viên bổ sung cho năm học (***TC.2.2.2.02- Thông báo số 118/TB/-TCĐN, ngày 28/4/2012 V/v tuyển dụng giáo viên,***

nhân viên bổ sung năm học 2011-2012). Phòng TC-HC chịu trách nhiệm nhận hồ sơ đăng ký tuyển dụng và lập danh sách trình hội đồng xét chọn điều kiện (**TC.2.2.2.03- Biên bản họp số 139B/BB, ngày 29/5/2012 V/v xét điều kiện tuyển giáo viên, nhân viên bổ sung cho năm học 2011-2012**) , những hồ sơ đủ điều kiện dự thi nhà trường sẽ công bố kết quả gửi về các đơn vị (**TC.2.2.2.04- Thông báo số 139/TB-TCĐN, ngày 28/5/2012 V/v Công nhận thí sinh được dự tuyển năm học 2011-2012**). Kỳ thi tuyển được diễn ra nghiêm túc dưới sự giám sát chặt chẽ của hội đồng tuyển dụng nhà trường, các thí sinh trúng tuyển được nhà trường trình lên Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai để công nhận kết quả (**TC.2.2.2.05- Biên bản số 181/BB/TCĐN , ngày 12/7/2012 V/v công nhận kết quả thi tuyển dụng giáo viên, nhân viên bổ sung năm học 2011-2012**); (**TC.2.2.2.06- Công văn số 180/CV-TCĐN, ngày 12/7/2012 V/v Báo cáo kết quả tuyển dụng viên chức hợp đồng dài hạn của nhà trường**).

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

2. Đánh giá:

- **Điểm mạnh:** Công tác tuyển dụng giáo viên được thực hiện có kế hoạch và đúng quy định, công khai minh bạch đảm bảo nhu cầu giảng dạy của chương trình dạy nghề khi tăng quy mô tuyển sinh.

- **Những tồn tại:** Tuyển dụng giáo viên mới còn gặp khó khăn khi giáo viên trẻ chưa cập nhập được công nghệ tiên tiến trong sản xuất, trình độ ngoại ngữ chưa đáp ứng được yêu cầu.

3. Kế hoạch: Trường cần có chính sách tuyển dụng linh hoạt, khuyến khích tuyển dụng được các giáo viên đã có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao.

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 2.2 đạt: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Có đủ giáo viên dạy nghề

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Có đủ số lượng giáo viên dạy nghề để đảm bảo quy mô và tiến độ đào tạo theo quy định

Như đã báo cáo ở chỉ số 1 tiêu chuẩn 2.2, năm học 2011-2012 nghề cắt gọt kim loại có 11 giáo viên, theo danh sách thống kê trình độ giáo viên (**CK.2.3.1.01-Danh sách thống kê trình độ giáo viên năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012**), danh

sách bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (**CK.2.3.1.02-Danh sách giáo viên bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm nghề**) và danh sách giáo viên nâng cao trình độ giáo viên (**CK.2.3.1.03-Danh sách giáo viên bồi dưỡng nâng cao trình độ**), qua đó cho nghề cắt gọt kim loại luôn chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ và kịp thời bổ sung số lượng giáo viên để đảm bảo công tác giảng dạy theo quy mô. Theo bảng tổng hợp giờ (**TC.2.2.1.02-Bảng tổng hợp giờ giảng dạy giáo viên 3 năm 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012, minh chứng dùng lại**), năm 2012 nghề giáo viên nghề cắt gọt chưa vượt giờ chuẩn, còn 2 năm 2010 và 2011 thì vượt giờ dẫn đến không đảm bảo quy mô đào tạo. Bên cạnh đó, giáo viên nghề luôn bám sát theo bảng phân công giáo viên từng học kỳ (**CK.1.3.2.03 - Kế hoạch giáo viên nghề Cắt gọt kim loại năm học 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013, minh chứng dùng lại**) và thời khóa biểu cụ thể cho từng lớp, từng mô đun, môn học, chia ca, chia nhóm, thời gian thực hành (**CK.1.3.2.04 - Thời khóa biểu các xưởng thực hành năm học 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013, minh chứng dùng lại**) nhằm đảm bảo đúng tiến độ của chương trình.

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Số giờ dạy thêm của giáo viên dạy nghề (bao gồm giáo viên dạy nghề cơ hữu, kiêm nhiệm và thỉnh giảng) không vượt quá số giờ dạy thêm được phép theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Hàng học kỳ khi phân công kế hoạch giáo viên (**CK.1.3.2.03 - Kế hoạch giáo viên nghề Cắt gọt kim loại năm học 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013, minh chứng dùng lại**), nghề cắt gọt căn cứ vào thông báo số 283/TB-TCĐN-PĐT về việc điều chỉnh quy định chế độ làm việc của cán bộ giáo viên (**CK.2.3.2.01-Thông báo số 283/TB-TCĐN-PĐT, ngày 26/12/2011 về việc điều chỉnh quy định chế độ làm việc của cán bộ giáo viên**). Trong thông báo quy định thời gian làm việc của cán bộ giáo viên là 44 tuần/năm học, cụ thể giáo viên dạy trình độ cao đẳng và trung cấp nghề số giờ chuẩn là 14 giờ/tuần, tương đương 616 giờ chuẩn/năm kể cả 8 tuần học bồi dưỡng chuyên môn, cán bộ giáo viên được dạy thêm giờ không quá 50%. Chế độ giảm giờ cho giáo viên kiêm nhiệm: trưởng khoa giảm 30% giờ chuẩn, phó khoa 20% giờ chuẩn, giáo viên học cao học chuyên ngành giảm 50% giờ chuẩn... Vào cuối mỗi học kỳ, nhà trường đều thanh toán dư giờ cho giáo viên (**CK.2.3.2.02-Bảng tính dư giờ khoa cơ khí mỗi học kỳ năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012**) cho giáo viên cơ hữu và giáo viên kiêm nhiệm, dư giờ của giáo viên được tính theo năm học mục đích cân đối số giờ của 2 học kỳ trong 1 năm học. Đối với giáo viên hợp đồng của nghề cắt

gọt kim loại nhà trường tiến hành làm hợp đồng và thanh lý hợp đồng sau mỗi học kỳ khi giáo viên thực hiện đầy đủ nhiệm vụ giáo viên.

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh:* Đảm bảo số lượng giáo viên cơ hữu khi quy mô đào tạo thay đổi, số giờ dạy vượt giờ của giáo viên đúng quy định của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

- *Những tồn tại:* Do quy mô đào tạo thay đổi theo từng năm, nên số lượng giáo viên cũng thay đổi chủ yếu là lượng giáo viên hợp đồng, công tác quản lý gặp không ít khó khăn.

3. Kế hoạch: Có kế hoạch tuyển dụng, dự trù giáo viên hợp lý để đảm bảo giảng dạy theo quy mô đào tạo

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 2.3 đạt : 2 điểm

<i>Tiêu chuẩn 2.4: Giáo viên dạy nghề đạt chuẩn theo quy định</i>
--

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: 100% giáo viên dạy nghề đạt chuẩn kiến thức chuyên môn theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Thực hiện theo thông tư 30 của Bộ Lao động (TC.2.1.2.03 – Thông tư 30/2010/TT-BLĐTBXH, ngày 29/9/2012), giáo viên nghề cắt gọt đều tốt nghiệp đại học chuyên ngành cơ khí (TC.2.4.1.01 – Danh sách cán bộ công chức năm 2010, 2011, 2012) và được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, chuyên môn (CK.2.3.1.01-Danh sách thống kê trình độ giáo viên năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012). Hiện tại vẫn có giáo viên chưa đạt chuẩn kiến thức chuyên môn theo quy định cụ thể là chưa có bằng B vi tính, bằng B anh văn. (TC.2.4.1.02 - Bảng tốt nghiệp chuyên môn, B anh văn, B tin học, Sư phạm nghề giáo viên dạy nghề cắt gọt kim loại năm 2010, 2011, 2012)

Tự đánh giá chỉ số 1: Không đạt

b) Chỉ số 2: 100% giáo viên dạy nghề đạt chuẩn trình độ nghiệp vụ sư phạm dạy nghề theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Cũng theo thông tư 30 của Bộ Lao động (TC.2.1.2.03 – *Thông tư 30/2010/TT-BLĐTBXH, ngày 29/9/2012, minh chứng dùng lại*) và quy định sử dụng, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề (CK.2.4.2.01 - *Quyết định số 57/2008/QĐ-BLĐTBXH, ngày 26/5/2008-Ban hành qui định sử dụng, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề*), giáo viên nghề cắt gọt được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề theo quyết định của Hiệu trưởng về việc cử giáo viên học lớp nghiệp vụ sư phạm dạy nghề được tổ chức tại trường (TC.2.4.2.02 – *Quyết định số 76/QĐ-TCĐN, ngày 23/3/2010 về việc cử giáo viên đi học nghiệp vụ sư phạm dạy nghề*) và có danh sách kèm theo (TC.2.4.2.03 – *Danh sách giáo viên bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề*). Hiện nay 100% giáo viên dạy nghề đạt chuẩn trình độ nghiệp vụ sư phạm dạy nghề theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (TC.2.4.1.02 - *Bảng tốt nghiệp chuyên môn, B anh văn, B tin học, Sư phạm nghề giáo viên dạy nghề cắt gọt kim loại năm 2010, 2011, 2012, minh chứng dùng lại*)

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

c) Chỉ số 3: 100% giáo viên dạy nghề đạt chuẩn kỹ năng nghề theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Căn cứ theo thông tư 30 của Bộ Lao động (TC.2.1.2.03 – *Thông tư 30/2010/TT-BLĐTBXH, ngày 29/9/2012, minh chứng dùng lại*), trường Cao đẳng nghề Đồng Nai lập kế hoạch về hướng dẫn đánh giá xếp loại giáo viên (TC.2.4.3.01-*Kế hoạch số 40/KH-TCĐN, ngày 09/3/2012 về hướng dẫn đánh giá xếp loại giáo viên*) quy định chuẩn kỹ năng nghề dạy trình độ cao đẳng nghề cho giáo viên, giảng viên có bậc nghề 5/7, 4/6 trở lên hoặc là nghề nhân quốc gia. Giáo viên nghề cắt gọt kim loại thực hiện việc đăng ký dự thi kỹ năng nghề, với 10 giáo viên tham gia (TC.2.4.3.02-*Danh sách giáo viên đăng ký dự thi kỹ năng nghề*).

Tự đánh giá chỉ số 4: Không đạt

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh:* Hiện tại 100% giáo viên đã đạt chuẩn kiến thức chuyên môn và sư phạm dạy nghề đúng theo quy định.
- *Những tồn tại :* Chưa đủ 100% giáo viên đạt chuẩn kỹ năng nghề, chưa có chứng chỉ văn bằng B anh văn và B vi tính.

3. Kế hoạch: Các giáo viên cần trao đổi kỹ năng về nghề, đăng ký dự thi để đảm bảo yêu cầu kỹ năng nghề và thi lấy chứng chỉ B anh văn, vi tính.

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 2.4 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Giáo viên dạy nghề thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng dạy

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Công tác đánh giá, xếp loại việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên dạy nghề được thực hiện định kỳ theo đúng quy định; đảm bảo chính xác, trung thực và khách quan

Trong quy chế thi đua khen thưởng của trường (**CK.2.5.1.01-Quy chế thi đua trường Cao đẳng nghề Đồng Nai số 326/QC-TCĐN, ngày 31/12/2010**) quy định rõ tiêu chuẩn thi đua tháng, học kỳ và năm học, các danh hiệu thi đua cho cá nhân và tập thể. Các hình thức từ lao động tiên tiến, lao động xuất sắc... Căn cứ vào quy chế trên, khoa cơ khí chế tạo-trong đó có giáo viên nghề cắt gọt kim loại-hàng tháng đều họp xét thi đua hàng tháng (**CK.2.5.1.02-Biên bản họp xét thi đua hàng tháng**), hàng học kỳ (**CK.2.5.1.03-Biên bản họp xét thi đua học kỳ**). Cuối năm học nhà trường tổng kết thi đua (**CK.2.5.1.04-Biên bản họp xét thi đua niên học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012**), do ban giám hiệu phê duyệt. Để có cơ sở đánh giá xếp loại giáo viên, giáo viên nghề cắt gọt kim loại đều làm bản tự đánh giá từng học kỳ (**CK.2.5.1.05-Bản tự nhận xét giáo viên học kỳ niên học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012**) và được cụ thể hóa bằng nhận tiền A, B, C hàng năm (**CK.2.5.1.06-Danh sách thưởng thi đua của cán bộ công chức học kỳ niên học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012**). Để thực hiện công tác đánh giá, xếp loại việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên được thực hiện định kỳ theo đúng quy định, đảm bảo chính xác, trung thực và khách quan thì các văn bản của Bộ của trường mang tính cụ thể là thông tư 30-Bộ lao động (**TC.2.1.2.03 – Thông tư 30/2010/TT-BLĐTBXH, ngày 29/9/2012, minh chứng dùng lại**); hướng dẫn đánh giá xếp loại giáo viên (**TC.2.1.2.04 – Hướng dẫn đánh giá xếp loại giáo viên, giảng viên dạy nghề, minh chứng dùng lại**); quy chế của trường để tổ chức thực hiện (**TC.2.1.2.05 – Kế hoạch số 40/KH-TCĐN, ngày 9/3/2012 về hướng dẫn đánh giá xếp loại giáo viên, minh chứng dùng lại**)

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: 100% giáo viên dạy nghề thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chuẩn bị giảng dạy

Tất cả giáo viên nghề cắt gọt kim loại thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chuẩn bị giảng dạy theo thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động (CK.2.5.2.01-*Thông tư số 09/2008/TT-BLĐTBXH, ngày 27/6/2008 về hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên*), theo đó giáo viên lập kế hoạch bài tập cho lớp được giảng dạy (CK.2.5.2.02-*Kế hoạch bài tập học kỳ năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012*) ngay khi có kế hoạch giáo viên (CK.1.3.2.03 - *Kế hoạch giáo viên nghề Cắt gọt kim loại năm học 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013, minh chứng dùng lại*). Để đảm bảo giờ dạy tốt công tác soạn giáo án là phần không thể thiếu trong công tác chuẩn bị của giáo viên (CK.2.5.2.03-*Giáo án thực hành, lý thuyết*), hàng học kỳ đều tổ chức dự giờ rút kinh nghiệm cho giờ giảng (CK1.3.4.01-*Kế hoạch dự giờ giáo viên 2010,2011,2012, minh chứng dùng lại*), và thực hiện việc ghi chép vào sổ tay giáo viên của mình (CK1.3.2.07-*Sổ tay giao viên năm học 2009-2010;2010-2011;2011-2012, minh chứng dùng lại*)

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

c) Chỉ số 3: 100% giáo viên dạy nghề thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng dạy theo đúng kế hoạch

Từ kế hoạch giáo viên đã được Ban giám hiệu phê duyệt (CK.1.3.2.03 - *Kế hoạch giáo viên nghề Cắt gọt kim loại năm học 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013, minh chứng dùng lại*), giáo viên được phân công theo kế hoạch giáo viên lên lịch trình giảng dạy theo lớp, theo mô đun, môn học của mỗi học kỳ (CK.1.3.2.05- *Lịch trình giảng dạy của giáo viên năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012, minh chứng dùng lại*), sau mỗi buổi lên lớp giáo viên bộ môn ghi nội dung bài giảng, số giờ lên lớp vào sổ lên lớp đặt tại phòng đào tạo (CK.1.3.2.06- *Sổ lên lớp năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012, minh chứng dùng lại*), đồng thời cập nhật những diễn biến chính trong giờ học, điểm kiểm tra định kỳ, kết thúc mô đun vào sổ tay giáo viên (CK.1.3.2.07 - *Sổ tay giáo viên năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012, minh chứng dùng lại*). Từ những quy trình trên cho thấy 100% giáo viên nghề cắt gọt kim loại thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng dạy theo đúng kế hoạch

Tự đánh giá chỉ số 3: 1 điểm

d) Chỉ số 4: 100% giáo viên dạy nghề thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học

Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập nhà trường ban hành quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp (**CK.2.5.4.01- Quyết định số 101B/QĐ-CDNDN-ĐT**, ngày 29/5/2008-Ban hành qui chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề hệ chính qui), và (**CK.2.5.4.02- Thông báo số 210/TB-TCĐN**, ngày 26/09/2011-Thu lệ phí học lại các môn học, mô-dun nghề) để các giáo viên thực hiện đúng quy định. Tất cả giáo viên nghề cắt gọt kim loại thực hiện nghiêm túc đầy đủ nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh-sinh viên bằng việc ghi chép cụ thể vào sổ tay giáo viên (**CK.1.3.2.07 - Sổ tay giáo viên năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012, minh chứng dùng lại**) và sổ lên lớp đặt tại phòng đào tạo (**CK.1.3.2.06- Sổ lên lớp năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012, minh chứng dùng lại**). Hàng năm đều có tổng hợp kết quả học tập cho các lớp thuộc nghề Cắt gọt bao gồm điểm tổng kết cho từng mô đun môn học và đánh giá xếp loại (**CK.1.5.4.01- Bảng tổng kết kết quả học tập lần cao nhất năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012, minh chứng dùng lại**), và bảng ghi kết quả học tập của toàn chương trình học cho từng học sinh-sinh viên (**CK.1.5.4.02- Bảng ghi kết quả học tập và tốt nghiệp, minh chứng dùng lại**).

Tự đánh giá chỉ số 4: 1 điểm

đ) Chỉ số 5: 100% giáo viên dạy nghề thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quản lý hồ sơ dạy học

Nhằm bảo đảm việc thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quản lý hồ sơ dạy học đúng quy định theo quyết định 62 của Bộ Lao động (**CK.2.5.5.01- Quyết định số 62/2008/QĐ-BLĐTBXH**, ngày 4/11/2008, Ban hành hệ thống biểu mẫu, sổ sách và học trong đào tạo nghề), nhà trường chỉ đạo các khoa nghề thực hiện nhiệm vụ quản lý hồ sơ dạy học đúng quy định bằng các thông báo quy định quy trình quản lý điểm kiểm tra, kết thúc mô đun và cách ghi sổ lên lớp (**CK.2.5.5.02-Thông báo số 169/TB-TCĐN**, ngày 27/6/12- Hoàn chỉnh sổ tay giáo viên và sổ lên lớp vào mỗi học kỳ; Thông báo số 128/2008/TB-CDN, ngày 12/5/2008 về việc quy định về quy trình quản lý điểm kết thúc môn học/mô đun và cách ghi sổ lên lớp). Điểm thành phần và tổng kết của mô đun môn học được quản lý theo phần mềm quản lý điểm (**ĐT.1.5.5.01-Phần mềm EMES**, Thông tin trên Website trường: www.cdndn.edu.vn). Hồ sơ giảng dạy được lưu tại văn phòng khoa cơ khí gồm: giáo án (**CK.2.5.2.03-Giáo án thực hành, lý thuyết, minh chứng dùng lại**), lịch giảng dạy (**CK.1.3.2.05- Lịch trình giảng dạy của giáo viên năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012, minh chứng dùng lại**), sổ lên

lớp (CK.1.3.2.06- *Sổ lên lớp năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012, minh chứng dùng lại*), sổ tay giáo viên (CK.1.3.2.07 - *Sổ tay giáo viên năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012, minh chứng dùng lại*). Từ những điều nói ở trên, thấy rằng tất cả giáo viên nghề cắt gọt kim loại thực hiện đầy đủ việc quản lý hồ sơ dạy học.

Tự đánh giá chỉ số 5: 1 điểm

e) Chỉ số 6: 100% giáo viên dạy nghề thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy

Nhằm đưa giáo trình, bài giảng của từng mô đun môn học, nghề học vào giảng dạy trong từng năm học nhà trường lên kế hoạch triển khai biên soạn giáo trình (CK.2.5.6.01-*Kế hoạch số 104B/KH-TCĐN, ngày 02/5/2009; Kế hoạch số 34B/KH-TCĐN, ngày 05/3/2012*), và quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình (CK.2.5.6.02- *Quy định số 250/QĐ-TCĐN-PĐT, ngày 01/12/2009 V/v biên soạn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình*). Nghề cắt gọt kim loại tổ chức thực hiện soạn giáo trình năm 2009 biên soạn được 22 giáo trình, năm 2011 thêm 3 giáo trình, năm 2012 thêm 2 cuốn, nâng tổng số giáo trình nghề cắt gọt kim loại 27 giáo trình. Căn cứ vào thông báo của ban giám hiệu về kế hoạch soạn, gia hạn và thẩm định giáo trình (CK.2.5.6.03- *Thông báo số 51/TB-TCĐN, ngày 15/3/2012 về việc gia hạn kế hoạch soạn giáo trình năm học 2011-2012; Thông báo số 159/TB-TCĐN ngày 19/6/2012 về kế hoạch thẩm định giáo trình; Thông báo số 03/TB-TCĐN.PĐT ngày 05/01/2011 về việc soạn giáo trình*), nghề cắt gọt kim loại lập kế hoạch soạn giáo trình để tổ chức thực hiện (CK.2.5.6.04- *Kế hoạch biên soạn giáo trình nghề cắt gọt kim loại 2009, 2011, 2012*) cụ thể hóa việc tổ chức thực hiện bằng biên bản họp phân công cụ thể từng giáo viên (CK.2.5.6.05- *Biên bản họp biên soạn giáo trình nghề cắt gọt kim loại 2009, 2011, 2012*). Theo các bảng kế hoạch phân công soạn giáo trình, tất cả các giáo viên thuộc nghề Cắt gọt kim loại đều tham gia soạn giáo trình, tiếp đó Ban giám hiệu ra quyết định và biên bản thẩm định các giáo trình cho nghề cắt gọt (CK.2.5.6.06- *Biên bản thẩm định giáo trình nghề cắt gọt kim loại 2009, 2011, 2012; Quyết định số 135/QĐ-TCĐN-ĐT, ngày 6/6/2011 về việc thành lập hội đồng nghiệm thu giáo trình*). Để tăng hiệu quả của công tác soạn giáo trình, nghề cắt gọt khảo sát ý kiến các trường bạn và doanh nghiệp cho các lần biên soạn 2009 đến năm 2011 (CK.2.5.6.07- *Bản nhận xét giáo trình*)

Tự đánh giá chỉ số 6: 1 điểm

g) Chỉ số 7: 100% giáo viên tham dự hội giảng cấp trường

Thực hiện theo qui định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (**CK.2.5.7.01 - Quyết định số 1161/QĐ-BLĐTBXH, ngày 11/08/2004 V/v Qui định Hội giảng của giáo viên dạy nghề**), nhà trường thường xuyên có kế hoạch tổ chức công tác hội giảng giáo viên cấp trường (**CK.2.5.7.02 - Kế hoạch hội giảng giáo viên dạy nghề cấp cơ sở năm học 2009, 2011**) được xem là hoạt động chuyên môn nhằm giúp giáo viên tự hoàn thiện phương pháp giảng dạy, chuẩn bị cho công tác tổ chức hội giảng cấp tỉnh định kỳ 2 năm 1 lần. Khoa Cơ khí chế tạo, Nghề Cắt gọt kim loại tiến hành lập kế hoạch và phân công giáo viên (**CK.2.5.7.03 - Biên bản họp khoa về việc chuẩn bị hội giảng năm học 2009, 2011, CK.2.5.7.04 - Danh sách giáo viên tham dự hội giảng cấp trường năm 2009, 2011, CK.2.5.7.05 - Lịch dự giảng giáo viên tham dự giảng cấp cơ sở năm 2011**) nhằm lựa chọn, bồi dưỡng giáo viên tiêu biểu tham gia Hội giảng các cấp tỉnh. Trong quá trình giảng dạy, nhà trường khuyến khích giáo viên soạn giáo án theo giáo án giảng dạy theo mẫu đạt chuẩn đã tham gia Hội giảng cấp tỉnh, cấp Quốc gia vào công tác giảng dạy thực tế và được dự giờ để đánh giá tiết giảng (**CK.2.5.7.06 - Phiếu đánh giá dự giờ giáo viên và bài giảng giáo viên năm 2011**). Khoa Cơ khí chế tạo phân công cho từng bộ môn khác nhau, nghề cắt gọt kim loại chủ động lên kế hoạch dự giờ giáo viên (**CK.1.3.4.01 – Kế hoạch dự giờ giáo viên nghề Cắt gọt kim loại năm 2009, 2010, 2011, 2012, minh chứng dùng lại**), trong 3 năm 2010, 2011, 2012 toàn bộ giáo viên của nghề đều tham gia bài giảng.

Tự đánh giá chỉ số 7: 1 điểm

h) Chỉ số 8: 100% giáo viên có sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc làm đồ dùng, thiết bị dạy học nhằm nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy

Việc thực hiện nghiên cứu khoa học để cải tiến, chế tạo thiết bị dạy nghề tự làm được Hội đồng nhà trường đánh giá đúng theo tiêu chí của từng thiết bị dạy nghề tự làm và đưa vào sử dụng đúng mục tiêu của chương trình đào tạo của của từng ngành nghề phương pháp. Trong 3 năm trở lại đây nhà trường đã chỉ đạo các khoa Cơ khí chế tạo cải tiến, chế tạo thiết bị dạy nghề tự làm phù hợp với điều kiện thực tế và mục tiêu đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại (**CK.2.5.8.01 - Kế hoạch số 241 về việc triển khai hội thi thiết bị dạy nghề tự làm năm 2010**). Khoa Cơ khí chế tạo, bộ môn Cắt gọt kim loại tiến hành lập kế hoạch và phân công giáo viên nghiên cứu (**CK.2.5.8.02 - Biên bản họp khoa ngày 15/09/2010 về việc chuẩn bị hội thi thiết bị dạy nghề tự làm**

năm 2010) và đã đưa vào sử dụng các thiết bị máy móc áp dụng sáng kiến cải tiến thiết bị (**CK2.5.8.03** - Báo cáo tiến độ ngày 10/10/2010 về việc thiết bị dạy nghề năm 2010). Thực hiện theo chủ trương của trường các giáo viên của nghề cắt gọt kim loại tích cực tham gia cải tiến thiết bị máy móc, bằng các ý kiến phản biện, đưa ra các biện pháp sửa chữa cụ thể, nhằm mục đích nâng cao chất lượng máy móc thiết bị sau cải tiến có chất lượng tốt hơn đưa vào giảng dạy. Năm 2010 cải tiến máy mài tròn, năm 2011 cải tiến máy tiện, năm 2012 tiếp tục cải tiến các máy tiện còn lại trong xưởng. (**CK.1.4.2.04**-Biên bản nghiệm thu cải tiến thiết bị phục vụ đào tạo của khoa CKCT năm 2010, 201; **CK.1.4.2.05** – Kế hoạch số 220B/TCĐN, ngày 05/9/2012 về việc cải tiến hệ thống điện điều khiển máy tiện Liên xô; **CK.1.4.2.06** – Biên bản họp phân công về việc cải tiến hệ thống điện điều khiển máy tiện Liên xô năm 2012, minh chứng dùng lại).

Tự đánh giá chỉ số 8: 1 điểm

2. Đánh giá:

- **Điểm mạnh:** Thực hiện đúng theo chủ trương của trường, các giáo viên thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng dạy theo đúng kế hoạch, đúng tiến độ. Từ công tác xếp loại đánh giá giáo viên, chuẩn bị giảng dạy, xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, cải tiến kỹ thuật....

- **Những tồn tại:** Hàng năm các giáo viên chưa tham gia đầy đủ vào công tác hội giảng cấp trường.

3. Kế hoạch: Tổ chức thực hiện theo kế hoạch để giáo viên tham gia hội giảng, nhằm mục đích tăng cường cọ sát kinh nghiệm phục vụ giảng dạy

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 2.5 đạt: 7 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Đội ngũ giáo viên dạy nghề được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Hàng năm, trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ giáo viên dạy nghề

Để thực hiện công tác bồi dưỡng giáo viên, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới trong dạy nghề. Hàng năm, nhà trường đều có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên (*TC.2.6.1.01- Kế hoạch số 75B/KH-TCĐN, ngày 06/4/2012 V/v Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên năm học 2010, 2011, 2012*). Giáo viên của nghề cắt gọt kim loại đăng ký tham gia các khóa học đào tạo nâng cao chuẩn trình độ khu vực và các chương trình của Sở Lao động thương binh xã hội Đồng Nai (*TC.2.6.1.02-Danh sách Giáo viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ 2010, 2011, 2012*)

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Trường tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề theo kế hoạch và cử giáo viên dạy nghề tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng khi được triệu tập

Căn cứ vào kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên (*TC.2.6.1.01- Kế hoạch số 75B/KH-TCĐN, ngày 06/4/2012 V/v Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên năm học 2010, 2011, 2012, minh chứng dùng chung*) và danh sách đăng ký tham gia các khóa học đào tạo nâng cao chuẩn trình độ khu vực và các chương trình của Sở Lao động thương binh xã hội Đồng Nai (*TC.2.6.1.02-Danh sách Giáo viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ 2010, 2011, 2012, minh chứng dùng chung*); nhà trường ra quyết định cử giáo viên đi học bồi dưỡng nâng cao trình độ (*TC.2.6.2.01-Quyết định cử giáo viên đi học cao học*), năm 2009 có 2 giáo viên nghề cắt gọt cử đi học thạc sĩ, năm 2010 có 1 giáo viên và năm 2011 có 2 giáo viên. Ngoài các lớp đi học cao học, giáo viên nghề cắt gọt tham gia các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, chuyên môn (*TC.2.6.2.02-Danh sách giáo viên được cử tham gia các lớp bồi dưỡng*) và lớp quản lý dành cho cán bộ quản lý (*TC.2.6.2.03-Danh sách giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chính trị, quản lý nhà nước*). Hàng năm trường đều có báo cáo tổng kết kết quả bồi dưỡng nâng cao trình độ của giáo viên (*TC.2.6.2.04-Báo cáo tổng kết kết quả bồi dưỡng nâng cao trình độ giáo viên năm 2010, 2011, 2012*)

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

c) Chỉ số 3: Hàng năm, trường có tổng kết, đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ giáo viên dạy nghề

Căn cứ vào báo cáo tổng kết của các khoa nghề, trường thực hiện việc tổng kết, đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của giáo viên (TC.2.6.2.04- *Báo cáo tổng kết kết quả bồi dưỡng nâng cao trình độ giáo viên năm 2010, 2011, 2012, minh chứng dùng chung*). Nghề cắt gọt kim loại bản báo cáo tổng kết về công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của giáo viên của nghề (CK.2.6.3.01-*Báo cáo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn*); (CK.2.6.3.02-*Báo cáo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ*), cụ thể bằng việc giáo viên nộp các chứng chỉ công nhận hoàn thành khóa đào tạo (CK.2.6.3.03-*Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ*)

Tự đánh giá chỉ số 3: 1 điểm

d) Chỉ số 4: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức cho đội ngũ giáo viên dạy nghề đi thực tế sản xuất, tiếp cận với công nghệ mới để bổ sung kinh nghiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu giảng dạy

Căn cứ vào kế hoạch đưa học sinh-sinh viên đi thực tập xí nghiệp (ĐT.1.2.1.03 – *Kế hoạch số 16/KH-TCĐN, ngày 08/02/2012 về việc thực tập xí nghiệp, minh chứng dùng chung*), nghề cắt gọt triển khai kế hoạch phân công giáo viên theo dõi thực tập theo đúng tiến độ (CK.2.6.4.01-*Kế hoạch phân công giáo viên theo dõi thực tập xí nghiệp*). Giáo viên được phân công lập đề cương thực tập xí nghiệp (CK.2.6.4.02-*Đề cương thực tập xí nghiệp nghề cắt gọt kim loại*) và giáo vụ khoa tổng hợp danh sách học sinh-sinh viên đi thực tập (CK.2.6.4.03-*Danh sách đi thực tập xí nghiệp năm 2010, 2011, 2012*). Trong quá trình hướng dẫn thực tập, giáo viên nghề cắt gọt tiếp cận, tiếp thu với các công nghệ mới tại các công ty xí nghiệp với mục đích rà soát, bổ sung kinh nghiệm và đưa vào nội dung giảng dạy đáp ứng yêu cầu đào tạo. (CK.2.6.4.04-*Báo cáo thực tập xí nghiệp các năm 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012*)

Tự đánh giá chỉ số 4: 1 điểm

đ) Chỉ số 5: Hàng năm, mỗi giáo viên dạy nghề có đăng ký kế hoạch tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

Căn cứ vào kế hoạch bồi dưỡng giáo viên hàng năm (TC.2.6.1.01- *Kế hoạch số 75B/KH-TCĐN, ngày 06/4/2012 V/v Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên năm học 2010, 2011, 2012*), mỗi giáo viên nghề cắt gọt kim loại đều đăng ký kế hoạch tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ (CK.2.6.5.01-*Danh sách giáo viên nghề cắt gọt kim loại đăng ký tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ*)

Tự đánh giá chỉ số 5: 1 điểm

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh:* Đội ngũ giáo viên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đi thực tế sản xuất, tiếp cận với công nghệ mới... đúng kế hoạch và quy định.

- *Những tồn tại:* Tuy đạt được những tiến bộ nhất định nhưng việc áp dụng những công nghệ mới trong sản xuất vào trong giảng dạy và bổ sung vào kinh nghiệm nghề nghiệp còn hạn chế, chưa liên tục.

3. Kế hoạch: Đưa các nội dung sinh hoạt chuyên môn và trao đổi kinh nghiệm áp dụng các kỹ thuật tiên tiến của doanh nghiệp sản xuất vào kế hoạch hoạt động thường niên.

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 2.6 đạt: 5 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Cán bộ quản lý đảm bảo cho công tác giảng dạy chương trình dạy nghề

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Đội ngũ cán bộ quản lý khoa, tổ, bộ môn Phụ trách việc thực hiện chương trình dạy nghề có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng các tiêu chuẩn quy định.

Căn cứ vào điều 9, điều 10, điều 11 của quyết định số 80/QĐ-TCĐN ngày 05 tháng 05 năm 2008 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các phòng khoa chuyên môn Trường Cao đẳng nghề Đồng Nai (**CK.2.7.1.01-Quyết định số 80/QĐ-TCĐN, ngày 05/5/2008 về việc ban hành quy chế tổ chức của khoa chuyên môn**), đội ngũ cán bộ quản lý khoa, tổ, bộ môn đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định, danh sách trích ngang (**CK.2.7.1.02-Danh sách cán bộ quản lý khoa, tổ bộ môn**); (**CK.2.4.1.02- Bảng tốt nghiệp chuyên môn, B anh văn, B tin học, Sự phạm nghề giáo viên nghề cắt gọt kim loại, minh chứng dùng lại**)

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Đội ngũ cán bộ quản lý khoa, tổ, bộ môn Phụ trách việc thực hiện chương trình dạy nghề hoàn thành nhiệm vụ được giao

Bám sát nội dung hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên (CK.2.5.2.01- *Thông tư số 09/2008/TT-BLĐTBXH, ngày 27/06/2008-Hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên dạy nghề, minh chứng dùng lại*), đội ngũ cán bộ quản lý khoa, tổ, bộ môn luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao và được nhà trường khen thưởng hàng năm (TC.2.1.2.04- *Biên bản số 229B/BB-CDN, ngày 6/9/2012 Biên bản họp xét thi đua 2011-2012, minh chứng dùng lại*) và (TC.2.1.2.06 - *Danh sách nhận tiền ABC hàng năm, minh chứng dùng lại*).

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

c) Chỉ số 3: Hàng năm, đội ngũ cán bộ quản lý khoa, tổ, bộ môn Phụ trách việc thực hiện chương trình dạy nghề được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Đề hoàn thành nhiệm vụ được giao, hàng năm các giáo viên quản lý khoa, tổ bộ môn được nhà trường cử đi tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch của trường (TC.2.6.1.01- *Kế hoạch số 75B/KH-TCĐN, ngày 06/4/2012 V/v Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên năm học 2010, 2011, 2012, minh chứng dùng lại*) và danh sách bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (TC.2.6.1.02-*Danh sách Giáo viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ 2010, 2011, 2012, minh chứng dùng lại*); (TC.2.6.2.01-*Quyết định cử giáo viên đi học cao học, minh chứng dùng lại*), Ngoài các lớp đi học cao học, giáo viên nghề cắt gọt tham gia các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, chuyên môn (TC.2.6.2.02-*Danh sách giáo viên được cử tham gia các lớp bồi dưỡng, minh chứng dùng lại*) và lớp quản lý dành cho cán bộ quản lý (TC.2.6.2.03-*Danh sách giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chính trị, quản lý nhà nước, minh chứng dùng lại*).

Tự đánh giá chỉ số 3: 1 điểm

2.Đánh giá:

- *Điểm mạnh:* Khoa có đội ngũ cán bộ quản lý cấp tổ, bộ môn có chuyên môn, năng động, sáng tạo trong công việc chuyên môn cũng như quản lý. Đây chính là một trong những yếu tố quan trọng góp phần rất lớn vào việc thúc đẩy nhà trường phát triển đồng bộ.
- *Những tồn tại:* Do tính chất, đặc thù và yêu cầu công việc của Khoa chuyên môn, Phòng ban chức năng, nên hiện nay có một số cán bộ quản lý kiêm nhiệm nên hiệu

quả quản lý chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của trường trong giai đoạn hội nhập Quốc tế.

3. Kế hoạch: Trong thời gian tới, nhà trường sẽ thúc đẩy việc bồi dưỡng cán bộ, giáo viên và luân chuyển cán bộ để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo nghề.

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 2.7 đạt mức: 3 điểm

3.2.3. TIÊU CHÍ 3: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH

Chương trình đào tạo của nghề cắt gọt kim loại được xây dựng dựa trên cơ sở chương trình khung của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, được thiết kế phù hợp với nhu cầu đào tạo cũng như thực tế sản xuất của địa phương. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, khoa nghề đã tham khảo một số chương trình đào tạo nghề của các trường cao đẳng nghề khác và ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp.

Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng liên thông từ sơ cấp nghề lên trung cấp nghề và cao đẳng nghề. Chương trình này rất linh hoạt phù với điều kiện học của nhiều đối tượng có các hoàn cảnh khác nhau. Hiện tại để giảng dạy các môn đụn và môn học, các nghề đào tạo của trường nói chung và nghề cắt gọt kim loại nói riêng đã soạn 100% giáo trình kết hợp với những sách và giáo trình khác.

****Những điểm mạnh:***

- Tập thể giáo viên và cán bộ quản lý của nghề cắt gọt kim loại rất tâm huyết, tích cực trong việc xây dựng chương trình đào tạo của nghề đảm bảo chương trình đào tạo thể hiện được nội dung, phương pháp đánh giá, kiến thức, kỹ năng theo Quy định.

- Chương trình dạy nghề cắt gọt kim loại có mục tiêu rõ ràng, trong đó Quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng, phương pháp, hình thức đào tạo.

- Việc biên soạn chương trình được sự đóng góp của nhiều chuyên gia và doanh nghiệp sản xuất.

- Nghề cắt gọt kim loại có đủ tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, chương trình, mô-đun, môn học, trong đó xác định rõ phương pháp và các yêu cầu về kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

**** Những tồn tại và kế hoạch:***

- *Những tồn tại:*

+ Công tác nghiên cứu chương trình đào tạo nước ngoài hiện tại chưa áp dụng triệt để, chỉ dừng ở lại ở việc tham khảo

+ Các doanh nghiệp tham gia vào góp ý phản biện cho tài liệu giảng dạy, chương trình đào tạo của nghề còn ít so với yêu cầu đặt ra của trường.

- *Kế hoạch:*

+ Đề xuất nhà trường Thành lập bộ phận có chức năng quan hệ Quốc tế, nhằm hoạch định, xây dựng các chương trình đào tạo Quốc tế phù hợp với điều kiện phát triển của nhà trường.

+ Duy trì thực hiện công tác lấy ý kiến doanh nghiệp sản xuất, ý kiến học sinh sau đào tạo, nhằm có thông tin chi tiết để rà soát và điều chỉnh các chương trình đào tạo của nghề.

+ Xây dựng Chính sách hợp lý trong việc thành lập các hội đồng thẩm định Nghề cắt gọt kim loại có hơn 10 thành viên là cán bộ kỹ thuật giỏi từ các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đa ngành tham gia trực tiếp vào quá trình thẩm định nội dung chương trình, tài liệu giảng dạy.

Tiêu chuẩn 3.1: Chương trình dạy nghề của trường được xây dựng, điều chỉnh theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thể hiện được mục tiêu đào tạo của trường

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Trường có quy định tổ chức xây dựng, biên soạn, nghiệm thu, phê duyệt chương trình dạy nghề theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Trên cơ sở quy định chương trình khung trình độ Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề (**ĐT.3.1.1.01 – Quy định về Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề, ban hành kèm theo quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/6/2008**) trường Cao đẳng nghề Đồng Nai có văn bản quy định xây dựng, biên soạn, nghiệm thu, phê duyệt chương trình dạy nghề theo đúng quy định (**ĐT.3.1.1.02- Văn bản số 38B/QĐ-TCĐN V/v Quy định xây dựng rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo**),

trong đó quy định về nguyên tắc xây dựng chương trình, nội dung cấu trúc, quy trình xây dựng, quy trình thẩm định và rà soát chương trình. Nghề cắt gọt kim loại cũng thực hiện theo đúng quy định của trường.

Tự đánh giá chỉ số 1 : 1 điểm

b) Chỉ số 2: Trường tổ chức xây dựng, biên soạn, nghiệm thu, phê duyệt chương trình dạy nghề đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, của trường

Nhà trường có kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo cho tất cả các khoa, nghề, tổ bộ môn thực hiện (**ĐT.3.1.2.01 – Kế hoạch số 01/KH-TCĐN V/v xây dựng chương trình năm 2009**) với nội dung và thời gian cụ thể cho từng bước công việc. Căn cứ vào kế hoạch trên, trường ra thông báo về việc xây dựng chương trình (**ĐT.3.1.2.02 – Thông báo số 01B/TB.TCĐN, ngày 02/1/2009 về việc xây dựng chương trình**), nghề cắt gọt kim loại lập kế hoạch cho đơn vị khoa nghề (**ĐT.3.1.2.03 – Kế hoạch xây dựng chương trình năm 2009, 2011, 2012 nghề cắt gọt kim loại**). Khoa cơ khí trong đó có nghề Cắt gọt kim loại tiến hành hội thảo đánh giá chương trình đào tạo, thành phần gồm ban giám hiệu, phòng đào tạo, giáo viên các trường và doanh nghiệp (**ĐT.3.1.2.04 – Thông báo họp thẩm định chương trình ; Kế hoạch hội thảo và Biên bản hội thảo đánh giá chương trình đào tạo khoa cơ khí chế tạo**). Sau hội thảo chương trình được hội đồng nhà trường nghiệm thu và ra quyết định ban hành kế hoạch và chương trình đào tạo Trung cấp nghề và Cao đẳng nghề năm 2009 (**ĐT.3.1.2.05 – Quyết định số 155B/2009/QĐ-CDNĐN, ngày 26/8/2009 về việc Ban hành kế hoạch, chương trình đào tạo trung cấp nghề và cao đẳng nghề**)

Năm 2011, theo kế hoạch chung của nhà trường, nghề cắt gọt kim loại đã tiến hành rà soát và điều chỉnh 30% nội dung chương trình và thực hiện theo kế hoạch, chương trình đào tạo cho tới nay (**ĐT.3.1.2.06 - Quyết định số 170B/QĐ-CDNĐN, ngày 25/8/2011, về việc ban hành kế hoạch, chương trình đào tạo trung cấp nghề và cao đẳng nghề**)

Năm 2012, căn cứ theo phụ lục 1 ban hành kèm theo thông tư 21/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29/7/2011, nghề cắt gọt tiến hành điều chỉnh chương trình đào tạo áp dụng từ năm 2012 đúng quy định và hiệu trưởng ký ban hành (**ĐT.3.1.2.07-Quyết định số 204B/QĐ-CDNĐN, ngày 25/8/2011, về việc ban hành kế hoạch, chương trình**

đào tạo trung cấp nghề và cao đẳng nghề); (**ĐT.3.1.2.08**-Phụ lục 1: chương trình khung trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề cho nghề cắt gọt kim loại)

Tự đánh giá chỉ số 2 : 1 điểm

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh:* Tập thể giáo viên và cán bộ quản lý rất tích cực trong việc xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo tất cả các nghề đều có chương trình. Chương trình luôn sát với thực tế sản xuất do có sự đóng góp từ các doanh nghiệp và người lao động.

- *Những tồn tại:* Chương trình đào tạo hiện tại chưa được cập nhật với trình độ quốc tế và khu vực

3. Kế hoạch: Từ năm 2012 nhà trường sẽ tiến hành công tác liên hệ với các trường đào tạo nghề quốc tế để tham khảo chương trình đào tạo, cũng như tham quan, khảo sát các nhà máy đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm xây dựng chương trình đào tạo cho một số nghề đạt trình độ quốc tế và khu vực

4. Tự đánh giá Tiêu chuẩn 3.1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Chương trình dạy nghề được xây dựng có sự tham gia của cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề và chuyên gia từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

a) Chỉ số 1: Có ít nhất 50% cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề tham gia vào việc xây dựng chương trình dạy nghề

Căn cứ vào các kế hoạch xây dựng chương trình, để việc thực hiện xây dựng chương trình tiến hành đúng quy trình và tiến độ, giáo viên nghề Cắt gọt kim loại tham gia tích cực vào công tác trên. Theo quyết định thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình (**ĐT.3.2.1.01 – Quyết định số 01B/2009/QĐ-CĐNĐN-ĐT, ngày 05/1/2009 về việc ban hành ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo- có danh sách kèm theo**), năm 2009 có 9 giáo viên và cán bộ quản lý trên 11 giáo viên hiện có của nghề đạt 81%. Năm 2011 có 8 giáo viên và cán bộ quản lý tham gia trên 13 giáo viên đạt 62% (**ĐT.3.2.1.02 – Quyết định số 10A/2011/QĐ-CĐNĐN-ĐT, ngày 12/1/2011 về việc ban hành ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo- có danh**

sách kèm theo). Đến năm 2012 có 7 giáo viên tham gia xây dựng chương trình đạt 64% (**ĐT.3.2.1.02** – Quyết định số 10B/2012/QĐ-CDNĐN-ĐT, ngày 10/1/2012 về việc ban hành ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo- có danh sách kèm theo)

Tự đánh giá chỉ số 1 : 1 điểm

b) Chỉ số 2: Có các chuyên gia từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tham gia xây dựng chương trình dạy nghề

Việc xây dựng chương trình dạy nghề không thể thiếu sự đóng góp, tham gia của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chính vì vậy nhà trường đã mời các chuyên gia ngoài Doanh nghiệp và các trường bạn về tham gia thẩm định chương trình dạy (**ĐT.3.2.2.01** – Quyết định số 124/2009/QĐ-CDNĐN-ĐT, ngày 15/6/2009 về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình); (**ĐT.3.2.2.02**- Quyết định số 139/2011/QĐ-CDNĐN-ĐT, ngày 15/6/2011 về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình); (**ĐT.3.2.2.03**-Quyết định số 155B/2011/QĐ-CDNĐN-ĐT, ngày 5/6/2012 về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình).

Tự đánh giá chỉ số 2 : 1 điểm

c) Chỉ số 3: Khi xây dựng chương trình dạy nghề có tham khảo các chương trình tương ứng của nước ngoài hoặc cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến chương trình dạy nghề

Giáo viên của nghề được tập huấn tại nước ngoài thông qua các lớp chuyển giao công nghệ, dựa vào những kiến thức được đào tạo tại nước ngoài các giáo viên đã điều chỉnh lại chương trình đào tạo của nghề do khoa phụ trách. (**ĐT.3.2.3.01**- Danh mục các chương trình nước ngoài được tham khảo và chương trình kèm theo). Ngoài ra các giáo viên hướng dẫn học sinh-sinh viên thực tập tốt nghiệp cũng đã cập nhật những công nghệ tiên tiến đưa vào xây dựng chương trình đào tạo (**CK.2.6.4.04**- Báo cáo thực tập xí nghiệp nghề cắt gọt kim loại- minh chứng dùng lại)

Tự đánh giá chỉ số 3: 1 điểm

2. Đánh giá:

- **Điểm mạnh:** Giáo viên nhà trường tích cực tham gia xây dựng chương trình đào tạo. Có nhiều chuyên gia ngoài trường tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chương trình

- *Những tồn tại:* Chưa tham khảo nhiều chương trình đào tạo tương đương ở nước ngoài ứng dụng vào chương trình đào tạo tại trường

3. Kế hoạch: Nhà trường sẽ tham khảo nhiều hơn những chương trình đào tạo tương đương tại các trường quốc tế

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 3.2. : 3 điểm

<i>Tiêu chuẩn 3.3: Chương trình dạy nghề được rà soát, điều chỉnh, bổ sung.</i>
--

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Trường có văn bản quy định về việc tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình dạy nghề để phù hợp với kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Nhà trường chủ trương theo định kỳ khóa học điều chỉnh chương trình đào tạo căn cứ vào thực tế đào tạo, ý kiến phản hồi từ các doanh nghiệp và học sinh tốt nghiệp, và đã chỉ đạo các khoa nghề thực hiện điều này. Nhà trường có quy định về việc rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo (**ĐT.3.3.1.01- Kế hoạch số 03B/KH-TCĐN, ngày 05/01/2011 V/v Rà soát điều chỉnh chương trình dạy nghề**). Để điều chỉnh chương trình đào tạo nghề cắt gọt kim loại thực hiện theo thông báo của trường, đúng trình tự quy định (CK.1.3.03-Thông báo số 170B/TB-TCĐN, ngày 14/7/2011 về việc điều chỉnh chương trình đào tạo nghề theo hướng nội dung giảng dạy tích hợp, thông báo số 92B/TB-TCĐN, ngày 12/4/2012 về việc điều chỉnh kế hoạch chương trình đào tạo nghề năm 2012, minh chứng dùng lại)

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Hàng năm trường tổ chức lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của người sử dụng lao động về sự phù hợp của chương trình dạy nghề với yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động;

Để chương trình đào tạo đáp ứng được nhu cầu thực tế của thị trường lao động, nhà trường theo định kỳ hàng năm tổ chức lấy ý kiến đóng góp về chương trình đào tạo từ các doanh nghiệp ở địa phương thông qua phiếu khảo sát. Sau đó nhà trường sẽ tổng hợp thành bảng thống kê làm cơ sở để điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu thực tế (CK1.3.3.08 – Phiếu khảo sát chương trình đào tạo đối với người sử dụng lao động, minh chứng dùng lại) và (CK.1.4.5.01- Bảng tổng hợp ý kiến

người lao động, sinh viên năm cuối, cán bộ giáo viên, doanh nghiệp về chương trình đào tạo năm 2010,2011,2012, minh chứng dùng lại)

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

c) Chỉ số 3: Hàng năm trường tổ chức lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của người tốt nghiệp đã đi làm về sự phù hợp của chương trình dạy nghề với yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động;

Công tác điều chỉnh chương trình đào tạo dựa trên ý kiến đóng góp của người học mới tốt nghiệp rất quan trọng, nên nhà trường định kỳ hàng năm khảo sát ý kiến của sinh viên năm cuối và sinh viên tốt nghiệp đang làm ngoài doanh nghiệp để làm cơ sở dữ liệu nhằm điều chỉnh chương trình đào tạo ngày càng theo sát với thực tiễn sản xuất tại doanh nghiệp (*CK1.3.3.08– Phiếu khảo sát điều chỉnh chương trình 2010,2011,2012, minh chứng dùng lại*); (*CK.1.4.5.01- Bảng tổng hợp ý kiến người lao động, sinh viên năm cuối, cán bộ giáo viên, doanh nghiệp về chương trình đào tạo năm 2010,2011,2012, minh chứng dùng lại*).

Ngoài ra nhà trường cũng thường xuyên lấy ý kiến đóng góp về chương trình đào tạo từ giáo viên và cán bộ quản lý (đối tượng trực tiếp sử dụng chương trình đào tạo) (*CK.1.3.3.05 – Phiếu khảo sát chương trình đào tạo đối với cán bộ quản lý, giáo viên và bảng tổng hợp thống kê, minh chứng dùng lại*)

Tự đánh giá chỉ số 3: 1 điểm

d) Chỉ số 4: Hàng năm trường tổ chức cập nhật kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến chương trình dạy nghề;

Hàng năm nhà trường căn cứ vào những ý kiến phản hồi của cựu sinh viên và doanh nghiệp trong những dịp các giáo viên hướng dẫn học sinh-sinh viên thực tập tốt nghiệp cũng đã cập nhật những công nghệ tiên tiến vào chương trình đào tạo (*CK.2.6.4.04- Báo cáo thực tập xí nghiệp nghề cắt gọt kim loại- minh chứng dùng lại, minh chứng dùng lại*)

Tự đánh giá chỉ số 4: 1 điểm

đ) Chỉ số 5: Trường tổ chức rà soát và điều chỉnh, bổ sung chương trình dạy nghề theo quy định.

Thực hiện theo văn bản nhà trường đã quy định, chương trình đào tạo phải được rà soát và điều chỉnh dựa ý kiến đóng góp của doanh nghiệp, giáo viên và cựu sinh viên nhà trường đã tổ chức rà soát và điều chỉnh lại chương trình dạy nghề theo hướng tích hợp (**ĐT.3.3.5.01**– Thông báo số 07/TB.TCDN về việc Rà soát, điều chỉnh chương trình, ngày 8/1/2011; Thông báo số 116/TB-TCDN về việc điều chỉnh chương trình đào tạo chi tiết, ngày 24/4/2012; Thông báo số 170B/TB-TCDN về việc điều chỉnh kế hoạch- chương trình đào tạo nghề theo hướng giảng dạy tích hợp, ngày 14/7/2011). Khoa nghề đề nghị lên nhà trường những modul môn học cần điều chỉnh (**ĐT.3.3.5.02** – Đề nghị điều chỉnh chương trình).

Tự đánh giá chỉ số 5: 1 điểm

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh:* Nhà trường xem việc điều chỉnh chương trình đào tạo là rất quan trọng cho nên chương trình đào tạo được điều chỉnh xây dựng phù hợp với yêu cầu thực tiễn sản xuất của các doanh nghiệp .

- *Những tồn tại:* Nhà trường chưa ứng dụng sâu rộng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chương trình đào tạo của một số môn học

3. Kế hoạch: Từ năm 2012 trở đi khoa nghiên cứu ứng dụng những tiến bộ khoa học để điều chỉnh chương trình đào tạo hiện có của nhà trường

4.Tự đánh giá tiêu chuẩn 3.3 đạt : 5 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình dạy nghề được xây dựng và ban hành theo quy định.

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Trờng có văn bản quy định về việc tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn nghiệm thu, phê duyệt giáo trình theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ vào quy định chương trình khung trình độ Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề (**ĐT.3.4.1.01** – Quy định về Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề, ban hành kèm theo thông tư số 21/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29/7/2011) Nhà trường có văn bản quy định soạn giáo trình cụ thể và được phổ biến cho các khoa

(**ĐT.3.4.1.02**-Văn bản số 40B/2009/QĐ-TCĐN-Quy định biên soạn giáo trình, ngày 27/3/2009; Văn bản số 133/2009/CĐNĐN, về Quy trình biên soạn, cập nhật, đổi mới giáo trình, ngày 20/5/2009; Văn bản số 161A/QĐ-ĐTĐN về quy định về rà soát điều chỉnh giáo trình, ngày 4/9/2009; Văn bản số 250/QĐ-TCĐN-ĐT quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình, ngày 01/12/2009). Các mô-đun, môn học của chương trình dạy nghề có đủ giáo trình được phê duyệt. Tất cả môn học của chương trình đào tạo đều có giáo trình kèm theo. Trong đó một số giáo trình do nhà trường biên soạn và số giáo trình còn lại từ các nhà xuất bản và trường khác. Đến năm 2011 do điều chỉnh chương trình đào tạo, nên cần phải biên soạn thêm giáo trình nhà trường có văn bản quy định tổ chức biên soạn giáo trình (**ĐT.3.4.1.03**-Thông báo số 272/TB-TCĐN về việc soạn giáo trình, ngày 16/12/2011; Thông báo số 51/TB-TCĐN về việc gia hạn kế hoạch soạn giáo trình năm học 2011-2012, ngày 15/3/2012; Văn bản số 104B/KH-TCĐN về kế hoạch biên soạn giáo trình năm 2009, ngày 02/5/2009; Văn bản số 34B/KH-TCĐN về kế hoạch biên soạn giáo trình năm 2012, ngày 05/3/2012)

Tự đánh giá chỉ số 1 : 1 điểm

b) Chỉ số 2: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, nghiệm thu, phê duyệt theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, của trường;

Hiện tại 100% mô đun môn học của nghề CGKL được biên soạn (**ĐT.3.4.2.01**-*Biên bản thẩm định và nghiệm thu giáo trình*) và đã có giáo trình được phê duyệt ban hành theo quy định của nhà trường (**ĐT.3.4.2.02**- *quyết định ban hành giáo trình dạy nghề*).

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

c) Chỉ số 3: Các mô-đun, môn học của chương trình dạy nghề có đủ giáo trình được phê duyệt.

Hiện tại, để giảng dạy các môn học, mô-đun của chương trình đào tạo, giáo viên nghề cắt gọt kim loại đã biên soạn đủ 31 mô đun/môn học chuyên môn nghề và đã được phê duyệt ban hành nội bộ (**ĐT.3.4.3.01**- *Danh mục giáo trình được biên soạn theo mô đun nghề cắt gọt kim loại trong năm 2009, 2011*). Ngoài giáo trình do giáo viên nghề biên soạn, còn có giáo trình tham khảo của Tổng cục dạy nghề và các trường khác để người học có nguồn tham khảo sâu rộng hơn.

Tự đánh giá chỉ số 3: 1 điểm

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh:* Tất cả các môn học, mô-đun được đều có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo. Các loại sách, giáo trình và tài liệu tham khảo được mua bổ sung hàng năm

- *Những tồn tại:* Tỷ lệ dùng giáo trình bên ngoài còn nhiều

3. Kế hoạch: Hiện nhà trường chưa có kế hoạch cho tiêu chuẩn này

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 3.4 đạt: 3 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Giáo trình được rà soát, điều chỉnh, bổ sung

1. Mô tả

a) Chỉ số 1: Trường có văn bản quy định về việc định kỳ tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung giáo trình khi chương trình dạy nghề sửa đổi, bổ sung hoặc khi có công nghệ mới (trong đó có nội dung hàng năm trường có kế hoạch và tổ chức thu thập ý kiến nhận xét, đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề về mức độ giáo trình đáp ứng các yêu cầu cụ thể hoá về nội dung cần đạt trong chương trình dạy nghề, về mức độ đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học của giáo trình);

Bên cạnh chương trình đào tạo nhà trường cũng rất chú trọng việc rà soát điều chỉnh giáo trình, căn cứ vào chương trình đào tạo, nhà trường ban hành văn bản quy định về việc rà soát, bổ sung giáo trình cho phù hợp với chương trình đào tạo (ĐT.3.4.1.02-Văn bản số 40B/2009/QĐ-TCĐN-Quy định biên soạn giáo trình, ngày 27/3/2009; Văn bản số 133/2009/CĐNĐN, về Quy trình biên soạn, cập nhật, đổi mới giáo trình, ngày 20/5/2009; Văn bản số 161A/QĐ-ĐTCĐN về quy định về rà soát điều chỉnh giáo trình, ngày 4/9/2009; Văn bản số 250/QĐ-TCĐN-ĐT quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình, ngày 01/12/2009, minh chứng dùng lại). Song song quá trình tổ chức biên soạn giáo trình, nghề cắt gọt tổ chức lấy ý kiến giáo viên và học sinh sinh viên về giáo trình đang sử dụng (ĐT.3.5.1.01-Phiếu nhận xét đánh giá giáo trình) và làm báo cáo tổng hợp ý kiến khảo sát nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả dạy học (ĐT.3.5.1.02-Báo cáo khảo sát nhận xét về giáo trình).

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Trường tổ chức rà soát, điều chỉnh và bổ sung giáo trình theo quy định.

Nhà xây dựng kế hoạch biên soạn giáo trình đào tạo nghề cho tất cả các khoa, nghề, tổ bộ môn thực hiện (*ĐT.3.4.1.02- Quy định biên soạn, rà soát soạn Giáo trình năm 2009, 2011*) với nội dung và thời gian cụ thể cho từng bước công việc. Căn cứ vào văn bản, Khoa nghề lập kế hoạch soạn giáo trình với cụ thể thời gian theo đúng tiến độ (*CK.2.5.6.04 - Kế hoạch biên soạn giáo trình của Nghề Cắt gọt kim loại năm 2009,2011*), trong quá trình biên soạn giáo trình khoa nghề đã tiến hành lấy ý kiến đánh giá giáo trình của giáo viên và học sinh (**ĐT.3.5.2.01- Phiếu nhận xét đánh giá giáo trình nghề cắt gọt kim loại của giáo viên và học sinh; ĐT.3.5.2.02- Báo cáo khảo sát nhận xét đánh giá về giáo trình nghề cắt gọt kim loại**). Khi giáo trình đã được biên soạn hoàn tất khoa nghề trình lên hội đồng để thẩm định, nghiệm thu và phê duyệt (*ĐT.3.4.2.01- Biên bản thẩm định, nghiệm thu giáo trình nghề cắt gọt kim loại; ĐT.3.4.2.02- Quyết định V/v ban hành giáo trình*).

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh* : Có công tác điều tra khảo sát nhận xét về giáo trình của nghề
- *Những tồn tại*: Chưa khảo sát cho từng giáo trình; chưa khảo sát định kỳ hàng năm; chưa có báo cáo điều chỉnh giáo trình

3. Kế hoạch: Nhà trường và khoa nghề sẽ tiến hành khảo sát lấy ý kiến cho từng giáo trình định kỳ hàng năm và tiến hành điều chỉnh từng giáo trình cho phù hợp với yêu cầu thực tế của Doanh nghiệp

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3.5 đạt: 2 điểm

3.2.4. TIÊU CHÍ 4: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ, ĐỒ DÙNG DẠY HỌC, THƯ VIỆN

Mở đầu

Trường được tiếp quản trên cơ sở là (Trung tâm huấn nghệ Quốc gia) từ tháng 11/1975, giai đoạn 1986- 1990 được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cho đầu tư xây dựng nâng cấp để tiếp nhận thiết bị dạy nghề của Liên xô cũ viện trợ. Đến năm 2001 được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể trường đến năm 2010.

Trường được đầu tư xây dựng để tiếp nhận trang thiết bị dạy nghề của 1 trong 15 trường trọng điểm quốc gia, cho nên việc xây dựng hạ tầng cơ sở đảm bảo chỉ giới quy hoạch, mật độ xây dựng, đường nội bộ, công trình cấp thoát nước, cây xanh... rất thuận lợi cho các hoạt động chung của trường. Nhà trường đã khai thác triệt để tất cả công năng của các phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, nhưng vẫn đáp ứng được lưu lượng học sinh như hiện thể hiện qua việc tăng tần suất sử dụng. Bên cạnh đó Nhà trường được sự quan tâm đầu tư của Bộ lao động thương binh và xã hội. Tổng cục dạy nghề. Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Nai. Từ năm 2003 đến 03/2008 các nhà xưởng số (số 02a,b; số 5; số 06) được xây dựng xong và đã đưa vào sử dụng. Đến tháng 01/2009 trường đó tiếp nhận xong thiết bị của 04 nghề nằm trong dự án đầu tư, cải tạo và nâng cao khả năng GDKT&DN của 15 trường trọng điểm Quốc gia. Tất cả các khu vực dành cho thực hành (nhà xưởng: 02 – nhà xưởng: 04 – nhà xưởng: 05 – nhà xưởng: 06) từng nhà có hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước riêng biệt, rác thải được Công ty vệ sinh môi trường thu gom hàng ngày. Việc bảo trì sửa chữa những hư hỏng về cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị thực hành luôn đảm bảo đúng qui trình tiến độ. Các hệ thống điện, nước, thông gió, phòng cháy chữa cháy luôn đáp ứng nhu cầu đào tạo của Nhà trường.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng học lý thuyết, thực hành, nhà xưởng đảm bảo tốt cho công tác đào tạo nghề. Thiết bị, dụng cụ trong các phòng học được bố trí hợp lý, phù hợp với quy hoạch nội bộ, thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt và vận hành các thiết bị máy. Nhà trường đã nghiên cứu và tìm mọi giải pháp cụ thể, để đảm bảo các điều kiện hoạt động cho các xưởng thực hành, đặc biệt quan tâm nhất đến việc duy tu, bảo dưỡng, bảo quản và vệ sinh công nghiệp các trang thiết bị.

Trong những năm qua, Nhà trường đã từng đầu tư, mua sắm bổ sung các máy móc, thiết bị phục vụ đào tạo chính: các thiết bị, máy thuộc thể hệ mới, máy PLC, robot hàn, máy tiện CNC. Máy phay CNC, hệ thống dạy chuyên tự động hóa, hệ thống thủy lực, khí nén ,vv... luôn đạt mức tương đương trình độ công nghệ của sản xuất, dịch vụ hiện đại.

*** Những điểm mạnh:**

Địa điểm trường rất thuận tiện cho việc đi lại, học tập, giảng dạy của người học, giáo viên, cán bộ quản lý và các hoạt động của Nhà trường. Môi trường đảm bảo đủ điều kiện vệ sinh, an toàn, yên tĩnh cho giảng dạy và học tập, rất phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới cơ sở dạy nghề, giao thông rất thuận tiện.

Nhà trường đã khai thác triệt để tất cả công năng của các phòng học, nên vẫn đáp ứng được lưu lượng học sinh như hiện hành, cụ thể qua việc tăng tần suất sử dụng. Việc bảo trì sửa chữa những hư hỏng về cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị thực hành luôn đảm bảo đúng Quy trình tiến độ và phục vụ đủ cho mục đích dạy và học của giáo viên và học sinh. Các hệ thống điện, nước, hệ thống xử lý nước thải, thông gió, phòng cháy chữa cháy luôn đáp ứng nhu cầu đào tạo của Nhà trường.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng học lý thuyết, thực hành, nhà xưởng đảm bảo tốt cho công tác đào tạo nghề. Thiết bị, dụng cụ trong các phòng học được bố trí hợp lý, phù hợp với quy hoạch nội bộ, thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt và vận hành. Nhà trường đã nghiên cứu và tìm mọi giải pháp có thể để đảm bảo các điều kiện hoạt động cho các xưởng thực hành, đặc biệt quan tâm nhất đến việc duy tu, bảo quản và vệ sinh trang thiết bị.

Trong những năm qua, ngoài việc Nhà trường đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo thì còn được Dự án Giáo dục Kỹ thuật và Dạy nghề đầu tư trang thiết bị của ba nghề (Điện, công nghệ ô tô, điện tử) đạt mức tương đương trình độ công nghệ của sản xuất, dịch vụ hiện đại.

*** Những tồn tại và kế hoạch:**

- *Những tồn tại:* Do kinh phí đầu tư của một số trạm mô phỏng quá trình sản xuất ứng dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại, máy tiện, máy phay CNC, bàn thực hành khí nén thủy lực rất lớn, nên số lượng các thiết bị này còn ít so với quy mô đào tạo.

- *Kế hoạch:* Tăng cường công tác giám sát, đánh giá việc bảo quản trang thiết bị và vệ sinh công nghiệp trong các Phòng thực hành để học sinh có đủ thiết bị và mọi điều kiện thuận lợi khác khi tham gia học tại trường.

Tiêu chuẩn 4.1: Phòng học, xưởng thực hành đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình dạy nghề

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Trường có số lượng các phòng học, xưởng thực hành đáp ứng quy mô đào tạo của chương trình dạy nghề

Căn cứ vào bảng thống kê số lượng, diện tích các phòng/xưởng cho các mô chuyên chuyên môn nghề cắt gọt kim loại (**CK.4.1.1.01 - Bảng báo cáo diện tích bình**

quân m²/hs), bảng chi tiết sĩ số học sinh của các khóa nghề cắt gọt kim loại (**CK.4.1.1.02-Bảng chi tiết sĩ số sinh viên- học sinh đào tạo TCN, CDN, ngày 20/02/2012**) và số lượng thống kê các trang thiết bị, máy cho từng xưởng thực hành nghề cắt gọt kim loại (**CK.4.1.1.03-Thống kê sĩ số học sinh, số lượng máy, thiết bị, tỷ lệ hs/ thiết bị máy năm học 2009-2010; 2010-2011; 2011-2012**); (**CK.4.1.1.04-Hồ sơ thống kê danh mục thiết bị**), cho thấy nghề cắt gọt đảm bảo về số lượng, quy mô đào tạo cho nghề, đáp ứng, đảm bảo tỷ lệ số người học trên thiết bị cơ bản theo từng mô đun nghề.

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Các phòng học, xưởng thực hành bảo đảm quy chuẩn xây dựng

Các phòng học và xưởng thực hành được xây dựng theo quy chuẩn và có hồ sơ kèm theo (**CK.4.1.2.01- Bản đồ khu vực nơi đặt địa điểm nhà trường**), trong giai đoạn 1 trường được Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định về duyệt thiết kế thi công (**CK.4.1.2.02- Hồ sơ xây dựng trường đảm bảo các điều kiện mặt bằng, kiến trúc, cảnh quan, mật độ xây dựng, diện tích cây xanh**). Cụ thể có hình ảnh chụp các khu vực xưởng thực hành (**CK.4.1.2.03- Bộ tranh, ảnh chụp cảnh quan hiện tại của nhà trường năm 2010**).

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

c) Chỉ số 3: Trường có văn bản quy định về quy chế sử dụng, quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa các phòng học, xưởng thực hành

Để đảm bảo việc sử dụng, quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa các phòng học, xưởng thực hành đúng quy định, trường ban hành quy chế quản lý sử dụng tài sản nhà trường (**KH.4.1.3.01- Quy chế quản lý, sử dụng tài sản trong trường Cao đẳng nghề Đồng Nai, ban hành kèm theo quyết định số 243/QĐ-CDN, ngày 07/9/2012**), tài sản sử dụng được giao trách nhiệm cho khoa nghề quản lý (**KH.4.1.3.02- Qui định quản lý tài sản tại điều 13, chương V của quyết định số 80/QĐ-TCĐN ngày 05 tháng 05 năm 2008 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các phòng khoa chuyên môn Trường CDN Đồng Nai**). Ngoài ra nhà trường còn ban hành (**KH.4.1.3.03- Qui trình bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thiết bị, máy móc của trường CDN Ban hành theo QĐ số 42/QĐ-CDN, ngày 14/3/2012**) để đảm bảo việc bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị đúng quy định. Hàng năm các khoa nghề chuyên môn thực hiện việc kiểm tra, đánh

giá máy móc thiết bị phục vụ đào tạo (**KH.4.1.3.04-Kế hoạch số 27/KH-CDN**, ngày 22/02/2012 V/v Kiểm tra đánh giá thiết bị máy móc phục vụ đào tạo các khoa nghề năm 2012)

Tự đánh giá chỉ số 3: 1 điểm

d) Chỉ số 4: Các phòng học, xưởng thực hành được sử dụng đúng mục đích, đúng công năng, được bảo dưỡng theo quy định, đảm bảo hoạt động bình thường

Các phòng học xưởng thực hành của nghề có bảng nội quy cho từng xưởng, có bản vẽ sơ đồ lắp đặt thiết bị máy móc (**KH.4.1.4.01- Sơ đồ lắp đặt máy móc thiết bị nghề cắt gọt kim loại**), thiết bị máy móc do khoa nghề quản lý (**KH.4.1.3.02- Quy định quản lý tài sản tại điều 13, chương V của quyết định số 80/QĐ-TCĐN** ngày 05 tháng 05 năm 2008 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các phòng khoa chuyên môn Trường CDN Đồng Nai). Để kiểm tra các xưởng phòng thực hành có sử dụng đúng mục đích, đúng công năng, được bảo dưỡng theo quy định, đảm bảo hoạt động bình thường, hàng năm theo lịch kiểm tra công tác đào tạo (**CK.1.3.3.01 - Thông báo số 134/TB-TCĐN-PĐT**, ngày 20/5/2010 về việc kiểm tra công tác giảng dạy của khoa nghề học kỳ II/2009-2010; **Thông báo số 09/TB-TCĐN-PĐT**, ngày 10/1/2011 về việc kiểm tra công tác giảng dạy học kỳ II/2010-2011; **Thông báo số 128/TB-TCĐN** về việc kiểm tra công tác đào tạo học kỳ II/2011-2012) và thông báo công tác kiểm tra công vụ (**CK.1.3.3.02 – Thông báo số 22/TB-TCĐN**, ngày 13/02/2012 về việc kiểm tra công tác công vụ và công tác đào tạo năm học 2011-2012); (**CK1.3.2.04-Thời khóa biểu các xưởng 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013**). Báo cáo đánh giá chất lượng cơ sở vật chất phục vụ đào tạo khoa cơ khí có biên bản đánh giá (**KH.4.1.4.02- Biên bản đánh giá tình trạng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo của khoa cơ khí năm học 2009-2010; 2010-2011; 2011-2012**)

Tự đánh giá chỉ số 4: 1 điểm

2. Đánh giá:

- **Điểm mạnh:** Các phòng học, xưởng thực hành được xây dựng đúng quy định đáp ứng được quy mô đào tạo và sử dụng đúng công năng, đúng mục đích. Có quy định, quy trình sử dụng, duy tu bảo dưỡng cho máy móc thiết bị.

- **Những tồn tại:** Máy móc thiết bị hiện đã cũ nhiều, chế độ duy tu bảo dưỡng thường xuyên chiếm nhiều thời gian.

3. Kế hoạch: Cần có kế hoạch bảo dưỡng thiết bị máy móc thường xuyên

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 4.1 đạt: 4 điểm

<i>Tiêu chuẩn 4.2: Thiết bị dạy nghề đáp ứng quy mô đào tạo</i>
--

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Trường có đủ chủng loại, số lượng thiết bị dạy nghề theo quy định về danh mục thiết bị dạy nghề của nghề đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành; trường hợp chưa có quy định về danh mục thiết bị dạy nghề, phải có đủ chủng loại, số lượng thiết bị dạy nghề theo quy định trong chương trình dạy nghề và phù hợp với quy mô đào tạo.

Căn cứ vào chương trình chi tiết nghề cắt gọt kim loại (***KH.4.2.1.01-Chương trình đào tạo chi tiết năm 2009, 2011***), chi tiết hóa các máy móc thiết bị cần dùng trong mỗi mô đun. Khoa tổng hợp các vật tư thực hành cần có cho đào tạo (***KH.4.2.1.02- Bảng tổng hợp vật tư đào tạo từng học kỳ năm học 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012***) và tiến hành giảng dạy trên danh mục thiết bị máy móc hiện có tại các phòng xưởng thực hành (***KH.4.2.1.03-Thiết bị phục vụ dạy nghề khoa cơ khí chế tạo năm 2009, 2010, 2011***). Với số lượng học sinh-sinh viên các khóa (***CK.4.1.1.02-Bảng chi tiết sĩ số sinh viên- học sinh đào tạo TCN, CDN, ngày 20/02/2012, minh chứng dùng lại***) và số lượng thống kê các trang thiết bị, máy cho từng xưởng thực hành nghề cắt gọt kim loại (***CK.4.1.1.03-Thống kê sĩ số học sinh, số lượng máy, thiết bị, tỷ lệ hs/ thiết bị máy năm học 2009-2010; 2010-2011; 2011-2012, minh chứng dùng lại***); (***CK.4.1.1.04-Hồ sơ thống kê danh mục thiết bị, minh chứng dùng lại***) cho thấy rằng có đủ chủng loại, số lượng thiết bị dạy nghề theo quy định về danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề cắt gọt kim loại ban hành kèm theo Thông tư số 28/TT-BLĐTBXH, ngày 19/10/2011 của bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: 100% thiết bị dạy nghề đảm bảo hoạt động bình thường

Hàng năm giáo viên quản lý xưởng thực hành nghề cắt gọt kim loại đánh giá tình trạng máy móc thiết bị (***CK.4.2.2.01- Đánh giá tình trạng trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo năm 2010, 2011, 2012***) và đồng thời lập biên bản báo cáo ban giám hiệu (***CK.4.2.2.02- Biên bản đánh giá tình trạng trang thiết bị phục vụ hoạt động đào***

tạo năm 2010,2011,2012). Năm 2012 căn cứ vào kế hoạch của trường về đánh giá trang thiết bị đào tạo, nghề cắt gọt làm biên bản đánh giá cho từng xưởng (CK.4.2.2.03-Biên bản kiểm tra, đánh giá tình trạng trang thiết bị đào tạo theo Kế hoạch số 27/KH-CDN, ngày 22/02/2012). Với các đánh giá và các biên bản trên cho thấy 100% máy móc thiết bị của nghề đều hoạt động bình thường (CK.1.3.3.01 - Thông báo số 134/TB-TCĐN-PĐT, ngày 20/5/2010 về việc kiểm tra công tác giảng dạy của khoa nghề học kỳ II/2009-2010; Thông báo số 09/TB-TCĐN-PĐT, ngày 10/1/2011 về việc kiểm tra công tác giảng dạy học kỳ II/2010-2011; Thông báo số 128/TB-TCĐN về việc kiểm tra công tác đào tạo học kỳ II/2011-2012, minh chứng dùng lại) và thông báo công tác kiểm tra công vụ (CK.1.3.3.02 – Thông báo số 22/TB-TCĐN, ngày 13/02/2012 về việc kiểm tra công tác công vụ và công tác đào tạo năm học 2011-2012, minh chứng dùng lại); (CK1.3.2.04-Thời khóa biểu các xưởng 2009-2010,2010-2011,2011-2012, minh chứng dùng lại).

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

c) Chỉ số 3: Các thiết bị dạy nghề được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hoạt động dạy và học.

Căn cứ vào sơ đồ lắp đặt máy móc (KH.4.1.4.01- Sơ đồ lắp đặt máy móc thiết bị Khoa Cơ khí chế tạo, minh chứng dùng lại), biên bản đánh giá tình trạng (KH.4.1.4.02- Biên bản đánh giá tình trạng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo của khoa Cơ khí chế tạo năm học 2009-2010; 2010-2011;2011-2012, minh chứng dùng lại) và (CK.4.2.2.01-Đánh giá tình trạng trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo năm 2010, 2011, 2012, minh chứng dùng lại), cho thấy các thiết bị máy móc tại các xưởng thực hành nghề cắt gọt kim loại bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành. Hàng năm nhà trường tiến hành công tác kiểm kê (CK.4.2.3.01- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm hàng hóa khoa cơ khí năm 2009, 2010, 2011), và tổ chức thực hiện việc duy tu bảo dưỡng sửa chữa máy (CK.4.2.3.02- Kế hoạch sửa chữa chữa năm 2010,2011,2012), (CK.4.2.3.03- Các giấy đề nghị, báo cáo hư hỏng, biên bản xác nhận, duy tu trang thiết bị năm 2009; 2010; 2011).

Tự đánh giá chỉ số 3: 1 điểm

2. Đánh giá:

- **Điểm mạnh:** Nghề cắt gọt kim loại được trang bị máy móc, trang thiết bị đủ chủng loại và số lượng theo quy định, hàng năm chú trọng đến công tác duy tu, bảo dưỡng,

thường xuyên sửa chữa để đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động tốt, đáp ứng quy mô đào tạo của nghề.

- *Những tồn tại:* Chưa có các văn bản đánh giá kiểm định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về đánh giá máy móc thiết bị

3. Kế hoạch: Từ năm 2012-2013 nghề cắt gọt cần có văn bản đánh giá kiểm định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về đánh giá máy móc thiết bị

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 4.2 đạt mức: 3 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Quản lý, sử dụng, bảo dưỡng thiết bị dạy nghề.

1. Mô tả

a) Chỉ số 1: Trường có văn bản quy định về quản lý, sử dụng và bảo dưỡng thiết bị dạy nghề;

Nhà trường đã ban hành các văn bản về phân cấp, quản lý các trang thiết bị dạy nghề, phục vụ đào tạo nghề cho từng bộ phận cụ thể. Văn bản quy định phân cấp quản lý, sử dụng và bảo dưỡng, phòng học chuyên môn theo quy trình, chức năng, công suất theo thiết kế; (KH.4.1.3.01-*Qui chế quản lý, sử dụng tài sản trường CDN Ban hành kèm theo QĐ 243/QĐ-CDN, ngày 7/9/2012, minh chứng dùng lại*), trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo dưỡng trang thiết bị do khoa chuyên môn quản lý và sử dụng hiệu quả theo qui định (KH.4.1.3.02- *Qui định quản lý tài sản tại điều 13, chương V của Quyết định số 80/QĐ – TCĐN ngày 05/05/2008: Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các phòng khoa trường Cao Đẳng nghề Đồng Nai, minh chứng dùng lại*). Hàng năm, từng học kỳ các bộ phận, khoa có kế hoạch dự trù bảo trì, sửa chữa, phòng kế hoạch đầu tư kiểm tra tình trạng của trang thiết bị, triển khai công tác sửa chữa bảo dưỡng để đảm bảo an toàn, vận hành, phục vụ kịp thời trong công tác đào tạo nghề.(KH.4.1.03-*Qui trình bảo dưỡng,bảo trì, sửa chữa thiết bị, máy móc của trường CDN Ban hành theo QĐ số 42/QĐ_CD_N, ngày 14/3/2012*)

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Các thiết bị dạy nghề có hồ sơ quản lý rõ ràng, được quản lý, sử dụng đúng công năng, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ theo quy định của trường và nhà sản xuất;

Nhà trường đã phân cấp, quản lý, sử dụng và bảo dưỡng các trang thiết bị dạy nghề cho phòng khoa chuyên môn, hàng năm căn cứ hồ sơ thống kê danh mục các trang thiết bị đào tạo của khoa chuyên môn và **(KH.4.3.2.01-Sổ tài sản)**; **KH.4.1.3.01-Thiết bị phục vụ dạy nghề khoa cơ khí chế tạo năm 2009, 2010, 2011, minh chứng dùng lại**), khoa chuyên môn lên kế hoạch thường xuyên duy tu, kiểm tra, bảo dưỡng kịp thời phục vụ tốt công tác đào tạo **(KH.4.2.3.03-Kế hoạch sửa chữa chữa năm 2010,2011,2012, minh chứng dùng lại)**; **(KH.4.2.3.03- Các giấy đề nghị, báo cáo hư hỏng, biên bản xác nhận, duy tu trang thiết bị năm 2009; 2010; 2011, minh chứng dùng lại)**. Trang thiết bị, máy móc phục vụ đào tạo của các khoa hàng năm có thống kê, đánh giá tình trạng hoạt động và lưu trữ vào hồ sơ quản lý trang thiết bị **(KH.4.2.3.03-Đánh giá tình trạng trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo năm 2010,2011,2012, minh chứng dùng lại)**; **(KH.4.3.2.02 - Hồ sơ quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị năm 2010,2011,2012)**.

Các trang thiết bị, máy móc được sử dụng đúng với công năng thiết kế, có quy chế sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng thường xuyên, để đảm bảo hoạt động bình thường của tất cả các thiết bị, máy cho thực tập và các công trình phục vụ đào tạo và hoạt động chung của trường **(KH.4.2.2.01-Đánh giá tình trạng trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo năm 2010,2011,2012, minh chứng dùng lại)**.

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

c) Chỉ số 3: Các thiết bị dạy nghề bảo đảm các yêu cầu về sự phạm, an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong quá trình sử dụng, bảo dưỡng.

Các thiết bị, máy phục vụ thực tập của học sinh, được bố trí lắp đặt đạt yêu cầu về thẩm mỹ, an toàn, duy trì vệ sinh công nghiệp, môi trường v.v...(KH.4.1.4.01- Sơ đồ lắp đặt máy móc thiết bị Khoa Cơ khí chế tạo, minh chứng dùng lại). Hàng năm, trang thiết bị, máy móc được đánh giá đảm bảo về kỹ thuật, mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp đủ điều kiện đưa vào phục vụ cho công tác giảng dạy **(KH.4.1.4.02-Biên bản đánh giá tình trạng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo của khoa CKCT năm học 2009-2010; 2010-2011; 2011-2012; KH.4.1.4.03-Báo cáo tình trạng trang thiết bị đào tạo theo Kế hoạch số 27/KH-CDN, ngày 22/02/2012, minh chứng dùng lại)**.

Tự đánh giá chỉ số 3: Không đạt

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh*: công tác kiểm tra, duy tu và bảo dưỡng được thực hiện đúng qui định của nhà trường, đảm bảo trang thiết bị hoạt động phục vụ cho đào tạo.

- *Những tồn tại*: Một số máy công cụ (Tiện, phay, bào) được đầu tư trước năm 1990 đến nay bị hư hỏng nhiều nên việc sửa chữa, bảo dưỡng gặp một số khó khăn nhất định.

3. Kế hoạch: từ nay đến năm 2015 sẽ đầu tư thay thế các máy công cụ (Tiện, phay, bào) được đầu tư trước năm 1990.

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 4.3 : 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Nguyên, nhiên, vật liệu đáp ứng công tác giảng dạy và học tập.

1. Mô tả

a) Chỉ số 1: Có quy định về việc quản lý, cấp phát, sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu Phục vụ công tác giảng dạy và học tập;

Nhà trường có quy định cụ thể về quy trình xuất nhập, cấp phát vật tư trang thiết bị (**KH.4.4.1.01-Thông báo số 241/TB-TCĐN, ngày 16/07/2008 V/v Thống nhất Quy định cung cấp vật tư, dụng cụ phục vụ hoạt động của nhà trường**). Mỗi học kỳ phòng khoa chuyên lên kế hoạch mua sắm trang thiết bị, vật tư theo quy định về quản lý tài sản của nhà trường (**KH.4.1.3.02- Qui định quản lý tài sản tại điều 13, chương V của Quyết định số 80/QĐ – TCĐN ngày 05/05/2008: Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các phòng khoa trường Cao Đẳng nghề Đồng Nai - 01.02.05, minh chứng dùng lại**).

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Có dự trù, kế hoạch sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu cho từng học kỳ, năm học;

Hàng năm, căn cứ kế hoạch đào tạo, kế hoạch giáo viên và thời khóa biểu giảng dạy, nhà trường phê duyệt dự trù, kế hoạch mua sắm trang thiết bị, vật tư, vật liệu trong mỗi đầu học kỳ để kịp phục vụ công tác giảng dạy của các khoa chuyên môn (**KH.4.4.2.01- Kế hoạch giáo viên, Kế hoạch bài tập, Tổng hợp vật tư, dụng cụ năm học 2009-2010; 2010-2011; 2011-2012**).

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

c) Chỉ số 3: Nguyên, nhiên, vật liệu được cung cấp kịp thời, đáp ứng đầy đủ theo kế hoạch đào tạo;

Mỗi học kỳ, sau khi nhà trường phê duyệt dự trù, kế hoạch vật tư (KH.4.1.3.02- Kế hoạch giáo viên, Kế hoạch bài tập, Tổng hợp vật tư, dụng cụ năm học 2009-2010; 2010-2011; 2011-2012, minh chứng dùng lại). Căn cứ vào kế hoạch giáo viên, khoa chuyên lên nhận vật tư, vật liệu tại kho lưu trữ của nhà trường theo đúng qui định (KH.4.4.3.01- Phiếu xin cung cấp năm học 2009-2010; 2010-2011; 2011-2012.), đồng thời phòng chuyên môn lưu trữ vật tư, vật liệu xuất, nhập theo từng tháng, quý và báo cáo theo đúng qui định (KH.4.4.3.02- Bảng báo cáo nhập, xuất, tồn vật tư hàng tháng, quý, năm 2009-2010-2011; TV.5.2.1.08 - Báo cáo tài chính các năm 2009, 2010, 2011).

Tự đánh giá chỉ số 3: 1 điểm

d) Chỉ số 4: Có phòng, kho đảm bảo điều kiện bảo vệ, bảo quản tốt để bảo quản nguyên, nhiên, vật liệu;

Việc bảo quản, lưu trữ có kho riêng cho từng bộ phận để lưu trữ các trang thiết bị, dụng cụ và vật tư cho riêng các khoa để thuận tiện khi sử dụng. Phòng kế hoạch - đầu tư: Bảo quản kho chung cho toàn trường (KH.4.4.4.01- Hồ sơ thiết kế/ xây dựng khu vực bảo quản, kho tàng và các khu chức năng; KH.4.4.4.02- Hình ảnh kho chứa vật tư nhà trường, khoa cơ khí).

Tự đánh giá chỉ số 4: 1 điểm

đ) Chỉ số 5: Tổ chức việc quản lý, cấp phát, sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu theo quy định.

Nhà trường đã ban hành trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo dưỡng trang thiết bị do khoa chuyên môn quản lý và sử dụng hiệu quả theo qui định (KH.4.1.3.02- Qui định quản lý tài sản tại điều 13, chương V của Quyết định số 80/QĐ – TCDN ngày 05/05/2008: Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các phòng khoa trường Cao Đẳng nghề Đồng Nai, minh chứng dùng lại); (KH.4.4.1.01- Thông báo số 241/TB-TCDN, ngày 16/07/2008 V/v Thống nhất Quy định cung cấp vật tư, dụng cụ phục vụ hoạt động của nhà trường, minh chứng dùng lại). Căn cứ vào kế hoạch bài tập đã được phê duyệt, khoa chuyên lên nhận vật tư, vật liệu tại kho lưu trữ của nhà trường theo đúng qui định (KH.4.4.3.01- Phiếu xin cung cấp năm học 2009-2010; 2010-

2011;2011-2012. , minh chứng dùng lại), đồng thời phòng chuyên môn lưu trữ vật tư, vật liệu xuất, nhập theo từng tháng, quý và báo cáo theo đúng qui định (KH.4.4.3.02- Bảng báo cáo nhập, xuất, tồn vật tư hàng tháng, quý, năm 2009-2010-2011; KH.4.4.3.02- Báo cáo tài chính các năm 2009, 2010,2011, minh chứng dùng lại).

Tự đánh giá chỉ số 5: 1 điểm

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh:* Nguyên vật liệu đầy đủ đáp ứng nhu cầu của công tác giảng dạy và học tập, có quy định sử dụng và cấp phát vật tư đúng quy định.

- *Những tồn tại:* Không có

3. Kế hoạch: Tiếp tục duy trì và phát triển .

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4.4 đạt : 5 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Thư viện Đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập

1.Mô tả:

a) Chỉ số 1: Trường có Thư viện; thư viện có đủ giáo trình, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 10 bản hoặc có đủ số lượng và hình thức phục vụ phù hợp với nhu cầu tra cứu của giáo viên và người học nghề.

Thư viện trường Cao đẳng nghề Đồng Nai trực thuộc phòng Đào tạo. Do đặc điểm của trường, thư viện được bố trí tại tầng 1, dãy nhà số 1, đường Nguyễn Văn Hoa, khu phố 1, phường Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai, tổng diện tích 340m², hiện diện tích đang sử dụng là 128 m² (**ĐT. 4.5.1.01- Bản đồ thiết kế thư viện trường**).

Thư viện vừa là phòng đọc, nơi giáo viên, cán bộ công nhân viên và sinh viên, học sinh đến để đọc sách, tham khảo tài liệu, giáo trình chuyên ngành và cập nhật thông tin hàng ngày với các loại báo ngày, tuần mà trường đặt riêng cho thư viện. Theo kế hoạch thiết kế trang web trường (**ĐT. 4.5.1.02-Kế hoạch số 244/KH-TCĐN, ngày 14/11/2011 về thiết kế trang web**), thư viện trường đang sử dụng phần mềm thư viện Libol 6.0 viết trên nền web nên chỉ cần ở bất cứ nơi đâu trong trường cũng có thể truy cập được tài liệu mà không cần tới thư viện, nên thư viện không bị quá tải, lúc nào cũng có thể phục vụ nhu cầu bạn đọc một cách tốt nhất. (**ĐT. 4.5.1.03-Phần mềm**

thư viện Libol 6.0 kết nối với website nhà trường www.cdndn.edu.net) Bản đồ thiết kế thư viện trường

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch bổ sung tài liệu của trường gửi xuống (CK.4.5.1.04- Kế hoạch bổ sung tài liệu năm học 2010, 2011, 2012) , khoa cơ khí chế tạo lập danh mục giáo trình, sách tham khảo của từng nghề nộp về thư viện để thư viện tổng hợp bổ sung sách đúng theo kế hoạch.

Hiện nay tổng đầu sách thư viện là 6.021 đầu sách với 9.827 bản. Trong đó nghề Cắt gọt kim loại có 31 đầu sách do giáo viên nghề biên soạn, mỗi loại có 10 bản, là giáo trình phục vụ nghiên cứu giảng dạy và học tập (CK.4.5.1.04- Danh mục giáo trình nghề cắt gọt kim loại năm 2009)

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Thư viện có ít nhất 50 tài liệu tham khảo cho chương trình dạy nghề, số lượng tối thiểu là 10 bản mỗi loại.

Nghề cắt gọt kim loại của trường đào tạo theo các cấp trình độ: Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề. Thư viện có trên 50 loại sách tham khảo đáp ứng cho chương trình của nghề (CK.4.5.2.01- Danh mục sách tham khảo nghề cắt gọt kim loại năm 2011, 2012). Ngoài ra, thư viện còn cung cấp cho Khoa nghề một số trang web sách điện tử như: <http://ebook.com.vn>, www.hardwarebook.net để giáo viên và học sinh dễ dàng tham khảo.

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh:* Các loại tài liệu, giáo trình, sách báo tại thư viện được đặt mua theo yêu cầu của khoa, phục vụ cho công tác chuyên môn, vì vậy giúp cho CBGV- CNV và sinh viên học sinh có tài liệu học tập và tham khảo thích hợp theo từng modul môn học của nghề.

- *Những tồn tại:* So với quy mô hoạt động của Nhà trường nói chung và nghề Cắt gọt kim loại nói riêng thì đầu sách tham khảo mang tính chuyên môn cao còn hạn chế.

3. Kế hoạch: Trong năm học 2012-2013 Khoa nghề sẽ đề nghị nhà trường trang bị thêm các loại sách chuyên môn cao của nghề cắt gọt kim loại. Đồng thời phát huy hết hiệu suất của thư viện điện tử.

4.Tự đánh giá tiêu chuẩn 4.5 đạt: 2 điểm

3.2.5. TIÊU CHÍ 5: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH:

Trường Cao đẳng nghề Đồng Nai đã thực hiện cơ chế quản lý tài chính thống nhất trong toàn đơn vị. Công tác quản lý tài chính kế toán của Trường được thực hiện theo mô hình tập trung nên đã bám sát được nhu cầu thực tiễn để lập dự toán và điều chỉnh. Các nguồn kinh phí luôn được sử dụng ưu tiên cho các hoạt động đào tạo và nâng cao thu nhập cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Các kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm được lập phù hợp đúng mục đích và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Công tác lập kế hoạch, quản lý tài chính của trường đạt chuẩn theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng, đáp ứng được yêu cầu về quản lý tài chính, đúng quy định của nhà nước, minh bạch, công khai.

*** Những điểm mạnh:**

Nhà trường có đủ nguồn tài chính để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ đào tạo, tạo nguồn thu hợp pháp, bên cạnh đó trường đã thiết lập hệ thống sổ sách kế toán tài chính, đảm bảo tính hợp pháp, đúng qui định của Nhà nước, thực hiện định kỳ việc Kiểm toán của các cấp.

Công tác lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch tài chính đúng với Quy định, việc thực hiện, huy động các nguồn tài chính được đảm bảo, do đó công tác thu tài chính năm sau luôn cao hơn năm trước.

Nhà trường đã thực hiện tốt việc phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các Phòng, Khoa, Bộ môn, các hoạt động khác của trường .

Nhà trường đã thực hiện tốt việc lập dự toán, thực hiện thu chi, thực hiện quyết toán, báo cáo tài chính, quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ theo chế độ kế toán - tài chính của Nhà nước.

*** Những tồn tại và kế hoạch:**

- Những tồn tại:

Trước nhu cầu phát triển ngành nghề đào tạo đáp ứng nhanh với nhu cầu thực tế, việc đầu tư cho các lớp chuyên đề kỹ thuật mới, công tác nghiên cứu chế tạo thiết bị dạy nghề tự làm có khi nằm ngoài dự toán, tuy nhiên việc đầu tư này vẫn thực hiện và báo cáo đúng Quy định của Nhà nước.

Quản lý về tài chính trong đào tạo còn lãng phí, Kinh nghiệm chưa nhiều

Nhu cầu phát triển giáo viên có trình độ Thạc sĩ trở lên theo quy định của trường cao đẳng nghề, nên việc đầu tư vào đào tạo lại cán bộ, giáo viên có khi vượt dự toán.-
- *Kế hoạch:*

Đề công tác tài chính và quản lý tài chính được thực hiện tốt hơn trong thời gian tới, Phòng kế toán đề ra những việc làm và đề xuất sau: Thường xuyên cập nhật hệ thống văn bản mới về dự toán tài chính để việc dự toán tài chính sát với thực tế.

<i>Tiêu chuẩn 1: Công tác lập kế hoạch tài chính theo đúng quy định</i>
--

1. Mô tả

a) Chỉ số 1: Trường có văn bản quy định về việc lập kế hoạch tài chính đối với thực hiện các chương trình dạy nghề và có văn bản quy định về các định mức chi liên quan đến thực hiện chương trình dạy nghề.

Nhà trường được UBND tỉnh phê duyệt là đơn vị được phép thực hiện qui chế chi tiêu theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP về tự chủ tài chính (**TV.5.1.1.01 - Nghị định 43/2006/NĐ-CP** ngày 25/04/2006 về tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; (**TV.5.1.1.02- Thông tư 113/2007/TT-BTC** ngày 24/09/2007 hướng dẫn thực hiện Nghị định 43 tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập). Nhà trường đã xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ theo Nghị định này và hàng năm có điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn (**TV.5.1.1.03- Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2012-Ban hành theo QĐ số 145/QĐ0-TCĐN**, ngày 28/05/2012)

Kế hoạch tài chính được xây dựng trên cơ sở phân tích tình hình thực hiện của năm trước và căn cứ vào Kế hoạch Xây dựng chương trình dạy nghề bằng nguồn kinh phí CTMTQG (**TV.5.1.1.04- Công văn số 2843/LĐTBXH-ĐN**, ngày 01/12/2008, Về việc Xây dựng chương trình dạy nghề bằng nguồn kinh phí CTMTQG năm 2008) và Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo hàng năm của các phòng khoa chuyên môn (**TV.5.1.1.05- Kế hoạch số 263B/2008/CĐN ĐN-ĐT**, ngày 26/8/2008 Về việc xây dựng

chương trình đào tạo; **TV.5.1.1.06-** Quyết định số 144/2009/QĐ-CDNĐN-ĐT, ngày 27/7/2009 Về việc Thành lập hội đồng nghiệm thu Chương trình Trung cấp nghề và Cao đẳng nghề; **TV.5.1.1.07-** Quyết định số 155B/2009/QĐ-CDNĐN, ngày 26/8/2009 Về việc ban hành kế hoạch chương trình đào tạo Trung cấp nghề và Cao đẳng nghề)

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Hàng năm có kế hoạch tài chính được lập theo quy định để thực hiện chương trình dạy nghề, đảm bảo định mức quy định đối với chương trình dạy nghề và phù hợp tình hình giá cả, điều kiện hoạt động thực tế.

Kế hoạch tài chính được xây dựng trên cơ sở phân tích tình hình thực hiện của năm trước, nhà trường dự toán kinh phí xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo và phân bổ kinh phí cho các khoa chuyên môn hàng năm, cụ thể: Dự toán kinh phí điều chỉnh chương trình năm 2009 là 237.340.800 đồng, phân bổ kinh phí cho khoa Cơ khí chế tạo là 53.820.000 đồng, trong đó nghề cắt gọt kim loại là 18.668.400 đồng; Dự toán kinh phí điều chỉnh chương trình năm 2010 là 202.863.800 đồng, phân bổ kinh phí cho khoa Cơ khí chế tạo là 40.878.000 đồng, trong đó nghề cắt gọt kim loại là 1.355.400 đồng; Dự toán kinh phí điều chỉnh chương trình năm 2011 là 60.859.080 đồng, phân bổ kinh phí cho khoa Cơ khí chế tạo là 12.263.000 đồng, trong đó nghề cắt gọt kim loại là 4.066.200 đồng (**TV.5.1.2.01-Dự trù kinh phí Điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2009, 2010, 2011; TV.5.1.2.02-Dự toán Chi tiết phân bổ các khoa nghề, kèm theo quyết định số 10A/QĐ-CDN năm 2009; TV.5.1.2.03-Dự toán Chi tiết phân bổ các khoa nghề, kèm theo quyết định số 22A/QĐ-CDN năm 2010; TV.5.1.2.04-Dự toán Chi tiết phân bổ các khoa nghề, kèm theo quyết định số 05b/QĐ-CDN ngày 7/1/2011**).

Căn cứ vào mức chi soạn điều chỉnh chương trình đào tạo tại điểm 2.5.1 mục III của thông tư Số 90/2008/TTLT-BTC-BLĐTĐBXH, ngày 16/10/2008 (**TV.5.1.2.05-** Tại điểm 2.5.1 mục III, *Thông tư Số 90/2008/TTLT-BTC-BLĐTĐBXH, ngày 16/10/2008*), nhà xây dựng định mức chi điều chỉnh chương trình đào tạo tại mục TM 7006 của chi tiêu nội bộ của nhà trường, cụ thể: Định mức chi năm 2012 điều chỉnh chương trình đào tạo > 50% là 7.200đồng/giờ chuẩn; 20% - 50% là 5.400đồng/giờ chuẩn; dưới < 20% là 3.600đồng/giờ chuẩn (**TV.5.1.2.06-Tại mục TM 7006 của Qui chế chi tiêu bộ bộ năm 2009,2011,2012**), sau khi chương trình điều chỉnh được đưa vào sử dụng, nhà trường thành lập hội đồng nghiệm thu, đồng thời thanh toán chi phí

soạn chương trình cho các khoa chuyên môn (**TV.5.1.2.07**-Các biên bản nghiệm thu chương trình đào tạo 2009,2010,2011; **TV.5.1.2.08**-Bảng thanh toán thù lao soạn chương trình đào tạo 2009,2012).

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

2. Đánh giá

- *Điểm mạnh*: Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tài chính dựa trên kết quả đánh giá của năm trước, dự trù kinh phí và định mức xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với điều kiện trang thiết bị và công nghệ kỹ thuật thực tiễn.

- *Những tồn tại*: không có điểm tồn tại

3. Kế hoạch: Hiện tại nhà trường vẫn đang thực hiện theo đúng quy định nhà nước

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 5.1 đạt: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Nguồn thu theo quy định và đáp ứng thực hiện chương trình dạy nghề

1. Mô tả

a) Chỉ số 1: Các nguồn thu hợp pháp và được thực hiện theo quy định.

Các khoản thu của trường căn cứ theo các quy định của Nhà nước về áp dụng mức thu và sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (**TV.5.2.1.01**- Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 31/03/1998 về việc áp dụng mức thu và sử dụng học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân); **TV.5.2.1.02**- Quyết định 1310/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 21/08/2009 về việc điều chỉnh khung học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm 2009-2010; **TV.5.2.1.03**- Nghị định 49/2010/NĐ-CP của Thủ tướng chính phủ ngày 14/05/2010 Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015; **TV.5.2.1.04**- Thông tư liên tịch số 21/2010/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 11/02/2010 quy định chế độ thu và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh) đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;)

Hàng năm, Trường dựa vào định mức phân bổ và dự toán thu, chi ngân sách

kinh phí đào tạo của tỉnh (**TV.5.2.1.05-** Định mức phân bổ chi ngân sách địa phương- sự nghiệp đào tạo nghề theo công văn 1078/LS/STC-SLĐTBXH ngày 01/07/2008; **TV.5.2.1.06-** Quyết định số 491/QĐ-UBND, ngày 10/12/2011 V/v giao dự toán thu, chi ngân sách), căn cứ số lượng học sinh để xây dựng kế hoạch kinh phí cụ thể cho năm đó (**TV.5.2.1.07-** Thông báo mức thu tuyển sinh năm 2009-2010, 2010-2011,2011-2012).

Nhà trường thường xuyên tổ chức dạy lớp ngắn hạn, sơ cấp nghề và tổ chức thi nâng bậc thợ cho người lao động phù hợp nhu cầu thực tế (**TV.5.2.1.08-** Thông tin tuyển sinh nghề- ngắn hạn năm 2008-2009,2009-2010,2010-2011; **TV.5.2.1.09-** Thông báo tổ chức bồi dưỡng và thi nâng bậc năm 2009,2010,2011)

Xây dựng các nguồn thu sự nghiệp : liên kết đào tạo khối K, Khối A với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM (**TV.5.2.1.10-** Văn bản cho phép ký hợp đồng liên kết đào tạo với ĐHSP kỹ thuật TP Hồ Chí Minh: số 84/ĐHSPKT-ĐTKCQ ngày 15/03/2012); (**ĐT.1.2.1.02-** Hợp đồng đào tạo với các doanh nghiệp, trường học, cá nhân năm 2010,2011,2012, minh chứng dùng lại)

Các nguồn thu tài trợ của các doanh nghiệp, các dịch vụ sản xuất kinh doanh (**TV.5.2.1.11-** Hợp đồng dịch vụ giữ xe, cảng tin 2008-2010; **ĐT.1.2.1.02-** Hợp đồng đào tạo với các doanh nghiệp, trường học, cá nhân năm 2010,2011,2012).

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo nghề hàng năm của nhà trường, Sở Tài chính kiểm tra báo cáo tài chính mỗi năm và hai năm đoàn kiểm toán nhà nước kiểm toán 1 lần (**TV.5.2.1.12-** Thông báo thẩm định quyết toán tài chính năm 2009,2010,2011; **TV.5.2.1.13-** Báo cáo tài chính năm 2009,2010,2011; **TV.5.2.1.14-** Báo cáo kiểm toán nhà nước năm 2010).

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Nguồn thu đáp ứng đủ yêu cầu kinh phí để thực hiện chương trình dạy nghề.

Căn cứ vào dự toán ngân sách hàng năm được phân bổ, từ tất cả các nguồn thu Trường thực hiện chi tiêu đúng mục đích, đúng quy định và đầy đủ qua hệ thống sổ sách lưu trữ theo luật kế toán (có phần mềm kế toán) thông qua hội đồng nhà trường và được Kho bạc nhà nước, Sở tài chính phê duyệt (báo cáo quyết toán tài chính mỗi năm) và Kiểm toán Nhà nước kiểm tra định kỳ (**TV.5.2.1.12-** Thông báo thẩm định

quyết toán tài chính năm 2009,2010,2011, minh chứng dùng lại; TV.5.2.1.13- Báo cáo tài chính năm 2009,2010,2011, minh chứng dùng lại; TV.5.2.1.14- Báo cáo kiểm toán nhà nước năm 2010, minh chứng dùng lại).

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh:* nhà trường có đủ nguồn thu để chi cho hoạt động xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo.

- *Những tồn tại:* không có điểm tồn tại

3. Kế hoạch: tiếp tục thực hiện trong năm 2013

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 5.2 đạt: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Thực hiện chi theo kế hoạch và rà soát, điều chỉnh khi cần thiết

1. Mô tả

a) Chỉ số 1: Thực hiện chi theo đúng kế hoạch tài chính đã được phê duyệt, hồ sơ, chứng từ được lưu trữ theo quy định.

Hàng năm, căn cứ giao dự toán ngân sách của tỉnh (TV.5.1.2.06-Quyết định số 491/QĐ-UBND, ngày 10/12/2011 V/v giao dự toán thu, chi ngân sách, minh chứng dùng lại), nhà trường dự toán ngân sách chi tiết trong năm (TV.5.3.1.01- Dự toán chi tiết năm 2010,2011,2012) và thông báo dự toán chi tiết cho các khoa chuyên môn (TV.5.3.1.02-Thông báo công khai dự toán thu, chi năm 2009,2010,2011, 2012) và thực hiện chi theo qui chế chi tiêu nội bộ (TV.5.1.1.03-Quyết định số 34/QĐ-TCĐN, ngày 18/2/2011, Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường năm 2011). Hàng năm, nhà trường thực hiện lưu trữ đúng quy định và đầy đủ qua hệ thống sổ sách theo luật kế toán (TV.5.2.1.13-Báo cáo tài chính năm 2009,2010,2011, minh chứng dùng lại).

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Thực hiện công khai tài chính đối với hoạt động thực hiện chương trình dạy nghề theo quy định

Hàng năm, căn cứ vào lịch công tác từng tháng trong năm (TV.5.3.2.01- Lịch

công tác tháng của nhà trường năm 2010,2011,2012), dựa trên dự toán chi tiết thu, chi ngân sách của trường, trường dự trù dự toán chi tiết cho từng khoa chuyên môn (TV.5.3.1.01-Dự toán chi tiết năm 2010,2011,2012, minh chứng dùng lại; TV.5.3.2.02-Danh sách giao dự toán chi tiết khoa chuyên môn năm 2009,2010,2011).

Căn cứ vào tổng dự toán chi tiết các khoa chuyên môn (TV.5.3.2.03- Bảng tổng hợp phân bổ ngân sách cho các khoa điều chỉnh chương trình năm 2009, 2010, 2011; TV.5.3.2.04- Dự trù phân bổ kinh phí Điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2012) , trường hợp thống nhất kinh phí xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo trong năm (TV.5.3.2.05 - Biên bản họp giao ban mở rộng năm 2009, 2010, 2011, 2012).

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

c) Chỉ số 3: Hàng năm, thực hiện rà soát định mức chi liên quan đến hoạt động thực hiện chương trình dạy nghề và điều chỉnh khi cần thiết.

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo của nhà trường (ĐT.3.1.2.01-Kế hoạch xây dựng chương trình năm 2009, 2011, minh chứng dùng lại), nhà trường điều chỉnh định mức chi xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo cụ thể: năm 2010 điều chỉnh chương trình đào tạo > 50% chi 7.200 đồng/giờ chuẩn, điều chỉnh chương trình đào tạo > 30% chi 5.400 đồng/giờ chuẩn, điều chỉnh chương trình đào tạo < 20% chi 3.600 đồng/giờ chuẩn (TV.5.3.3.01-Định mức chi chương trình đào tạo tại mục TM 7006 của Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2010); năm 2011 điều chỉnh chương trình đào tạo > 30% chi 5.400 đồng/giờ chuẩn, điều chỉnh chương trình đào tạo < 10% chi 3.600 đồng/giờ chuẩn (TV.5.3.3.02- Định mức chi chương trình đào tạo tại mục TM 7006 của Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2011); năm 2012 điều chỉnh chương trình đào tạo > 50% chi 7.200 đồng/giờ chuẩn, điều chỉnh chương trình đào tạo từ 20%- 30% chi 5.400 đồng/giờ chuẩn, điều chỉnh chương trình đào tạo < 20% chi 3.600 đồng/giờ chuẩn (TV.5.3.3.03-Định mức chi chương trình đào tạo tại mục TM 7006 của Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2012).

Tự đánh giá chỉ số 3: không đạt

2. Đánh giá :

- Điểm mạnh: Tài chính được công khai khi thực hiện chương trình

- *Những tồn tại:* Chưa thực hiện rà soát định mức chi liên quan đến hoạt động thực hiện chương trình dạy nghề

3. Kế hoạch: bắt đầu từ năm 2013, nhà trường sẽ thực hiện rà soát định mức liên quan đến chương trình đào tạo.

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 5.3 đạt mức: 2 điểm

6.2.6 TIÊU CHÍ 6: CÁC DỊCH VỤ CHO NGƯỜI HỌC NGHỀ

Mở đầu

Bên cạnh việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ giáo viên, xây dựng , biên soạn giáo trình, cải tiến phương pháp giảng dạy, đầu tư trang thiết bị để phục vụ tốt cho việc giảng dạy, trường Cao đẳng nghề Đồng Nai cũng như các khoa nghề luôn đảm bảo mọi người học có được thông tin cần thiết về chương trình dạy nghề ngay từ khi nhập học. Hơn nữa, người học nghề luôn được Nhà trường cung cấp các dịch vụ hỗ trợ như ăn, ở, giải trí chăm sóc sức khỏe và trợ giúp giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp.

****Những điểm mạnh:***

- Nhà trường luôn đảm bảo người học nghề có được thông tin cần thiết về chương trình dạy nghề ngay từ khi nhập học.

- Nhà trường có chỗ ăn, ở và các tiện nghi học tập, sinh hoạt và chăm sóc sức khỏe cho học sinh sinh viên.

- Trường có tổ chức tốt việc cung cấp thông tin và giới thiệu việc làm cho học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp.

**** Những tồn tại và kế hoạch***

- *Tồn tại:* Số lượng học sinh sinh viên theo học tại trường đông nhưng ký túc xá hiện nay chỉ có 366 chỗ ở

- *Kế hoạch:*

+ Nhà trường liên hệ nhà trọ bên ngoài giúp học sinh sinh viên có chỗ trọ gần trường để học .

+ Tiếp tục phổ biến, cung cấp kịp thời các thông tin về thị trường lao động và việc làm cho học sinh - sinh viên giúp học sinh - sinh viên có cơ hội tìm việc làm phù hợp.

Tiêu chuẩn 6.1: Đảm bảo người học nghề có được thông tin cần thiết về chương trình dạy nghề ngay từ khi nhập học.

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Trường có quy định về việc cung cấp thông tin cần thiết về chương trình dạy nghề.

Để đảm bảo cho học sinh sinh viên có được thông tin cần thiết về chương trình dạy nghề ngay từ khi nhập học, nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn và sử dụng website của nhà trường. (CT.6.1.1.01- Quy định số 228/QĐ-TCĐN, ngày 17/10/2011 V/v Quản lý và sử dụng Website) để sinh viên dễ dàng truy cập được các thông tin cần thiết liên quan đến chương trình đào tạo.

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Chỉ số 2: Người học nghề được cung cấp các thông tin cần thiết theo quy định.

Ngay từ khi học sinh có nhu cầu tìm hiểu nghề cần học tại trường, Nhà trường đã rất quan tâm tới việc cung cấp những thông tin cần thiết cho người học nghề. Những thông tin cần thiết này thể hiện qua việc tư vấn chọn nghề, thông báo tuyển sinh, chương trình đào tạo, học phí, mục tiêu đào tạo, điều kiện nhập học, kết quả đạt được sau khóa học, giới thiệu việc làm... (CT. 6.1.2.01 - Các thông tin dán tại phòng tuyển sinh). Đồng thời việc cung cấp thông tin còn qua kênh truyền hình quảng cáo, báo chí, đài phát thanh (CT. 6.1.2.02- Hợp đồng quảng cáo: Tờ rơi quảng cáo, đăng tin trên báo Đồng Nai, Đài phát thanh Biên Hòa, Đài phát thanh truyền hình Đồng Nai, Trang web của trường từ năm 2010,2011, 2012)

Hàng năm, Nhà trường đã có kế hoạch phổ biến các nội quy, quy định của nhà trường cho học sinh sinh viên vào đầu năm học mới (CT.6.1.2.03- Kế hoạch phổ biến các nội quy, quy định của trường trong 3 năm 2010-2011; 2011-2012; 2012-2013). Trong các buổi sinh hoạt đầu khóa Phòng đào tạo kết hợp với phòng Công tác học sinh – sinh viên phổ biến các thông tin về nghề đào tạo, chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu chuyên môn cần đạt được của khóa học, các quy chế hiện hành về thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp. Sau phần sinh hoạt tập trung, các khoa

nghề cũng như nghề cắt gọt kim loại giới thiệu chi tiết hơn về nghề nghiệp, định hướng về nghề nghiệp trong tương lai và giải đáp các thắc mắc của học sinh sinh viên. (CT.6.1.2.04- Thông báo về việc tổ chức sinh hoạt học sinh - sinh viên đầu khóa học năm 2010-2011;2011-2012;2012-2013; CT 6.1.2.05- Biên bản về việc tổ chức sinh hoạt học sinh -sinh viên đầu khóa học năm 2010-2011;2011-2012;2012-2013)

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm.

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh:* Nhà trường luôn đảm bảo người học nghề có được thông tin cần thiết về chương trình dạy nghề ngay từ khi nhập học.
- *Những tồn tại:* không

3. Kế hoạch: Tiếp tục thực hiện

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 6.1 đạt mức: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Các dịch vụ cho người học nghề cho người học.

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Người học nghề được cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trong quá trình đào tạo (ăn, ở, giải trí, tư vấn tâm lý, cung cấp tài liệu)

Nhà trường có thư viện, ký túc xá và căn tin tạo mọi điều kiện thuận lợi cho học sinh viên có nhu cầu ăn, ở, giải trí và học tập trong quá trình học tại trường (CT.6.2.1.01- Phần mềm thư viện trên trang web nhà trường www.cdndn.edu.vn ; CT.6.2.1.02 - Hình ảnh khu vực Thư viện, Ký túc xá, Căn tin của nhà trường) . Bên cạnh đó trường có sân bóng đá mini, sân cầu lông, sân bóng chuyền để học sinh sinh viên vui chơi giải trí ngoài giờ học tập (CT.6.2.1.03 -Hình ảnh khu vui chơi giải trí: Sân bóng đá mini, sân cầu lông, bóng chuyền)

Trường có câu lạc bộ tư vấn pháp luật được thành lập từ năm 2009 để tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, tư vấn sức khỏe vị thành niên và đã kịp thời giải đáp được những thắc mắc của học sinh sinh viên (CT.6.1.04- Quyết định số 286/QĐ-TCDN, 21/10/2009 V/v Thành lập ban điều hành hoạt động Đề án nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường gia đoạn 2008-2012;

CT.6.2.1.05 - Kế hoạch tổ chức tuyên truyền giáo dục pháp luật năm học 2009-2010;2010-2011;2011-2012.).

b) Chỉ số 2: Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội theo quy định

Nhà trường luôn triển khai và thực hiện tốt các quy định, chế độ chính sách xã hội cho học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cho bộ đội xuất ngũ và cho người học là đối tượng chính sách (**CT.6.2.2.01** - Thông báo số 18/TB-TCĐN ngày 25 tháng 01 năm 2011 V/v hướng dẫn thực hiện quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học; 2010-2011;2014-2015). Năm học 2009-2010 nhà trường đã xét miễn giảm học phí cho học sinh sinh viên có đối tượng là con của thương bệnh binh, gia đình khó khăn, người dân tộc. Riêng khoa Cắt gọt kim loại có 27 học sinh sinh viên được miễn giảm học phí (**CT.6.2.2.02**- Danh sách học sinh, sinh viên được miễn giảm học phí năm học 2009-2010). Đối với học sinh sinh viên là bộ đội xuất ngũ, nhà trường đã xin hưởng trợ cấp học phí học nghề theo quy định (**CT.6.2.2.03**- Danh sách học sinh, sinh viên đang học tại trường được hưởng trợ cấp học phí năm học 2009-2010; 2010-2011;2011-2012) Vào dịp Tết nguyên đán năm 2011, 2012 học sinh sinh viên trường thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ khó khăn. Riêng nghề Cắt gọt kim loại có 09 học sinh sinh viên đối tượng là người dân tộc được hỗ trợ khó khăn. Ngoài ra trường đã phổ biến các quy định về tín dụng cho học sinh sinh viên nắm bắt được đối tượng được vay vốn. Trong thời gian qua, rất nhiều học sinh sinh viên của trường đã được vay vốn (**CT.6.2.2.04**- Danh sách học sinh sinh viên của trường Cao đẳng nghề Đồng Nai có nợ vay tại ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai).

Để động viên, khuyến khích học sinh - sinh viên đạt thành tích cao trong học tập, nhà trường còn phân bổ suất học bổng khuyến khích học nghề cho từng lớp và xét cấp học bổng cho học sinh - sinh viên theo từng học kỳ (**CT.6.2.2.05** - Danh sách học sinh sinh viên được cấp học bổng năm 2009-2010;2010-2011;2011-2012). Riêng đối với học sinh sinh viên nghề cắt gọt được phân bổ suất học bổng năm học 2009-2010 cho hệ trung cấp nghề là 27 và hệ cao đẳng nghề là 11 suất. Năm học 2010-2011, số suất được phân bổ cho hệ cao đẳng nghề là 11, hệ trung cấp nghề là 17. Năm học 2011-2012 số suất học bổng cho hệ trung cấp nghề là 12 và 10 suất cho hệ cao đẳng nghề.

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm.

c) Chỉ số 3: Trường có nhà ăn hoặc dịch vụ ăn uống được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm và chưa xảy ra bất cứ một vụ ngộ độc thực phẩm nào.

Trường có căn tin phục vụ nhu cầu ăn uống, giải khát sáng, trưa, chiều, tối cho học sinh sinh viên toàn trường (TV.5.2.1.11- *Hợp đồng dịch vụ giữ xe, căn tin 2010,2011,2012, minh chứng dùng lại*) Căn tin ở trường và khu vực ký túc xá của trường được sử dụng dựa trên việc ký kết hợp đồng với đơn vị bên ngoài nhưng đảm bảo nguyên tắc an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo chất lượng từng bữa ăn và chưa xảy ra bất cứ một vụ ngộ độc thực phẩm nào (CT.6.2.3.01 - *Quy định về tổ chức hoạt động của căn tin trường năm 2010, 2011, 2012* ; CT.6.2.3.02 - *Biên bản kiểm tra điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh, phục vụ ăn uống, thức ăn đường phố năm 2010, 2011, 2012*)

Tự đánh giá chỉ số 3: 1 điểm.

d) Chỉ số 4: Người học nghề được tạo điều kiện rèn luyện nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất, được cung cấp các dịch vụ y tế theo quy định.

Nhà trường có sân bóng đá, sân bóng chuyền , sân cầu lông để học sinh sinh viên học học tập, rèn luyện nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất (CT.6.2.4.01- *Hợp đồng số 224/HĐ-TDĐT V/v Thỏa thuận thành lập câu lạc bộ thể dục thể thao*). Với quy mô đào tạo lớn, số lượng học sinh, sinh viên đông, nhà trường có một phòng Y tế thường trực với một y sĩ tận tâm, nhiệt tình luôn đảm bảo chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho học sinh sinh viên, cấp phát thuốc và sơ cứu kịp thời cho những học sinh, sinh viên bị bệnh trước khi chuyển đến tuyến trên (CT.6.2.4.02- *Sổ cấp phát thuốc năm học 2010, 2011, 2012*); (CT.6.2.4.03 - *Báo cáo đánh giá dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe năm học 2010, 2011, 2012*)

Tự đánh giá chỉ số 4: 1 điểm.

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh*: Nhà trường có chỗ ăn, ở và các tiện nghi học tập, sinh hoạt và chăm sóc sức khỏe cho học sinh sinh viên.

- *Những tồn tại*: Số lượng học sinh sinh viên theo học tại trường đông nhưng ký túc xá hiện nay chỉ có 366 chỗ ở.

3. Kế hoạch: Nhà trường liên hệ nhà trọ bên ngoài giúp học sinh sinh viên có chỗ trọ gần trường để học .

4. Tự đánh giá tiêu chuẩn 6.2 đạt: 4 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: Tổ chức thông tin thị trường lao động và giới thiệu việc làm cho người học.

1. Mô tả:

a) Chỉ số 1: Thường xuyên cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm.

Nhà trường có bộ phận thu thập, cung cấp cho người học thường xuyên các thông tin về nghề nghiệp nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp dễ dàng tìm kiếm được việc làm (**CT.6.3.1.01- Quyết định số 24/QĐ-TCĐN ngày 10 tháng 02 năm 2012, về việc thành lập tổ thông tin thị trường lao động**). Ở các khoa nghề cũng như nghề Cắt gọt kim loại của khoa Cơ khí chế tạo đều có bảng tin đã kịp thời cung cấp các thông tin về nghề nghiệp, thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp.

Hơn nữa, học sinh sinh viên có thể cập nhật thông tin tuyển trên trang web của Nhà trường (**CT.6.1.1.01 - Qui định số 228/QĐ-TCĐN, ngày 17/10/2011 V/v Quản lý và sử dụng Website, minh chứng dùng lại**) hoặc ở bảng tin của trường tại phòng tuyển sinh (**CT.6.3.1.02 - Thông tin tại phòng tuyển sinh của nhà trường (hình ảnh)**).

Tự đánh giá chỉ số 1: 1 điểm

b) Trường tổ chức trợ giúp giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Để trợ giúp giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp, Nhà trường có bộ phận thu thập, cung cấp thông tin về nghề nghiệp (**CT.6.3.1.01- Quyết định số 24/QĐ-TCĐN ngày 10 tháng 02 năm 2012, về việc thành lập tổ thông tin thị trường lao động, minh chứng dùng lại**). Ngoài ra, Nhà trường có quy trình giới thiệu việc làm cho học sinh sinh viên (**CT.6.3.2.01- Quy trình giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp**).

Đối với các khóa chuẩn bị tốt nghiệp, nhà trường có lớp tập huấn kỹ năng tìm việc để cung cấp các kỹ năng cần thiết khi xin việc cho học sinh - sinh viên (**CT.6.3.2.02- Thông báo về việc tập huấn kỹ năng tìm việc năm 2010,2011, 2012**)

Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên liên hệ với các doanh nghiệp liên kết giới thiệu việc làm cho người học (**CT.6.3.2.03** - *Bảng ghi nhớ về việc gắn kết giữa nhà trường và Doanh nghiệp năm học 2009-2010; 2010-2011; 2011-2012.*)

Từ tháng 12 năm 2011 nhà trường hợp tác đào tạo và giới thiệu việc làm với Công ty TNHH ÊSUHAI nhằm tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp cho học sinh - sinh viên các nghề Cắt gọt kim loại. (**CT.6.3.2.04** - *Hợp đồng nguyên tắc về việc hợp tác đào tạo và giới thiệu việc làm; CT.6.3.2.05* - *Thông báo kết quả tổ chức Hội thảo "Việc làm Nhật Bản" năm 2011 đến tháng 09 năm 2012*). Tất cả các thông tin trên đều được thể hiện ở bảng tin của phòng tuyển sinh (**CT.6.3.1.03** - *Thông tin tại phòng tuyển sinh của nhà trường (hình ảnh)*), minh chứng hùng hồn).

Đối với các khóa chuẩn bị tốt nghiệp, nhà trường kết hợp với các khoa đã liên hệ với các doanh nghiệp cho học sinh sinh viên đi thực tập nhằm gắn hoạt động đào tạo của nhà trường với doanh nghiệp. Trong thời gian thực tập, nhiều học sinh sinh viên đã được tuyển dụng tại các doanh nghiệp nơi học sinh thực tập. Nhờ vậy trường đã đáp ứng được nhu cầu giải quyết việc làm cho nhiều học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp (**CT.6.3.2.06** - *Các khảo sát nhu cầu việc làm của thị trường lao động*).

Tự đánh giá chỉ số 2: 1 điểm

c) Chỉ số 3: Hàng năm rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin thị trường lao động và giới thiệu việc làm cho người học .

Thông tin về thị trường lao động, việc làm luôn được nhà trường cung cấp qua bảng tin (**CT.6.3.1.03** - *Thông tin tại phòng tuyển sinh của nhà trường (hình ảnh)*), minh chứng hùng hồn). Hàng năm, nhà trường đã tổng hợp báo cáo, đánh giá hiệu quả của hoạt động thông tin thị trường lao động và giới thiệu việc làm cho học sinh sinh viên. (**CT.6.3.3.01**- *Báo cáo đánh giá hiệu quả của hoạt động thông tin thị trường lao động và giới thiệu việc làm*).

Tự đánh giá chỉ số 3: 1 điểm

2. Đánh giá:

- *Điểm mạnh:* Trường có tổ chức tốt việc cung cấp thông tin và giới thiệu việc làm cho học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- *Những tồn tại:* không có

3. Kế hoạch: Tiếp tục phổ biến, cung cấp kịp thời các thông tin về thị trường lao động và việc làm cho học sinh - sinh viên giúp học sinh - sinh viên có cơ hội tìm việc làm phù hợp.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 6.3 đạt mức: 03 điểm

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1/ KẾT LUẬN

Trường Cao đẳng nghề Đồng Nai nói chung và Nghề cắt gọt kim loại nói riêng đã xác định công tác Tự kiểm định là quá trình, là nhiệm vụ thường xuyên. Qua công tác Tự kiểm định nhà trường, khoa nghề nhận thấy một số điểm còn tồn tại cần phải khắc phục hoàn thiện trong thời gian tới, để đáp ứng quy mô một nghề trọng điểm quốc gia và khu vực.

2/ KIẾN NGHỊ:

Đồng Nai, ngày 16 tháng 11 năm 2012

Nơi nhận:

- Vụ KĐCL
- TCDN
- Lưu VT, HĐKĐ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KĐCL

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

VŨ ANH TUẤN